Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiếu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

LIBRARY
OCT 1965
CORNELL UNIVERSITY

PHỔ THÔNG

Tạp-chí Văn-Hóa ra ngày 1 và 15
Giám-đốc : NGUYỄN - VỸ
143
15 - 2 - 1965

Đặc-biệt TÂN-NIÊN

PHỔ-THÔNG TẠP-CHÍ

Xin thành thật cảm ơn tất cả những Bạn thiêu xa gần, ở trong nước và ngoài nước đã gởi thiệp mừng Xuân và, một lần nữa, xin thân ái chúc toàn thể Quý Bạn được muôn vàn

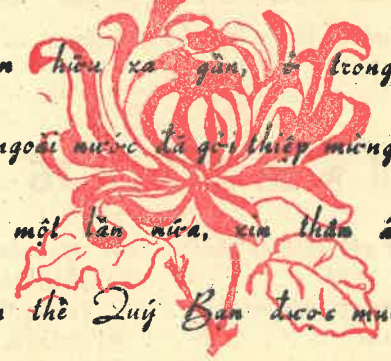

HẠNH - PHÚC

Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiếu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

PHỔ-THÔNG

TẠP-CHÍ

GÓP PHẦN XÂY-DỰNG VĂN-HÓA VIỆT-NAM
PHỔ BIẾN VĂN HÓA ĐÔNG TÂY KIM-CỔ

Giám-đốc, Chủ-bút : Nguyễn-Vỹ

Tòa-soạn : 233, đường Phạm-Ngũ-Lão, Sàigon — Đ.T. 25.861

NĂM THỨ VII ★ SỐ 143 ★ 16-2-1965

1.— *Xã luận : Phật giáo không cần ai* . . Nguyễn-Vỹ 6 — 9
2.— *Một vụ án văn nghệ* . . . . . Nguyên-Hương 10 — 16
3.— *Ông già đón bầu (truyện ngắn)*. . . . Tường-Linh 17 — 23
4.— *Thư mùa Xuân (thơ)* . . . . . Đynh-Trầm-Ca 24
5.— *Cánh đồng quạnh (kịch)* . . . . . Trần-tuấn-Kiệt 25 — 26
6.— *Khoa học hàng không* . . . Nguyễn-Tường-Thịnh 27 — 33
7.— *Giai thoại Văn chương* . . . . . Tân-Hiến 34 — 37
8.— *Một chút ánh sáng (thơ)* . . . . Đào-Thanh-Khiết 38
9.— *Vẻ hào hoa của Trà Đạo Nhật Bản* . . Châm-Vũ 39 — 47
10.— *Lá thư gởi mẹ (thơ)* . . . . . Mộng-Thôn 48
11.— *Thần thoại Hy-Lạp : Achille* . . Đàm-Quang-Thiện 49 — 54
12.— *Phê bình Sách Mới* . . . . . Minh-Huy 55 — 57
13.— *Niềm đau đất mẹ (thơ)* . . . . . Tường-Huy 58
14.— *Hẹn Hò (truyện dịch)*. . . . . Liên-Hoàn 59 — 70
15.— *Suốt một đời người ươm mối thù rắn* . Giang-Tân 71 — 75
16.— *Thôi nhé anh (thơ)* . . . . Song-Hoài-Nguyên 76
17.— *Tuấn, chàng trai nước Việt* . . . . . Nguyễn-Vỹ 77 — 79
18.— *Đi giữa dòng đời (truyện ngắn)* . . . . Tố-Nga 80 — 86
19.— *Linh hồn, Bài Kim Hoa (thơ)* . . . Trần-Tuấn-Kiệt 87
20.— *Freud* . . . . . Thái-Dương 88 — 92
21.— *Người tù 69* . . . . . Nguyễn-Vỹ 93 — 97
22.— *Họa thơ Xuân Nhật Sầu Ngâm* . . . . . 98 — 99
23.— *Lá thư Paris « Đêm Đàn Năm »*. . Nguyễn-văn-Cồn 100 — 104
24.— *Nguồn Thơ (thơ)* . . . . . Mộng-Tố-Nga 105
25.— *Nhân sinh quan của nhà nho VN* . Phạm-văn-Sơn 106 — 109
26.— *Đắc Kỷ có công hay có tội* . . . . . Thiếu-Sơn 110 — 115

✱ Chúng tôi hoàn-toàn không chịu trách-nhiệm về những bài lai cảo của bạn đọc, (theo thể-lệ chung của các tạp-chí quốc-tế).

✱ Bài lai cảo không đăng, không trả lại.

✱ Các Sách Báo Việt-ngữ ở trong nước được tự-tiện trích đăng những bài trong tạp-chí PHỔ-THÔNG, nhưng yêu-cầu đề rõ xuất-xứ : « Trích Tạp-chí PHỔ-THÔNG » và đừng viết tắt.

✱ Cấm trích, dịch, phỏng đăng vào sách báo Ngoại-quốc mà không xin phép.

✱ Tous droits de traduction, d'adaptation, et de reproduction même partielle, réservés pour tous pays.

● Copyright by PHỔ THÔNG, printed in Việt-Nam.

Tổng-phát-hành PHỔ-THÔNG ở Âu-Châu và Phi-châu

● **Notre représentant général pour l'Europe et l'Afrique**

● **Our general agent in Europa & Africa**

LONG-HIỆP

13, Rue de la Montagne Ste Geneviève — PARIS Vè

(vente — abonnements — Publicité)

PHẬT GIÁO

không sợ ai,
không cần ai,
không xin ai.

★ Nguyễn-Vỹ

Kẻ viết bài nầy không phải là một Phật tử của giờ sau cùng (bouddhiste de la dernière heure), trí thức tùy thời, chánh khách xôi thịt chỉ chạy theo đuôi Phật Giáo khi thấy Phật Giáo có thế lực hơn bao giờ hết. Kẻ viết bài nầy không phải là hạng người tự xưng là « trí thức Phật tử » mà không bao giờ bước chân đến chùa, chẳng bao giờ đọc hết bộ kinh Thủ Lăng Nghiêm, và khinh thường các vị Tăng già hồi Phật Giáo hãy còn yếu thế dưới thời Thực dân, Phong kiến và thời độc tài của một gia đình Thiên Chúa giáo.

Nó là một Tín đồ Phật Giáo từ thuở bé, nó đã quy y Tam Bảo và thọ lãnh pháp danh tại Chùa Từ Đàm trước đây 20 năm. Nó đã theo đạo Phật vì Tín ngưỡng thuần túy, vì nó đã tìm thấy trong các kinh Phật một giáo-lý của Hòa-Bình, của Từ-Bi, của Bác-Ái, Bình-Đẳng Dân Chủ, Tự Do một triết thuyết vô cùng cao siêu, bất diệt, có thể giác ngộ được a-tăng-kỳ-kiếp của chúng sinh, của toàn thể nhân loại, từ 2500 năm về trước đến muôn ức triệu năm về sau.

Cho nên khi nó nói, nó chỉ vì Phật Giáo mà nói. Phật Giáo là Chân Lý : nó vì Chân Lý mà nói.

I.— PHẬT GIÁO TỪ XƯA ĐẾN NAY KHÔNG HỀ SỢ AI

Kẻ sợ, không phải là con nhà Phật. Sức mạnh của Phật Giáo là không sợ, Khí giới của Phật Giáo chỉ gồm hết lại có một câu 9 tiếng: «Nam mô Phật! Nam mô Pháp! Nam mô Tăng!» Không cần hoan hô kẻ xu nịnh mình một thời, đả đảo kẻ ghét mình một thuở, không cần

Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiếu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

tuyên truyền, bạo động, hay bất bạo động, không cần « làm chính trị », theo Quốc gia hay Cộng sản. Để tỏ khí tiết « không sợ » của Phật-tử, tự thiêu mình trong lửa chớ không dùng lửa thiêu ai. Sức mạnh của Phật-Giáo tiềm tàng trong im lặng của nhà Chùa, trong câu kinh Từ Bi, trong Ngọn Lửa Bồ Tát. Chớ không phải trong náo động ở ngoài chợ, trong máu lửa phàm phu.

Phật-Giáo là trường kỳ giải thoát, không phải đấu tranh giai đoạn. Giải thoát đúng theo lời Phật dạy.

2.— PHẬT GIÁO KHÔNG CẦN AI

Vì Phật là duy nhất. Trên Phật không có gì cả. Dưới Phật không có gì cả. Không có gì ngang hàng với Phật. Từ thuở vua Asoka, Phật Giáo không cần ai ủng hộ. Từ thuở Ngô đình Diệm, Phật Giáo không sợ ai diệt trừ. Phật Giáo không cần tiền của chúng sanh, không cần đất của vua chúa, không cần xe hơi nhà lầu. Phật-Giáo ở gốc Bồ-Đề, Phật Giáo ở bờ sông : Phật Giáo ở Niết-bàn.

Đức Phật đã dạy ngài Tỳ Khưu Ananda : Trên thế gian không giàu, không nghèo, không mạnh, không yếu, không gần, không xa, không không, không có.

Ôi, ta yêu Đức Phật làm sao ! Không có gì mạnh bằng cái « không » của Đức Phật !

3.— PHẬT GIÁO KHÔNG XIN AI

Ta chưa hề thấy Đức Phật ngửa tay xin ai cái gì. Ta chưa hề thấy Đức Phật mở miệng yêu cầu ai điều gì. Phật Giáo là dân chủ, là xã hội, trước thời Cộng hòa của Platon.

Phật Giáo là nhân đạo, trước thời Jésus Christ.

Các giáo sĩ Bà la Môn công kích Đức Phật, Phật không trả lời. Khổng Giáo phê bình Đức Phật, Phật Giáo không tranh luận.

Jésus Christ còn nói : «Chỉ có một vì Chúa ». Phật bảo : « Có muôn ức triệu Phật. Có a-tăng-kỳ Phật ». Trong mỗi con tim của loài người, đều có Phật. Phật ở khắp cả. Nam Tôn, Bắc Tôn, Thiền Tôn, Liên Tôn, Tịnh Độ Tôn đều là Phật cả. Không có Phật Giáo nào là chuyên quyền một Phật Giáo. Phật để tự do không xin ai theo Phật, không bỏ ai ghét Phật.

Ôi, ta yêu Đức Phật làm sao ! Không có gì bình đẳng tự do, dân chủ, bằng hai tiếng Từ-Bi của Phật !

N. V

một

VỤ ÁN VĂN NGHỆ

ly kỳ và chua xót

YOSIP BRODSKI

MỘT THI-SĨ THUỘC THẾ HỆ HÔM NAY, MỘT TÀI HOA NGHỆ THUẬT — NHƯNG CŨNG LÀ MỘT KẺ PHẢ HOẠI CHỦ NGHĨA CỘNG-SẢN VÌ KHÔNG CỐ GẮNG « XÂY DỰNG » NHƯ MỌI NGƯỜI... BRODSKI HIỆN LÃNH 5 NĂM TÙ ĐÀY Ở ARKHANGELS

★ Nguyên-Hương

Mùng 8 tháng chạp 1964 vừa qua, đọc trên tờ J.E.O số ra cùng ngày, độc giả nhìn vào mục « Littéraire » (văn chương) đã phải kinh ngạc lẫn chua sót về một cái tin được lấy từ hãng thông tấn A.F.P như sau :

— Một vụ án Văn nghệ ly kỳ chua xót

VARSOVIE : 4-2-1964, tòa án tiểu hình Ba-Lan vừa tuyên xử một bản án mang tính chất đặc biệt và quan trọng vì đây là một vụ án khác hẳn các vụ án từ trước tới nay tại một quốc gia Cộng sản.

Vụ án đó sở dĩ ly kỳ và đặc biệt vì bị can là một thi sĩ thuộc thế hệ hôm nay, được coi như một trong những cái tên đáng kính nể trong phạm vi văn chương chủ nghĩa xã hội. Đó là thi sĩ Yosip-Brodski bị tuyên án vì đã... làm việc quá ít so với năng lực sản xuất của những người khác.

Bị can Yosip-Brodski đã bị tòa tiểu hình xứ này xử phạt năm năm khổ sai chiếu hình luật số 376/7-4-1947 của Hội đồng tối cao thẩm phán Liên-sô và các thuộc địa.

Sau 5 tuần tòa đình để nghị án, ngày 13-3-1964 vừa qua bị can ra trước vành móng ngựa để nghe vị chánh án là bà Salveleva tuyên án.

Hiện tại bị can thi sĩ Yosip-Brodski đã bị giam giữ tại khám đường Arkhangel, Ba-Lan, mặc dù hội văn-nghệ-sĩ xã hội Liên-sô phản đối.

Bài báo lược kể trên, chẳng khác nào một hung tin, khiến chúng ta, những người may mắn được làm văn nghệ tại một nước thuộc khối tự do và ít ra cũng không bị hạn chế phát biểu tư tưởng của mình trên quan điểm nghệ thuật và văn chương, phải suy nghĩ và đặt vấn đề.

đi vào phiên xử kín tại tòa án Varsovie

Theo bài báo của ký-giả phụ trách trang Văn-Nghệ trong nhật báo *Le Figaro* thì vụ án được trình bày như một màn đối thoại trên sân khấu, vì tinh thần phiên tòa vừa có một nét khôi hài vừa có một nội dung mỉa mai, chua xót, dù xử kín nhưng nhờ sự tiết lộ sau đó của một trong các nhân chứng được dầu tên trên tạp chí Kuluora mà vụ án đáng lẽ bị bưng bít đã lọt bức màn sắt Cộng-sản chui qua thế-giới tự-do và tạo nên luồng phản ứng mãnh liệt. Ngay cả hội Văn-Nghệ sĩ Xã-Hội Liên-sô cũng lên tiếng phản đối.

Hôm đó, tòa tiểu hình Varsovie nhóm tại số 22 đại lộ Léningrad thuộc quận Fontanka, đặt dưới một thành phần thẩm phán như sau :

— Bà Salveleva : chánh án.

— Ông Sorokine : biện lý

Ngoài ra tham dự phiên tòa có những nhân vật sau :

— Bà Toporova : Luật sư của bị cáo.

— Ô. Grudnina, — Ô Yefim Grigorevich Etkind } nhân chứng ủng hộ bị can

— Denisov : nhân chứng buộc tội Brodski.

Mở đầu phiên tòa, bà Salve-

'eva đã tấn công ngay bị can về vấn đề chính danh nghề nghiệp.

Bà Salveleva :

— Nói một cách chánh thức, anh chuyên môn về nghề gì ?

Bị can Brodski có vẻ ngập ngừng :

— Tôi làm nghề thi sĩ.

— Thi sĩ có phải nghề không?

— Phải, vì tôi làm thơ và dịch cả thơ ngoại quốc nữa !

Bà Salveleva cười mỉa :

— Ai công nhận anh là thi sĩ ? Và ai cho anh vào hàng ngũ thi sĩ ?

— Không có ai hết, còn vào hàng ngũ thi sĩ đó là điều tự nhiên của một kẻ làm thơ như bà — ai cho bà vào hàng ngũ loài người ?

Tới đó có vài nhân chứng vỗ tay, bà Salveleva đập bàn kêu gọi sự yên lặng, tiếp tục thẩm vấn :

— Anh có học nghề ấy không ? Trong trường và do giáo sư nào dạy ?

— Tôi không cho rằng nghề đó phải được dạy trong trường.

— Thế làm sao anh... có nghề ấy?

— Tôi nghĩ rằng tự trời phú cho một cá nhân mà không thể bắt cứ ai cũng được như vậy.

Thẩm vấn đến đó, Tòa hỏi bị can với lời kết luận :

— Bây giờ anh được thỉnh nguyện một điều, anh nói đi.

— Tôi muốn biết tại sao bị bắt về tội làm thi sĩ ?

— Đó là câu hỏi, không phải lời thỉnh nguyện.

Brodski mỉa mai lại :

— Thế thì tôi không có gì để thỉnh nguyện cả.

Trên đây chỉ là một đối thoại cũng đủ cho chúng ta nhận định được phần nào thực chất văn nghệ tại vùng Cộng sản. Người làm văn nghệ đã bị coi như một cái máy nghĩa là phải sản xuất bất chấp nguồn cảm hứng và giá-trị nghệ phẩm. Sau đây là vài đoạn khác về vụ án Yosip Brodski.

Tòa án Varsovie đã truy tố Brodski về tội không gia tăng năng xuất, nghĩa là làm thơ quá ít không đủ đảm bảo và cung ứng nhu cầu văn nghệ. Thoạt nghe người ta ngỡ chánh quyền Cộng sản chú tâm phát triển văn hóa và giúp đỡ văn-nghệ-sĩ triệt để, kỳ thật họ hoàn toàn máy móc và tắc trách.

Tiền nhuận bút quá ít oi, vì một nghệ phẩm phải bán cho một hợp-tác-xã văn hóa với giá chết đói vì thế nghệ sĩ đâm ra mất hứng và mất phong độ về phẩm lẫn lượng :

những sự thật trần trường

Một bằng chứng cụ thể dưới đây :

— Anh có một nghề nghiệp chắc chắn không ?

— Làm thơ cũng chắc chắn lắm rồi.

— Trả lời chính xác hơn.

— Tôi làm thơ, mỗi tác phẩm tôi bán và thu tiền về, thiết nghĩ đó cũng là...

— Tòa không cần hiểu anh nghĩ gì, anh hãy trả lời tại sao không tích cực làm việc ?

— Tôi làm việc chứ, nhưng tôi làm thơ thì phải tùy hứng.

— Tòa không cần biết việc đó. Anh giao dịch với sở nào?

— Tôi có giao kèo với vài nhà xuất bản và tạp chí.

— Anh có đủ tiền để sinh nhai không ? Hãy nói rõ giao kèo thuộc loại nào ? giá bao nhiêu ? thời hạn ?

Bị « quay » quá quắt, nữ luật sư của bị can, bà Toporova phải dùng quyền phủ quyết phản đối ông biện lý Sorokine:

— Xin ngài biện lý vui lòng cho tôi phản đối lối thẩm vấn tàn nhẫn ấy.

Nhưng ông Sorokine vẫn được nghe Brodski trả lời rằng :

— Mỗi tuần tôi kiếm được 300 Kopecks (Tiền Ba-Lan — 10 Kopecks ăn 1 rúp Nga) đủ ăn xài.

— Còn tiền quần áo, nhà cửa, giày tất ?

— Tôi có một bộ com-lê, dù đã cũ nhưng vẫn là bộ com-lê và tôi cần gì có nhiều bận bịu vô ích. Nhà ở ư ? — Tôi ngụ với song thân tôi.

Cho rằng bị can đã biện hộ quá thiếu xót, bà luật sư Toporova còn nhấn mạnh thêm :

— Thân chủ tôi hiện nay đang ngụ với cha mẹ lớn tuổi, công nhân về hưu. Thế mà gia đình vẫn đầy đủ như vậy chứng tỏ thân chủ tôi dư sống với số tiền tạo ra.

Bên cạnh vị luật sư tận tình biện hộ cho bị can, còn các nhân chứng khác ủng hộ cho Brodski là ông Grudnina nhà chuyên môn phê bình các văn

nghệ-sĩ trẻ suốt 11 năm trên tạp chí Kuluora, cơ quan ngôn luận của giới trí thức Ba Lan.

Theo ông thì các tác phẩm của Brodski có một tầm giá trị đáng kể, nhất là các dịch phẩm của chàng rất công phu chứng tỏ rằng chàng đã bỏ công nghiên cứu chính xác các từ ngữ và nội dung. Ngoài ra ông cũng xác định mỗi dịch phẩm của Brodski trị giá ít lắm cũng 350 rúp. Theo nhânchứng cho biết thêm thì Brodski sống tiện tặn và chăm làm việc vì suốt ngày chỉ thấy chàng cắm cúi trên bàn giấy.

Cũng theo lời giáo sư Yefim Grigorevich Etkind (hội viên hiệp hội các nhà văn và giáo sư thuộc viện đại học Heizen Varsovie — một trong các giám khảo chọn lựa tác phẩm của văn nghệ sĩ trẻ) thì Brodski được ghi nhận như sau :

— Tôi biết tác giả là bậc kỳ tài ngay lúc đọc tác phẩm của ông ấy. Nhất là cái tên Brodski đủ tạo cho tôi sự tin tưởng. Ngoài ra ông còn chứng tỏ là người kiên nhẫn và say mê công việc. Dịch giả nào cũng có thể bị thất bại nhiều lần trong địa hạt văn nghệ. Nhưng người ta vẫn có thể dịch thơ, làm thơ say sưa mà không cần tiền.

Thật vậy, vấn đề đồng lương tại một xứ Cộng Sản có nhiều điểm kỳ lạ. Như lời đối thoại giữa giáo sư Etkind và Grudnina :

— Một tác giả trẻ có thể thất bại và luôn luôn phải chịu đựng trong một tinh thần cố gắng, cầu tiến vượt bực.

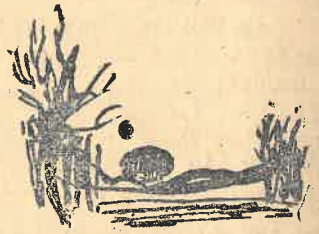

Có một câu đùa : *Giữa tên ăn bám và một thi sĩ chỉ khác nhau ở chỗ tên ăn bám ăn mà không làm, còn thi sĩ làm mà không ăn !*

Tòa hỏi :

— Đó là câu đùa không làm tòa cười được. Trong quốc gia chúng ta mỗi người đều được thụ hưởng tùy theo khả năng sản xuất qua sự cố gắng. Không thể có bất công như làm nhiều hưởng ít. Vả lại nước ta phần lớn lợi tức lại

về tay các thi gia trẻ, sao ông lại bảo rằng họ chết đói, và bảo rằng các nhà thơ trẻ làm mà không có ăn ?

Grudnina :

— Tôi không nói — tôi bảo đó là câu nói đùa nhưng có ẩn chứa sự thật. Vì các nhà thơ trẻ được trả tiền bản quyền khác nhau rất xa.

— Tốt, nhưng đó là do họ đẩy chứ.

Nhưng tất cả những lời đối thoại ấy đều vô nghĩa, đều hoài công, trong phiên xử vẫn để Brodski vẫn bị lôi ra ;

Tòa : — Lương bổng của anh không xứng đáng tí nào, anh bảo mỗi năm kiếm hơn 300 rúp nhưng theo nhà hữu trách thì chỉ 100 rúp thôi, tại sao ?

dư luận phản đối

Thế là Brodski phạm tội rành rành — tội làm thơ và kiếm ra tiền quá ít. Thêm vào đấy bị can còn phạm tội thay đổi nhiệm sở quá nhiều — 1 năm những 13 nơi. Việc ấy bị coi như cố tình phá hoại — tăng năng xuất quốc gia — và có tư tưởng hủ hóa.

Một nhân chứng của tòa đưa ra là anh công nhân của tòa là Deniçov đã giải thích :

— Anh chỉ đổi sở có hai lần trong năm vậy mà còn thất thu hoàng hồ Brodski những 13 lần. Như thế không thể nào học hỏi được kỹ thuật và kinh nghiệm... nghề nghiệp.

Trái lại Brodski viện lý do :

— Tôi đổi chỗ làm vì tôi không thể làm nô lệ không thể để bị bóc lột, tôi cần nhiều lương hơn, thêm nữa tôi muốn tìm hiểu về con người và cuộc sống.

Trên quan điểm lao động tòa bác ý kiến ấy và còn nêu lý do khác là bị can đã phí phạm thời giờ trong khi đi tìm việc từ nơi này sang nơi khác, bị can đã nghĩ như vậy quốc-gia thiệt hại một số thời gian vô ích.

Nhưng Brodski cải chính :

— Trong khoảng thời gian

nghỉ ầy tôi vẫn làm việc đấy chứ, tôi làm thơ.

— Nhưng anh không thêm lợi tức.

— Thì tôi sẽ thu sau này...

— Tòa muốn bảo anh cần làm việc thực sự lúc ầy cơ.

— Có chứ... tôi làm thơ cơ mà !

— Tòa...

Lý luận của Brodski và tòa cứ lập luận theo ý riêng của một vai trò và phạm vi vì thế sau này giáo sư Adomi đã phê bình vụ án như sau :

— Tòa xử Brodski vào tội... làm việc quá ít chứ không phải làm việc... ít lương, mà người ăn bám là người làm việc ít chứ không phải người ít lương như Brodski, vậy buộc tội y thật vô lý. Y là một người làm việc nhiều, làm không ngừng mà chỉ đòi hỏi số lương tối thiểu đủ sống để trau dồi thêm nghệ thuật và sáng tạo nghệ phẩm giá-trị.

Nhưng tòa đã bảo :

— Bị can có đọc và biết đạo luật mùng 4 tháng 5 không? Đạo luật ầy ghi : Chủ nghĩa cộng sản chỉ xây dựng bằng sự cố gắng của tập thể!

Brodski đáp với giọng chán ngán :

— Nhưng mọi cố gắng có ích lợi tới xã hội vẫn cần thiết hơn.

Tội nghiệp Brodski, vì lý luận ấy mà lãnh 5 năm tù khổ sai, và tội nghiệp luôn cả giáo sư Adomi đã bị ông biện lý Sorokine mạ lỵ. Vì tòa không kính trọng Brodski thì những kẻ bênh vực chàng nào có nghĩa gì.

Chính Sorokine tuyên bố sau khi tòa xử xong :

— Những ai bênh vực cho bị can đều là quân vô lại, quân ăn bám và là đồ rận chấy, sâu bọ, ký sinh cả.

Thế là xong.

Một văn nghệ sĩ, một nhà thơ, đành chịu giam thân vào lao lý chỉ vì đã không chịu làm việc nhiều, chịu phục vụ cho cái gọi là chủ nghĩa lao động xã hội của những con người được mệnh danh Cảnh sát Văn nghệ của « thiên đường » Cộng Sản.

★ ●

Ông già đờn bầu

TRUYỆN NGẮN

★ TƯỜNG-LINH

Ít nhất ông già ấy cũng có một cái tên, dù chỉ là cái tên miễn cưỡng để cho bộ đời có thể dành cho ông một con số thứ tự, để người chung quanh phân biệt được ông với bao nhiêu kẻ khác. Chắc thế. Song, từ khi ông xuất hiện tại một góc nhỏ của chợ T.N. thì cái xã hội vốn ưa diễu cợt và thích tượng trưng hóa mọi vấn đề này lại gán cho ông một cái tên; đúng hơn là một cái biệt hiệu hơi dài: *ông già đờn bầu.*

Dĩ nhiên, đối với đương sự, cái tên này không có ích lợi gì cả. Ông không thể dùng nó để xử dụng quyền công dân hay lãnh ngân phiếu, nhưng giữa một vùng thị tứ có trăm kẻ bán vạn người mua này thì cái tên đó lại làm ông nổi bật hơn bất cứ một nhân vật nào tại đây. Cứ gọi *ông già đờn bầu* là mọi người ở đây đều biết cả.

Mới nghe, người ta tưởng ông là một nghệ sĩ chuyên xử dụng độc huyền cầm của một ban cổ nhạc. Nhưng không, nghề chính của ông là sửa giày. Ông nhận khâu, vá tất cả các loại giày, dép. Ông mua giày cũ, chữa những chỗ cần thiết, đánh một lượt xi-ra cho bóng rồi bày ra đấy, ai hỏi mua ông bán lại.

Tiền công sửa giày và giá mỗi đôi giày cũ thường không nhất định. Có khi khâu một quai dép ông tính hai đồng và vá một đường giày há mồm khá dài mà ông cũng chỉ tính tiền công chừng ấy. Ngược lại, đôi khi, đáng lẽ tiền công chỉ vài ba đồng thôi nhưng ông lại tính gấp đôi, gấp ba. Khách hàng ngạc nhiên trả giá kỳ kèo thì lập tức,

ông lắc đầu và xua đuổi khách đi, nói nguây nguẩy :

— Thôi thôi, già xin biếu không... xin biếu không !

Nếu khách có hoảng lên mà trả theo giá ông đã đòi, ông cũng nhất định không chịu nhận.

Bởi nhiều việc làm kỳ cục như vậy nên mọi người đã cho là ông có tật khùng hay vì trọng tuổi nên trở thành lẩm cẩm.

Người chung quanh không thấy ông có bà con thân thuộc gì cả. Cả ngày, ông cặm cụi làm việc một mình dưới mái nhà khép nép bên vỉa hè đường phố.

Gọi là nhà, kỳ thực nhà của ông chỉ là mấy tấm *tôn* có cọc chống, phía sau dựa sát vào vách của phòng đọc sách công cộng. Sự « nhờ cậy » ấy có một tương phản rõ rệt giữa nhà và vách. Nhà thì không ra gì cả nhưng vách lại quá chắc chắn.

Ông làm việc, nấu nướng, ăn uống và ngủ tại đây.

Đêm đêm, khoảng chín giờ, dẹp mọi dụng cụ sửa giày sang một bên, trải chiếu lên nền nhà bày cây đờn bầu ra, ung dung đờn. Ông đờn hết bản này tới bản khác, luân lưu, bất tuyệt như gió thoảng, như mưa tuôn. Nào *hành vân, lưu thủy*, cả đến những đoạn nhạc mà người sành điệu đến mấy cũng khó biết được ông « trích » ở bản nhạc nào.

Như một sự sinh hoạt rất thường và đều, cứ độ chín giờ tối, khi tiếng đờn của ông già ngân lên thì lũ trẻ cũng đã bu quanh ông rồi. Chúng đến để thưởng thức, để hỏi ông : *tại sao đờn có một giây mà ông bắt nó kêu được nhiều tiếng thế* ? Có đứa như không chịu nổi sự ngứa ngáy của đôi tay, bèn xê lại ngồi chồm hổm bên ông, rồi sau vài lần liếc mắt dò xét ý tứ của chủ nhân, nó nhè nhẹ đưa tay lên sờ cần đờn cong như chiếc cần câu có buộc sợi dây nhợ rất thẳng. Nó lại cẩn thận liếc chừng ông già một lần nữa rồi tần mần đặt tay nắm phía dưới tay ông già, nhún lia nhún lịa. Đờn đang tuôn âm thanh theo từng tiết điệu, từng âm giai âm trình của bản nhạc bỗng bị trầm xuống, cao vút hay lạc giọng

theo sự uốn cần đờn một cách phản nghệ thuật của bàn tay đứa bé.

Ông già trợn mắt và sau một tiếng « hự » bất bình của ông, đứa bé ngã ngửa, bò lăn bò càng chui ra ngoài như một con chuột nhắt ăn trộm gạo bị người ta xua đuổi.

Đứa bé nhập bọn với lũ bạn phía ngoài đang ngồi chầu mồm nhìn vào. Đâu lại vào đấy. Lũ trẻ không phá phách gì thêm. Ông già vẫn say sưa đờn, nét mặt trầm ngâm như đang gởi hồn theo từng « nốt » âm thanh ngao du trong thế giới mênh mông và đẹp của nghệ thuật.

Thỉnh thoảng, ông ngừng tay, hớp một ngụm rượu để rồi nhìn lũ trẻ, đờn bằng miệng : *ú, xáng, liêu, xàng, xê, cống, xự ư...ự*.

Lũ trẻ phá lên cười.

Có một lần tiệm sửa giày của ông — tạm gọi thế — đóng cửa luôn mấy ngày. Nói là đóng cửa cho nó có vẻ vậy thôi, kỳ thật ông vẫn mở cửa nhưng nhất định không chịu nhận thêm một chiếc giày hư nào nữa cũng như không bán ra những đôi giày cũ đã được ông sửa chữa. Kỳ quặc hơn nữa là cả những đôi giày người ta giao ông sửa đã xong, ông cũng không chịu giao cho họ. Ông bảo họ phải đợi khi nào ông làm việc lại đã. Tuy khó chịu thật nhưng cũng chẳng ai nỡ gây gổ, cự nự với ông.

Ông già đang bận tiếp khách. Không biết ông mời đâu được ba ông già khác cũng gần giống ông về niên tuế, vóc dáng và nhất là cũng khùng khùng, lẩm cẩm như ông.

Thêm được những tâm hồn tri kỷ *ông già đờn bầu* có vẻ thích thú lắm. Ông nói chuyện luôn mồm, ông cười hắc hắc, ông mua thêm những thức ăn khá hơn thường ngày để đãi khách. Lúc nào nói chuyện chán, bốn ông già lại bày bàn cờ tướng ra, hai vị chính thức đấu với nhau còn hai vị kia chia ra làm nhân vật chầu rìa cho mỗi bên.

Ban đầu họ còn ngồi trong lều, đến chiều, bóng tối trong

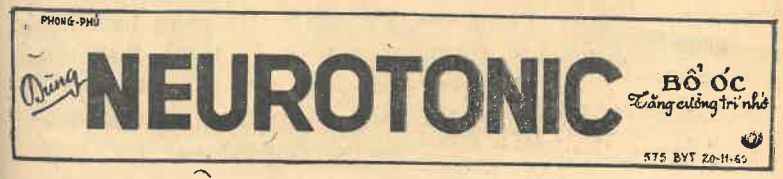

lều không nể nang gì bốn cặp mắt đã mòn mỏi ấy, bàn cờ lại được dời ra vỉa hè phố, choán mất lối người ta qua lại. Nhưng bốn ông già như từ một cõi tiên nào lạc tới không cần biết đến sự nhỏ nhặt ấy. Ai muốn đi thì tránh sang chỗ khác mà đi. Mấy thầy cảnh sát cũng đành... « kính lão đắc thọ », chỉ biết nhìn nhau cười và làm ngơ cái chuyện xâm lấn đường phố bất hợp pháp của bốn ông già.

Bữa cơm, chủ và khách nói chuyện thật dòn. Mỗi người nói một câu chuyện. Nếu tò mò một chút, người ngoại cuộc sẽ không biết trong bốn ông già ai nói chuyện với ai vì ông nào cũng tranh nhau nói cả. Rốt cuộc, ai nói nấy nghe, bốn tâm hồn tri kỷ ấy chẳng ai hiểu được ai cả.

Sau bữa cơm tối, *ông già đờn bầu* quấn một điếu thuốc lá thật lớn, trang trọng đốt lên. Ông rít một hơi dài khai mạc rồi lần lượt chuyền điếu thuốc lớn cho ba vị khách, mỗi vị rít một hơi. Cứ thế mà trao nhau. Ông nào rít xong một hơi thuốc cũng đều cười một tràng dài. Tiếng cười thật lớn, thật sảng khoái. Đố ai hiểu nổi vì sao các cụ cười !

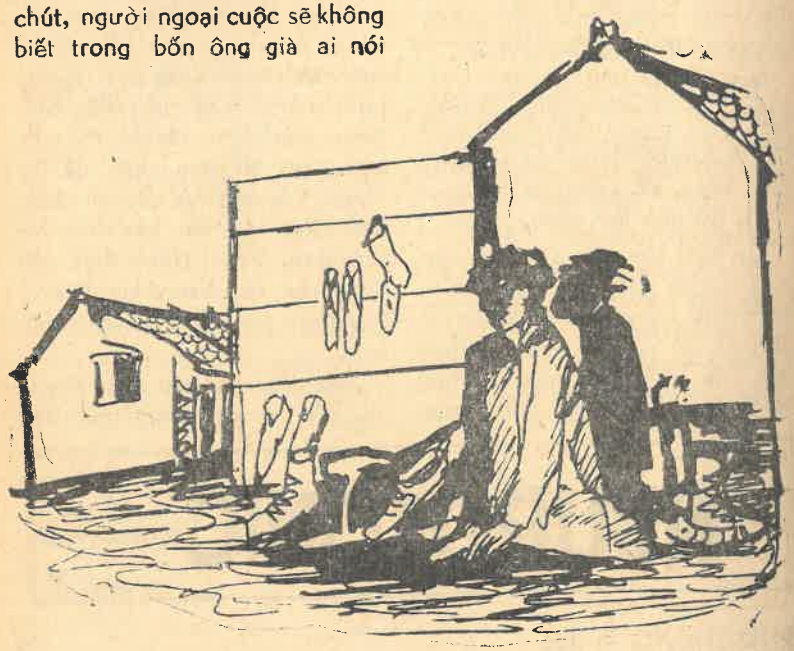

Hút thuốc xong, *ông già đờn bầu* soạn đờn ra, lên giây. Ba vị khách tĩnh tọa thành một hàng đối diện với chủ nhân. Tiếng đờn lại ngân nga, vi vút, trầm bổng. Chủ và khách đều không nói một tiếng. Ba ông già ngồi lim dim mắt, gục gặc đầu như ngầm tán thưởng những ngón tuyệt nghệ của kẻ tri âm.

Tưởng như mọi bữa, lũ trẻ lại kéo tới để nghe đờn. Vừa thấy bóng bọn chúng, *ông già đờn bầu* lập tức nghỉ đờn, đứng lên trợn mắt quát :

— Về ! Về hết ! Đi chỗ khác mà chơi ! Bữa nay không phải tao đờn cho tụi bay nghe đâu !

Nếu có đứa nào táo gan còn đứng lại đó, ông liền bước tới một bước, xăn tay áo. Đứa bé ôm đầu chạy mất. Buổi trình diễn độc - huyền cầm lại tiếp tục.

Suốt bốn ngày đêm như thế, ba ông già kia mới từ giã chủ nhân đi mỗi nơi một ông. Lúc này mọi người mới được nhẹ nhõm vì không bị mất lối đi trên hè phố vào những buổi chiều, nhất là những khổ chủ có giày hư gởi *ông già đờn bầu* vá mới được phép lấy về.

★

Đêm ba mươi tết năm ấy, như mọi đêm, lũ trẻ vẫn kéo đến và ông già vẫn đờn. Một mái đầu bạc và hơn mười mái đầu cạo trọc có, húi ca-rê có, đều như không biết có Tết, có Xuân. Một ông già và hơn mười đứa trẻ càng thấy gần nhau hơn. Đôi bên đều cần có nhau. Vắng lũ trẻ, đối với ông già, đêm tất niên sẽ càng cô độc, buồn tẻ nhiều hơn. Trái lại, nếu không có ông già chịu khó đờn trong đêm trừ tịch thì những đứa trẻ nghèo nàn kia biết mua vui bằng cách nào khi chúng không có áo mới, quà bánh và trò chơi Tết ?

Sau vài bản đờn, ông già ngừng tay, thân mật bảo lũ trẻ :

— Tưởng các cháu tối nay không đến với ông ? Thôi, đừng đờn làm gì nữa. Ông cháu mình ăn tiệc tất niên với nhau nhé !

Lũ trẻ ngơ ngác nhìn nhau. Chúng cho đó là một sự lạ. Lạ vì chúng biết thêm một điều : *ông già đờn bầu* cũng biết nói

PHƯƠNG-DHC
Dùng NEUROTONIC BỔ ÓC
Tăng cường trí nhớ
575 BYT 20-11-63

chuyện thân mật chứ không phải chỉ « hự » khi bị chúng phá phách. Lạ hơn nữa là ông già khùng và nghèo nàn này lại dám mở tiệc tất niên đãi chúng.

Trong lúc chúng còn phân vân thì ông già mở một gói lớn bọc giấy rồi bày trên chiếu rất nhiều kẹo, bánh và chuối. Để có vẻ « Tết » hơn, ông khệ nệ lôi từ gầm giường ra hai trái dưa hấu lớn, xẻ thành nhiều miếng, sắp xen vào đám kẹo bánh vừa bày ra.

— Nào, vào đây các cháu !

Lũ trẻ chưa hết ngơ ngác vì bữa dạ tiệc quá bất ngờ này. Ông già phải chui ra khỏi lều, đẩy từng đứa vào. Chúng không còn nghịch ngợm như mọi khi mà đứa nào cũng ngồi xếp bằng quanh chiếu trông thật lễ phép và ngoan ngoãn.

Ông già tuyên bố khai mạc bữa tiệc :

— Ông già rồi, không thể ngồi đây vá giày kiếm ăn và đêm đêm đờn cho các cháu nghe nữa. Ăn Tết xong, ông sẽ vào nương nhờ những ngày tàn trong Viện dưỡng lão. Vậy đêm nay, các cháu cứ ăn bánh với ông cho vui. Tiền dành dụm lâu nay của ông, ông đem mua bánh kẹo hết để đãi các cháu. Nào, ăn đi các cháu ! Ăn nhiều đi, ông còn nhiều lắm chớ không phải chỉ chừng này đâu.

Lũ trẻ nhìn ông như dò hỏi. Không đứa nào tỏ ra chăm chú vào mớ bánh kẹo rất hiếm đối với chúng hàng ngày mà đứa nào cũng nhìn ông già, nét mặt rất quan trọng. Một đứa nhỏ nhất trong bọn nhìn ông vừa nói vừa mếu :

— Ông đi thiệt sao ông ? Ông đi rồi ai đờn cho cháu nghe hở ông ?

Ông già vuốt đầu nó, âu yếm bảo :

— Ông già rồi, phải đi, phải đi cháu ạ ! Đừng có nhớ chuyện đờn địch làm chi nữa. Đờn bầu này đã xưa rồi. Thời đại văn minh này người ta đã quên nó rồi, chẳng khác nào những người già cả như ông chẳng còn làm được gì ích lợi cho thiên hạ.

PHONG-PHÚ
Dừng NEUROTONIC BỔ ÓC Tăng cường trí nhớ
575 BVT 20-11-65

Ông già ngừng nói, phá lên cười. Ông cười nghe hắc hắc nhưng không đờn đã như mọi ngày mà nghe như có gì đau khổ, ẩn ức. Có lẽ ông thấy mình lần thần đã « lý luận » với đứa bé chưa biết « thời đại », « văn minh » là những thứ gì.

Ông gật gù chiếc đầu có mớ tóc trắng như cước rồi bảo lũ trẻ ăn. Bữa tiệc tất niên của ông già và lũ trẻ kéo mãi đến khuya. Có lẽ chủ và khách đều e sợ những giờ phút trống rỗng sau khi tiệc tàn. Lũ trẻ ăn hết kẹo bánh, dưa hấu rồi cứ ngồi nguyên quanh chiếu. Ông già biết chúng còn đợi một thứ gì khác hơn là ăn uống.

Ông già soạn đờn ra, lên giây rồi bắt đầu đờn cho chúng nghe một lần cuối cùng.

Lũ trẻ há hốc mồm nhìn ông già trân trối rồi nhìn nhau. Chưa bao giờ chúng được nghe một nhạc sĩ độc huyền cầm nào đờn hay đến thế ! Ông già đờn cho chúng nghe những bài bản mà từ khi biết nghe đờn, chúng chưa bao giờ được nghe qua lần nào. Nhiều đứa quả quyết rằng sau khi nghe *ông già đờn bầu* đờn lần cuối cùng thì dù là đại nhạc hội, dù là đài phát thanh, dù chọn cả nước này cũng không thể có nhạc sĩ nào đờn hay hơn được ! Nhiều đứa ôm mặt khóc rưng rức. Nhiều đứa phải nhắm mắt lại. Có đứa phải cởi áo ra ôm nơi tay, thở hổn hển, có đứa đứng lên đi qua đi lại, múa may quay cuồng trong căn lều chật hẹp...

Ông già vẫn đờn, hết bản này tới bản khác. Môi ông mím chặt và trên đôi gò má nhăn nheo, hai giòng nước mắt chảy dài từ bao giờ...

★

Sau Tết năm ấy, vùng chợ T.N., người ta không còn thấy *ông già đờn bầu* đâu nữa.

★ ●

PHONG-PHÚ
Dừng NEUROTONIC BỔ ÓC Tăng cường trí nhớ
575 BVT 20-11-65

thư mùa xuân

Thôi nhé Thu, mùa Xuân về rồi đó
Thôi đừng buồn, đừng khóc nữa nghe em !
trời chắc mưa, thôi đừng đứng trước thềm,
nhỡ gió rét làm môi em hết đỏ.

Thôi nhé Thu, mùa xuân về rồi đó,
thôi đừng buồn, đừng hờn dỗi nghe em !
đêm hà-lam phố nhỏ chắc không đèn,
thôi đừng bước lạc-loài trong vũng tối.

Thôi nhé Thu, em đừng đứng đợi,
anh không vào, em đừng khóc nghe em !
mai mốt vào thăm anh sẽ chịu « đền »...
êm đừng giả-vờ lơ đi đấy nhé.

Thôi nhé Thu, thôi đừng buồn như thế,
đừng chong đèn nằm nhớ chuyện vu-vơ
tóc chảy dài trên mặt gối ơ thờ,
anh không có — còn ai đâu mà dỗ ?

Thôi nhé Thu mùa xuân về rồi đó,
thôi đừng buồn như thế nữa nghe em.
đừng mặc áo mầu, đừng mặc áo đen,
vận áo trắng cho ngoan hiền em nhé !

Thôi cười đi, đừng có buồn như thế,
ngoan anh thương mai mốt anh mới vào...

★ **ĐYNH TRẦM CA**
(Vĩnh-diện)

CÁNH ĐỒNG QUẠNH

KỊCH MỘT HỒI

★ *Trần-Tuấn-Kiệt*

(Khung cảnh là một cái chòi một mái, dựng lên giữa khoảng đồng rạ khô. Một bà già, một đứa bé)

MỞ MÀN

(Bà già ngồi như ngủ quên. Đứa bé từ sau mái lá bước ra),

Đứa Bé : Con đi nghe bà.

Bà già : Đi đâu ?

Đứa bé : Tìm nước.

Bà già : Ở đâu ?

Đứa bé : *(Chỉ tay bâng quơ)* Ở đằng kia, sau đám bụi mờ đó ngoại à.

Bà già : *(mở mắt lần đầu tiên)* Sau đám bụi mờ có nước ư ?

Đứa bé : Con sẽ tìm ra được ngay đem về cho bà đỡ khát.

Bà già : *(mắt lờ đờ)* nước... nước... đã bao nhiêu lâu rồi, con ta... rồi đến cháu lại đi tìm nước...

Đứa bé : *(bước ra sau lều)* Con sẽ chạy mau tìm nước.

Bà già : *(với cánh đồng)* Ta đã nhìn rõ các người từ lâu rồi... đừng giỡn nữa, ta đập một gậy chết tươi bây giờ,.. đi đi sao lại kéo tay ta .. đi khỏi chỗ này mau... lũ quỉ không đầu... *(gió rú lên và đứa bé bước vào)*

Đứa bé : Bà ơi ! nói gì lầm thầm đó ?

Bà già : Tao thấy một đám... cụt đầu cụt tay... đến xin nước uống.

Đứa bé : (*tự nhiên*) Con nghe bà nói mãi chuyện đó, bà thấy gì kỳ vậy ? Con thì không !

Bà già : kìa... kìa, lũ nó lại đến, nầy lấy cái gậy dùm ta mau đi...

Đứa bé : (*lầm thầm*) chắc bà khát quá, bà ơi... không có gì đâu trời nắng mãi sao..., cháu quyết đi tìm nước.

Bà già : Thôi biết tìm nước ở đâu... cháu ở đây với bà... thà ở đây hơn... cháu đi... Trời ! Cha cháu đã đi rồi, đã bỏ già mà đi... (*chắp tay cầu nguyện*) Lạy trời mưa móc cho chúng côn nhờ.. xin ân trên Trời Phật rỏ xuống dùm một giọt mưa... một giọt mà thôi (*thất vọng*) Không ! không bao giờ Trời Phật gia ân nữa... ta đã biết mà... chỉ có lũ quỉ ngày đêm than van...ngày đêm kêu gọi hằng đàn hằng lũ vì nước.

Đứa bé : (*bước ra ngoài lều*) Ngoại ngồi đấy, chớ đi đâu, con sẽ về mau, thế nào cũng có nước mà !

Bà già : Nước mà con đi tìm... con tìm đâu, con ra ngoài biển cả ư... (*vẻ trống hoang*). Ở đây là biên giới của sa-mạc và bể khơi... biên giới của sa mạc và bể khơi...Không phải là biên giới của loài người... và nắng hạ khô...Trời ơi ! Trời hạn hán đến bao giờ... (*giật mình*) cháu đứng lại ... đừng đi (*kinh dị*) kìa... kìa... lũ quỉ cụt đầu, chúng nó lại than van vì nước... cháu ơi cháu !

Đứa bé : (*bước một bước, dừng lại, lắng nghe*) Tiếng gì gọi ta đó... Trời Phật phò hộ con ! (*quỳ xuống rồi đứng ngay dậy*) Tôi nghe dường như có tiếng gọi gì ở giữa thinh không ?

Bà già : (*thì thào*) Cháu ơi ! Cháu !

Đứa bé : (*như mơ*) Có tiếng gì kêu gọi tôi đây ? Hay là tiếng của giòng nước ngọt... nước ơi ! mi bỏ ta đây, nước ơi ta khát quá... bà ta khát quá rồi nước ơi ! nước ở trên vòm trời cao vợi kia, hay ẩn dưới mạch ngầm giữa sa mạc khô khan nầy... ?

Bà già : (*gọi*) Cháu ơi... đứng lại... ở đây với bà, ở đây chỉ có sa mạc và bể khơi (*mệt ngất*) sa mạc thì vô biên bốc cháy... bể khơi thì sóng dậy muôn trùng... Cháu ơi, cháu ơi !

Đứa bé : (*chân bước tới mà mặt quay lại phía mái lều*) Trời ơi ! Bà ơi ! Bà tôi khát lắm rồi ! Nước ơi ! Nước ở đâu ? !

Bà già : Cháu ơi cháu ! ở đây chỉ có sa mạc vô biên và biển khơi sóng dữ... thà ở đây với bà... cháu ơi... (*quỳ xuống ôm lấy cổ*)

Đứa bé : *chạy nhanh về cõi bụi mờ*) Nước ! nước ở đâu ? Nước ở đâu ?

MÀN HẠ

F. 111 co cánh lại khi bay nhanh

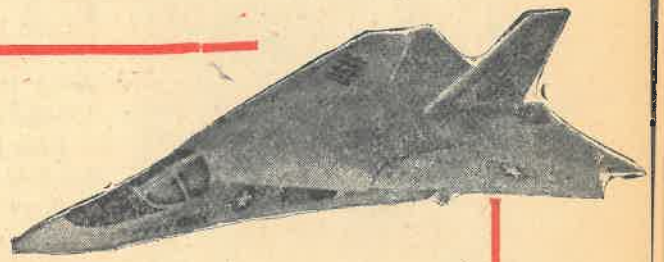

MỘT TIẾN BỘ MỚI TRONG NGÀNH HÀNG KHÔNG

★ Nguyễn-Tường-Thịnh

NGÀNH hàng không ngày nay sẽ bước vào một kỷ nguyên mới cũng quan trọng như khi động cơ phản lực được phát minh.

Trong một tương lai rất gần đây sẽ có những loại phi-cơ có thể bay rất cao và rất nhanh tuy vẫn có thể hạ và cất cánh từ những sân bay thật ngắn nhờ dùng một kỹ thuật rất mới : Mang một đôi cánh mũi tên có độ chéo thay đổi như cánh chim.

Trước khi đi vào chi tiết và trình bày các loại cánh cũ cùng kiểu «cánh chim» mới mẻ, xin nói qua một hiện tượng thông dụng mà người ta gọi là bức tường âm thanh (Sound Barries). Đây là một thuật ngữ rất năng dùng trong ngành hàng-không nhất là ngành hàng-không quân sự.

Theo khoa vật-lý, người ta nhận thấy âm thanh chỉ là những rung động giống như những làn sóng gây ra bởi một vật rớt xuống mặt nước yên lặng.

Nếu vật phát ra những chấn động đứng yên (trường hợp những giọt nước rơi đều trên mặt nước) những làn sóng rung động sẽ có dạng của những hình tròn trong mặt phẳng và hình cầu trong không gian, tất cả đều đồng tâm điểm.

Khi vật phát ra chấn động di chuyển, Tâm những vòng tròn (hay hình cầu) sẽ lệch đi. Đặc biệt là khi vật phát ra chấn động có tốc lực nhanh bằng tốc lực của những làn sóng truyền đi thì một làn sóng đầu chưa kịp lan ra đã bị một làn sóng sau bắt kịp do đó tất cả những rung động nhỏ tụ tập lại với nhau gây thành một chấn động rất lớn gọi là *sóng chấn động* (Shock waves)

Những làn sóng chấn động chính là tiếng nổ BANG mỗi khi một phi cơ siêu âm vượt qua bức tường tiếng động.

Tất cả những sóng chấn động bị nén lại với nhau thành một chướng ngại vật khó vượt cho tàu bay được gọi đùa là bức tường gạch xây trên trời (Brick wall in the Sky) chính là *bức tường âm thanh* một hồi đã làm cho các chuyên viên điên đầu.

Vào cuối thời đại chiến thứ hai : khi tốc lực của các khu trục cơ mang cánh quạt lên tới từ 700 đến 800 cây số giờ. Nhiều phi cơ đã bị nổ tan tành khi bổ nhào xuống đất chỉ vì không chịu nổi những chấn động ghê gớm khi chúng bay sát bức tường âm thanh.

(Tốc lực của âm thanh thay đổi theo cao độ ở sát mặt biển là 1227 cây số/giờ. Trong khi lên tới 12.000m nó chỉ còn là 1065 cây số/giờ)

Các phi công đã tả hiện tượng khi máy bay bay sát bức tường âm thanh : những chấn động giống như tiếng những cái búa lớn đem đập rầm rầm vào thân phi cơ !

Đa số các máy bay thời đó đều có cánh thẳng và người ta nghiệm thấy những phi cơ gắn loại cánh này, mặc dầu được trang bị với động cơ phản lực cũng khó mà vượt qua « bức tường âm thanh ».

Các kỹ sư Đức vào cuối thế chiến thứ hai, đã phát minh ra hai loại cánh ngày nay rất thông dụng đó là cánh mũi tên và cánh hình tam giác tên khoa học gọi là cánh Delta do chữ Delta = A của Hy-lạp.

Những cánh này giúp cho máy bay tránh được một phần nào ảnh hưởng của những làn sóng chấn động giúp làm cho chúng có thể vượt qua « bức tường âm thanh »

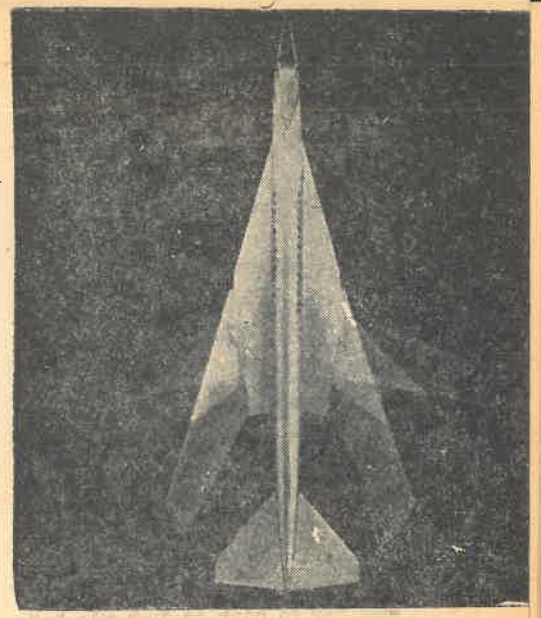

Máy bay Boeing 733 phản lực cơ siêu thanh thương mại. (hình chụp cho ta thấy những vị trí khác nhau của đôi cánh di động)

một cách dễ dàng đồng thời cũng làm tăng tốc lực tối đa của chúng.

Thí dụ điển hình nhất là trường hợp Khu trục cơ phản lực «*F 86 Lưỡi kiếm*» cựu chiến binh nổi tiếng trên chiến trường Cao-ly.

Với một động cơ có sức mạnh như nhau, Phi cơ *F86* mang cánh mũi tên đã có thể bay nhanh 1050 cây số / giờ. Trong khi loại *FJ-1* « *Fury* » cổ điển có hình dáng tương tự nhưng mang một đôi cánh thẳng chỉ có thể đạt tới vận tốc 880 cây số/giờ.

Tuy nhiên, hai loại cánh mũi tên cũng như tam giác nếu giúp cho phi cơ bay mau hơn thì lại gây nhiều thiệt hại về phương diện khác.

Tốc lực chậm nhất của chúng quá lớn và chúng bay không vững ở tốc lực này khiến cho người ta khó xử dụng làm máy bay yểm trợ cho bộ binh trên mặt đất. Tốc lực hạ cánh lớn cũng như sức nâng yếu ở tốc lực chậm khi cất cánh khiến cho những máy bay mang cánh mũi tên cũng như tam giác chỉ có thể xử dụng những sân bay thật dài.

Những phi-cơ mang cánh thẳng trái lại khó lòng bay mau hơn 1100 cây số/giờ nhưng lại có đặc tính bay vững chãi ở vận tốc nhỏ, có thể dùng những sân bay rất ngắn nhờ tốc độ hạ cánh chậm hơn.

Để có một thí dụ cụ thể, sau đây là một bảng sosánh về vận tốc của ba phi cơ mang ba loại cánh khác nhau cùng thuộc loại phản lực : *F-84 Humderjet*. Tốc lực tối đa : 1020 cây số/giờ, tốc lực tối thiểu 172 cây số/giờ, *cánh thẳng*; *F-100* « *Siêu-kiếm* » Tốc lực tối đa : 1500 cây số/

giờ. Tốc lực tối thiểu 250 cây số/giờ, *cánh mũi tên; F-106* « *Mũi tên tam giác* » tốc lực tối đa : 2455 cây số/giờ, tốc lực tối thiểu 267 cây số/giờ, *cánh tam giác.*

Với những tiến bộ trong lãnh vực động cơ hàng không và luyện kim phi cơ ngày nay đã có thể bay cao hàng chục cây số và nhanh hàng ngàn cây số 1 giờ. Tuy nhiên, người ta nhận thấy rằng không thể chế tạo một chiếc máy bay có cánh cố-định vừa bay thật nhanh lại vừa bay thật chậm dễ dàng.

Một phi-cơ cận thanh (có tốc lực gần bằng âm thanh) cần một đôi cánh thẳng, dày và rộng. Trong khi những phi cơ siêu thanh (có tốc lực nhanh hơn tiếng động) cần một đôi cánh mũi tên mà sải ngang thật ngắn.

Các loại máy bay mới trang bị với loại cánh mũi tên thay đổi (variable swept wing) giống như cánh chim sẽ giải quyết được trường hợp người ta muốn có một phi-cơ hoàn hảo ở cả tốc lực siêu thanh lẫn cận thanh.

Cánh này sẽ loại bỏ được mọi khuyết điểm đồng thời giữ lại được ưu điểm của cả hai loại cánh thẳng và mũi tên.

Khi phi-cơ cất cánh, hạ cánh hay cần bay chậm cánh được xòe ra như một đôi cánh thẳng thật rộng. Khi phi-cơ di-chuyển với tốc lực vừa phải cánh co bớt lại và khi nó bay với tốc-lực tối đa cánh co sát vào thân. Tránh bớt được sức cản của không khí và bức tường âm thanh.

Nói trên lý thuyết thì dễ dàng như vậy, nhưng trên thực tế người ta đã vấp phải nhiều khó khăn kỹ thuật. Loại « cánh chim» di động đặc biệt này không phải là một phát minh mới mẻ gì : Ngay từ năm 1950 người ta đã thử loại « cánh mũi tên thay đổi» trên hai máy bay thí nghiệm *Bell X-5* và Grumman *XF-10F* nhưng bộ phận cơ khí làm thay đổi độ chéo của cánh nặng quá, làm giảm khả năng quá nhiều khiến cho các kỹ thuật gia bỏ ý định đem áp dụng vào những phi cơ đương thời.

Mặc dầu gặp khó khăn, công cuộc khảo cứu về cánh « mũi tên di động » vẫn tiếp tục tại nhiều hãng phi cơ và mãi cho tới năm 1959, các chuyên viên của cơ-quan Hàng không Hoa kỳ NASA mới tuyên bố rằng đã giải quyết được hầu hết mọi vấn đề do loại « cánh chim » đặt ra nhất là vấn đề trọng lượng, một vấn đề sinh-tử cho ngành hàng không.

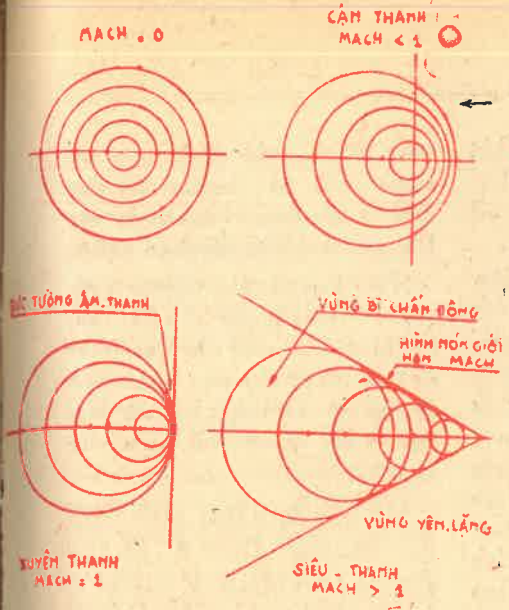

Đây là dạng của những làn sóng chấn động của hiện tượng bức tường âm thanh

Đứng về phương diện kỹ thuật mà nói « cánh mũi tên thay đổi » có 3 điểm lợi chính :

— Khi dang ra như cánh thẳng, tàu bay mang nó có thể hạ cánh với tốc lực bé dùng những phi trường ngắn cũng có thể bay được xa hơn loại cánh mũi tên thường.

— Ở tốc lực siêu thanh đôi cánh gấp sát vào thân sẽ có tác dụng làm giảm sức cản.

— Khi bay sát mặt biển với tốc lực siêu thanh, cũng nhờ đôi cánh gấp sát mà phi cơ khỏi bị những rung động mạnh của bức tường âm thanh rất mãnh liệt ở độ cao này.

Tuy nhiên kể về phương diện khí động học (Aerodynamic) mà nói « cánh mũi tên thay đổi » có hai vấn đề chính :

Trường hợp bộ phận để di chuyển cánh bị hỏng có thể :

— 1 cánh gấp lại còn một cánh không tạo ra một sự bất thăng bằng đáng kể cho phi cơ.

— Cánh gấp sát thân để bay nhanh rồi vì hư hại bị kẹt không mở ra được khi hạ cánh.

Trong trường hợp thứ nhất, người ta đã chế tạo được một bộ phận cơ khí an toàn trong đó nếu bộ phận điều khiển cánh bên phải bị hỏng thì bộ phận bên trái cũng dừng lại một cách tự động giúp cho dạng phi cơ được đối xứng luôn luôn.

Trong trường hợp thứ hai các chuyên viên nói rằng phi công vẫn có thể hạ cánh với tốc lực 320 cây số một giờ mặc dầu là khó khăn nhưng vẫn chưa đến nỗi nguy hại.

Kỹ thuật « cánh mũi tên thay đổi » hiện được Hoa Kỳ đem áp dụng cho hai loại máy bay : khu trục cơ tối tân *F-111* và máy bay thương mại siêuthanh *Boeing 733.*

Khu trục cơ *F-111* chế tạo bởi công ty *General Pynamics* là loại khu trục cơ chiến thuật mới mẻ nhất được Hoa Kỳ tiết lộ.

Hiện được đem thí nghiệm loại F-111 sẽ thay thế dần các loại *F-105 Humderchief* và *F-4C Phantom II* đang được xử dụng.

Nhờ đôi cánh « mũi tên thay đổi », F-111 có khả năng vượt bực : Mặc dầu có thể bay gần gấp 3 tiếng động : 2975 cây số/giờ (Mach 2-8) và bay cao hơn 18.300m, nó vẫn có thể hạ cánh với tốc lực 148 cây số/giờ và chỉ cần dùng những sân bay sơ sài thô thiển dài chừng 900m ! (So với các loại phản lực cơ siêu thanh ngày nay phải dùng tới từ 2500 đến 3500m mét phi trường bằng bê-tông mới đủ an ninh).

Mang hai động cơ có sức đẩy tổng cộng trên 17 tấn, F-111 có thể bay xuyên đại dương không dừng và không lấy nhiên liệu giữa đường. Sức bay xa của nó lên tới 6650 cây số.

Nhờ thành tích bay xa vô địch, F-111 có thể di chuyển từ căn cứ tới bất cứ một nơi nào trên thế giới trong vòng 24 tiếng đồng hồ.

F-111 có thể thi hành mọi sứ mạng : Chinh phục quyền bá chủ không trung, săn chặn máy bay địch oanh tạc và thám thính. Võ khí chính của nó là các phi-đạn điện tử tự động không-đối-không Phoenix và không-đối-địa Condor.

Nặng hơn các khu-trục-cơ ngày nay với trọng lượng gần 32 Tấn, F-111 có khả năng của 1 oanh tạc cơ : nó có thể chở trên 9 tấn Bom đủ loại và có thể xử dụng mọi loại võ khí nguyên tử cũng như cổ điển.

Một ứng dụng khác của « cánh mũi tên thay đổi » là phi-cơ *Boeing 733*. Một trong những dự án về máy bay thương mại siêu thanh của Mỹ. Hãng Boeing là một hãng chế-tạo phi-cơ nổi tiếng trên thế giới, là nơi « sinh trưởng » của những máy bay thương mại liên lục-địa Boeing 707 đương tung cánh nối liền khắp năm châu.

Boeing 733 trong tương lai sẽ là một máy bay khổng lồ.

Cân nặng lối 195 tấn, nó sẽ chở được từ 150 đến 225 hành khách xuyên đại dương với tốc độ 2875 cây số / giờ (Mach 2.7).

Mang 4 động cơ rất mạnh, *Boeing 733* có thể bay xa được hơn 6500 cây số và dự định sẽ được đem thí nghiệm vào 1967.

Đây là một trong những hy-vọng của Hoa-kỳ để ganh đua với phản lực cơ thương mại siêu thanh « Concorde » của Anh và Pháp. Loại sau này chỉ bay được 2330 cây số/giờ (Mach 2.2) nhưng sẽ được ra đời sớm hơn.

Theo các chuyên viên của hãng *Boeing* thì mặc dầu bộ phận thay đổi độ chéo của cánh làm tăng trọng lượng riêng của phi-cơ nhưng trọng lượng tổng cộng sẽ được *giảm bớt* vì chỉ cần chở một số nhiên liệu ít hơn cũng đủ bay một quãng xa bằng những phi cơ có cánh cổ điển.

Ngoài hai loại *F-111* và *Boeing 733*, người ta còn dự định chế nhiều phi-cơ khác có « cánh mũi tên thay đổi » và các chuyên viên tiên đoán trong tương lai đa số các máy bay còn dùng phi-trường sẽ có loại cánh thay đổi như đôi cánh chim này.

PHỤ BẢN VỀ DANH TỪ MACH

Từ năm 1947 khi Trung Tá Charles E. Yearger bay nhanh hơn tốc lực âm thanh trên phi cơ hỏa tiễn thí nghiệm Bell XS-1 danh từ Mach trở thành một danh từ thông dụng trong ngành hàng-không.

Tên này lấy của nhà bác học Ernst Mach, người Áo, một trong những người đầu tiên nghiên cứu về những hiện tượng âm thanh.

Chính Bác-sĩ Mach là người đã nghĩ ra cách đo vận tốc bằng cách so sánh với tốc lực của tiếng động. Tốc lực tiếng động thay đổi theo độ cao từ 1227 cây số/giờ ở sát mặt biển cho tới 1065 cây số / giờ ở 12.000m.

Như vậy một máy bay bay nhanh 1 Mach ở 12000m có nghĩa là nó bay được 1065 cây số / giờ ở độ cao này ; bay được Mach 2 có nghĩa là bay được 2130 cây số / giờ v.v...

Thường thường khi đo vận tốc của một máy bay bằng số Mach, người ta phải chỉ rõ độ cao thì mới biết được nó bay được bao nhiêu cây số một giờ.

một giai - thoại giữa hai nữ - sĩ

NHÀN KHANH, PHỤ BA

★ Tân - Hiến

BÀ Nhàn-Khanh là con quan Phó đô Ngự sử họ Dương ở Vân-Đình, em ruột hai ông Dương-Khuê và Dương-Lâm. Tuy là dòng dõi trâm anh thế phiệt, em gái hai ông đại-thần quan đến thượng-thơ, nhưng là một nữ thi-sĩ có tâm hồn phóng khoáng, nên bà không có óc câu-nệ, khắc-nghiệt về vấn-đề lễ-nghi, giai-cấp như những người sinh trưởng trong nền quí-tộc. Bởi thế, đối với bà Phủ Ba, vợ thứ ông p ủ Nguyễn-tài-Tích, thân sinh ra nhà thơ Tản-Đà Nguyễn-khắc-Hiếu, bà vẫn có biệt nhỡn coi như là một bạn tâm-giao, mặc dầu bà Phủ Ba xuất thân là một đào hát. Ở cái thời buổi mà những nghệ sĩ tài nghệ đến bậc nào cũng vẫn bị liệt vào hạng xướng ca vô loài, cái tình của bà Nhàn-Khanh đối với bà Phủ Ba có thể gọi là tình tri-kỷ, nửa trọng vì tài, nửa thương cho phận. Vì bà Phủ Ba là người thanh sắc lưỡng toàn, có tâm-hồn và tài-năng của một nữ thi-sĩ, nhưng đường duyên phận nửa chừng ngang trái, nên thân thế bỗng hóa phiêu bồng. Cơm chẳng lành, canh chẳng ngọt, đang thời xuân sắc, bà đã phải ly-thân rời mái gia-đình chồng, rồi kiếp tài hoa theo gót tiêu-diêu, có lúc thành thực-khách nơi thân bằng cố hữu...

Đã có một dạo, dừng chân trên bờ sông Hát, tới thăm họ Dương ở Vân-Đình, gặp Dương-Khuê Tiên-sinh, không biết tác-giả « Hồng hồng, Tuyết tuyết », với vị thiếu phụ tài hoa kia, dạ liên

tài, niềm thông cảm ra sao mà đã khiến cho bà Phủ Ba phải thốt ra lời than :

Trách ông nguyệt lão trêu ngươi,
Cho người đầu bạc gặp người tóc xanh.

và bác Dương đã phải biện-hộ cho mái tóc :

Trăm năm ai chẳng bạc đầu,
Mười điều, ai có được đâu cả mười.

Trách giăng giăng cũng nực cười
Hờn hoa mà nỡ nặng lời thế ư !

Kể cũng khá hùng-hồn và tình tứ thay !

Thuở ấy, bà Nhàn Khanh hãy còn là « Cô Bầy », một vị tiểu-thư treo cao giá ngọc, kịp đến khi duyên lành se mối cùng với chàng công-tử họ Trịnh, tên Đình-Kỳ, một trang anh tuấn, lúc theo chồng lên nhậm chức tri-huyện Bất Bạt, Nhàn Khanh nữ sĩ không quên ân cần mời mọc bà bạn thơ tài hoa, khi tiện dịp, lên chơi để thăm thú thành Sơn và cùng nhau cầm đường ngày tháng chung vui.

Yêu thơ, yêu bạn lại sống đời độc thân tự-do, lãng mạn, ngày kia, bà Phủ Ba đáp lời gọi của tri-âm, lên chơi Bất-Bạt. Đôi bạn thơ chung một mái nhà thật tương-đắc. Lại được quan Ông họ Trịnh là một trang phong lưu tiên-sái, nên những ngày họp bạn ở huyện lỵ Bất Bạt êm đềm trôi trong những cuộc liên ngâm, đối ẩm, ý hiệp, tâm đồng.

Quan huyện Trịnh vốn tính hào hoa, đa tình, thường hay dấu tiền riêng để thưởng cho cô đầu mỗi khi gọi « nhà tơ » đến hát. Một ngày xuân kia, quan có nén bạc dấu trong chấp trầu bị phu-nhân biết thóp « thó » mất. Đến khi đào, kép lên chào quan để ra về, sờ đến tiền, thấy mất, « sứ quân » đành phải vô tư thất năn nỉ với phu-nhân. Thấy thế, bà Phủ Ba liền cười bảo bạn :

— Quan Ông nhà ta đã khỏe hát thế, chi bằng bắt ngài phải làm ngay một bài hát cô đầu, tả đúng cái sự tình mất bạc này xem sao !

Lời đề-nghị được hoan-nghênh ngay. Lại cắc cớ hơn nữa là giữa lúc ấy, ngoài sân, thầy cai đang hô lính tập :

— *Đục bá a la văng, ăn tết, mà đề.*

(Douze pas à l'avant. En tête, Marchez.)

Một ý tưởng ngộ-nghĩnh đến trong tâm trí, hai bà ra điều kiện cho quan huyện Trịnh là bài hát nói mỗi câu phải có một tiếng lính tập ! Kể cũng oái-oăm thay ! Và cũng khá khen cái tài ứng khẩu của nhà nho. Quan huyện Trịnh đọc ngay :

« *Cầm ma lách* (camarade) cớ sao làm vậy.

Phú la căng (Fiche-moi le camp) không ngoảnh lại *mét sì* (merci).

Huyện *me-sừ* mắc hợm tí ti, *Phi-lu* (filou) dã *pác-ti* (parti) đâu mất.

Mo ba nét, ba ven tắt mắt (moi pas connaître, pas viens).

Bố cu tình xuân sắc vẫn gia na !

« *Chum chum* » *moa* vẫn la đà...

Bà Phủ Ba cười :

— *Rằng hay thì thật là hay,*
Nghe ra, đúng mẹo tiếng tây giả cầy !

Cái giao tình giữa bà Nhàn Khanh và bà Phủ Ba đậm đà và còn kéo dài nhiều ngày, sự có mặt của bà Phủ ở huyện Bất Bạt nữa, nếu không có sự gì khác đến xen vào giữa tình bạn. Để giữ nguyên sự thiêng liêng của cảm tình đồng điệu, một buổi sang mùa Xuân, cảnh tuy đẹp mà lòng chẳng vui, bà Phủ Ba giứt áo ra về, mặc dầu bạn hết sức cố lưu. Nhưng ra về mà lòng bao xiết nhớ nhung, nên chỉ trong một tuần, đã có thơ gởi lên tri kỷ :

Ai lên Bất Bạt, nhắn nhe cùng.
Nhắn hỏi ai rằng có nhớ không.
Nửa bước xa xa bằng mấy dặm.
Một ngày đằng đẳng ví ba Đông
Dòng thơ tri kỷ say còn mệt,
Chén rượu ân tình nhấp chửa song
Hôm sớm bâng khuâng ngồi lại đứng.
Thư tình mở mở lại phong phong!

Biết bạn thương mình và tâm sự mang một niềm u-uất, Nhàn-Khanh nữ-sĩ trạnh lòng thông cảm, muốn tỏ ra mình là người đại lượng, nữ-sĩ thuê ngay một chuyến thuyền riêng sai người suôi Hà-Nội đón bạn với bốn câu thơ :

Những đọc thơ mà dạ ngẩn ngơ.
Đang em, đang chị bỗng đôi bờ
Nhị Hà hỏi nước bao giờ cạn ?
Bến đợi, sông chờ đã biết chưa !

Sông bao nhiêu nước cho vừa, biết đấy ! Trước chị, sau thì em, cảm khích đấy ! Nhưng những tâm hồn « lớn lao » như chúa sơn lâm chỉ ưa đi một mình (Les lions marchent solitaires), người thiếu phụ tài hoa mà bụng lòng đã là cái nỗi hun đúc một thiên tài của đất nước, (Tản Đà), đã gởi lên Bất Bạt lời tạ từ bạn ngọc ;

Dẫu rằng sông Nhị thì dài,
Mà tình dằng dặc bằng hai ba phần
Từ phen tiếp được thơ thần
Mười phần sầu não, chín phần nhẹ không

Từ ngày cách núi xa sông
Lòng riêng riêng những ước mong, thẩn thờ.

Có khi buồn vịnh nên thơ.
Lời thơ nghe cũng ngẩn ngơ từng lời

Có khi mượn bút vẽ vời
Tương tư lại vẽ ra người tư tương

Có khi cờ nước chiến trường
Mã xa lạc lối biết đường đâu đân

Có khi nhấp chén tiêu sầu
Bầu tiên dốc cạn ra mầu chửa say

Tình riêng nào có ai hay
Muốn đem tâm sự giãi bầy với giăng

Trách ai dứt mối xích thằng
Trách ai dở dói cát đằng đưa duyên

Trách ai ngăn cấm hồ sen
Chẳng cho Tây Tử tới miền Bồng Lai

Đêm Đông bóng dãi cành mai
Biết rằng ai có nhớ ai, như mình ?

Người, việc và thơ cách đây đúng một kỷ, năm Thân-Tỵ (1903

NGƯỜI VỢ TỐT

— *Mã, chị trồng cây thầu nhiều trên mộ anh làm chi vậy ? Nó đâu có che mát mộ được.*

— *Ôi ! tội nghiệp chồng tôi quá, chị à. Từ ngày « tứ đồ tường » bị cấm, ổng nhịn thèm, nhịn lạt, thiếu thốn cho tới ngày chết. Thương chồng muốn ổng ở dưới suối vàng khỏi thiếu thốn, nghiện ngập, nên tôi trồng thầu cho nhiều để mát lòng ổng khi ổng cần nó chị à.*

một chút ánh sáng

Ta muốn giẫm lên mặt địa-cầu
Bàn chân rướm máu, chẳng rên đau.
Cho thêm sỏi đá trên đường nữa.
Có nghĩa gì đâu chuyện dãi dầu.

Máu ta sẽ nhỏ dọc bên đường
Để kẻ đi sau nhìn vết thương
Đoàn kết cùng nhau, tình thám hiểm.
Những người trai mới của muôn phương.

Nếu ta có ngã gục bên đường,
Người cứ tiến lên, tiến, tiến luôn...
Đừng bận lòng chi người đã khuất,
Con đom đóm chiếu giữa đêm trường.

★ **ĐÀO-THANH-KHIẾT** *(Philippines)*
(Trong Tao-Đàn Bạch - Nga)

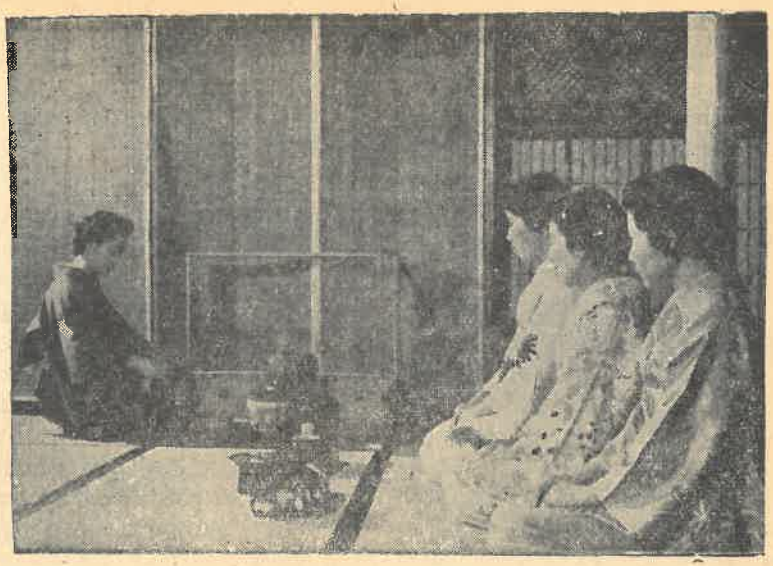

VẺ HÀO HOA TRONG TRÀ ĐẠO NHẬT-BẢN

★ **Châm-Vũ**

Một trong những khía cạnh của tư-cách cao-thượng hơn đứt Tây-phương của những dân tộc Á-Đông tập-dữ Nho-phong biểu-dương nơi chén nước trà.

Chen nước trà, dầu là trà Mạn bình-dân thường dụng cũng có hương vị thanh thanh man mát mà không một ai nỡ phụ hương vị ấy, đem rót trà ra tô lớn, ngồi xổm trên đất ngoài hiên mà uống, tất phải, trong khi chờ đợi trà chín trong bình mà đi rửa bộ chén, quét tầm phản giữa nhà, trải chiếc chiếu tươm, rồi, hoặc mời vài bạn lối xóm tới cùng chầm chậm uống từng chén nhỏ mà bàn luận việc làm ăn ; hoặc, nếu một mình thời cũng

khoanh tròn chân chữ ngũ mà trầm ngâm, rãi rệ, thả hồn ra xa cùng với hương trà lựng tỏa để thân thể được thảnh thơi hưởng hết vị trà.

Đấy, là mặc dầu trong cảnh lam lũ của người bình-dân bên cạnh ruộng vườn hay với chiếc đe búa, nhưng khi đã dùng đến chén trà là cũng phải cất đầu cái lam lũ bận rộn ấy đi mà rửa chân tay mặt mũi cho sạch sẽ, sắp lại quần áo cho ngay ngắn mà ngồi cho ra vẻ nhàn nhã bên cạnh chiếc ấm bình nóng hổi bốc hơi, kẻo như là e ngại Nàng Tiên trong hương trà lại cười chê mình là quá tục.

Lên tới giai-cấp phú túc, phong-lưu hay quan-cách, để tương xứng với giá-trị của hương-vị tuyệt-hảo của trà Mạn-tuyết, Ô-Long, Thiết-Quan-Âm, thời ngoài những bộ đồ trà quý giá, lại còn phải cả trang-trí căn nhà, nào tủ khảm bóng loáng, nào xập quì trường-kỷ gụ đen rức, trên vách nếu phi dăm ba bức thủy-mặc-họa thanh thú hữu tình thời cũng vài tấm thủ-thư nét chữ bay bướm như cựa. Nói chung, là phải có ngoại vật quý báu và thanh nhã mới đủ để sánh duyên với hương-vị ngàn ngạt thanh tao của các loại chè thượng thặng.

Và khách đến chơi cùng chủ-nhân thưởng thức hương trà thượng-thặng đều là người nho-nhã phong-lưu, y phục thời khăn áo đường hoàng cũng như đi dự đại-tiệc. Khách tới là chủ cũng chỉnh tề không kém, thân xuống tận sân để cung kính vái chào. Uống trà là chỉ bằng chén hạt mít, ung dung từ hòa, nâng lên đặt xuống mấy lần để tận hưởng hương trà trước đã rồi mới nhắm nháp tí chút một mà tận hưởng vị trà sau. Câu chuyện qua mấy tuần trà là những lời lẽ thẻ thọt, hàm xúc ý nghĩa kim cổ làm gương cho tu-thân tề-gia để xứng với hương trà thanh lịch chứ không xàm xỡ oang oang làm tan vỡ mất không khí thuần khiết của mùi thơm nơi chén trà rộng tỏa ngát mấy gian nhà và bay ra đến ngoài hiên cũng ngửi thấy. Như vậy, có phải là hương trà có hiệu năng đưa con người vào khuôn khổ đạo đức để giữ lấy tư cách cao thượng đúng với giá trị của con người ?

Thực là khác với Thái-Tây,

đến chơi nhà bạn thời bắt tay vợ con bạn, nô giỡn đến độ lấy ngón tay ngầm cù vào lòng bàn tay vợ con bạn, mắt nhay nháy, miệng đánh mõ lưỡi « *tặc* » một tiếng. Rồi là dọn rượu khai vị bằng những cốc lớn, uống ừng ực hàng hơi dài, là mắt đỏ ngầu như đỏ lửa, lầm lét nhìn vợ con người cứ như kẻ khát trông thấy múi chanh.

Tại Á-Đông của những phần đất Nho-phong chúng ta, chén nước trà còn có ý nghĩa tôn nghiêm long trọng trong ngày Ba Mươi Tết hoặc ngày Giỗ, Chạp.

Chiều Ba Mươi Tết, giữa mầu tươi đỏ và ánh sáng đèn nến tưng bừng, pha lẫn với hương thủy-tiên là hương trà lựng tỏa trên bàn thờ để thỉnh mời vong linh Tiên-Tổ. Trên phản trước bàn thờ cũng là khay trà bầy trước Ông, Bà, hay Cha, Mẹ cao tuổi tại đường, đạo mạo với y phục trang nghiêm mà hưởng hương và nhắp vị trà bên cạnh đàn con cháu vui đùa trước tiết Xuân sang. Và trong ngày Giỗ, Chạp, khai dẫn cho cỗ bàn trầu rượu là trước hết phải đệ khay trà nóng bốc ngát hơi hương lên kính dâng trên bàn thờ trước cái đã. Cho nên, trước phong tục thuần khiết biểu dương nơi chén trà, trước lễ-nghi trọng vọng biểu-lộ bằng hương trà, chúng tôi nhận thấy câu của người Thái-Tây nói, đại ý : « Đông là Đông, Tây là Tây, khó có thể gặp được nhau », là đúng.

trà-đạo với cá-biệt Nhật-Bản tính

Trên đây, chúng tôi trình-bầy sơ-lược cái cao-thái chung về xử dụng chén trà của phần đất Đông-Á Nho-phong ; còn riêng với người Nhật-Bản là một dân-tộc vừa sống xô bồ đến sống sượng lại vừa tề-nhị đến tinh-vi, thời việc xử dụng ấy lại lên tới độ quan-thiết đến lẽ sống chung của dân-tộc ; sự quan-thiết nó làm nổi những thi vị, những vẻ hào hoa đầy cá-tính khác biệt về khía cạnh tế nhị ấy.

Những thi-vị, những vẻ hào hoa đến độ tinh-tế của công phu xử dụng chén trà gói ghém trong danh-từ «*Trà-Đạo*» (Cha-dô).

Trà-đạo không có nghĩa hẹp hoặc đồng nghĩa với «*Trà-Thang*» (Cha No Yu) — như vài

ba năm nay ta vẫn thường dùng lẫn lộn. Xin xem giải-nghĩa :

« *CHA-DÔ* : Cha no Yu ni yotte, seishin wo shu-yô shi, rei-hô wo kiwameru michi », có nghĩa : « *TRÀ ĐẠO* : Đường lối xây dựng đến cực mọi lẽ về tu-dưỡng tinh-thần và lễ-pháp cho trà-thang ».

« *CHA NO YU* : Mat-cha wo thatete, chaku wo yobu kai ; có nghĩa : *TRÀ THANG* : Buổi hội mời khách đến uống chè bột đun sôi » — (Kan-Wa Chu Ziten : Hán-Hòa Trung Từ-Điển, Trang 932).

Như vậy, ta thấy, Trà-Đạo là tất cả những đường lối đặt ra để xây dựng đến *cực mọi lẽ* : hình-thức, tinh-thần và lễ-pháp, tiếp đãi và hưởng thụ trong những buổi tiếp-tân hội-ẩm gọi là Trà-Thang. Để theo cho kịp với hương-vị thanh tao của chén trà, người Nhật-Bản cứ kế tiếp từng thế-hệ mà biến-cải sự qui-định từ tinh-thần đến hình-thức, từ lễ đến pháp lên tới cực mọi lẽ của thanh-lịch và hào-hoa để nâng cao giá-trị con người và tô thắm thêm cho đời sống, thời thực là những công phu đáng trọng. Cũng như việc cắm hoa cũng vậy, việc thắp nén hương thờ cũng thế đều qui-định để tiến lên đến thành hoa-đạo và hương-đạo mới nghe. Thực cũng kỳ lạ cho nếp sống người Nhật-Bản, ra đường thời vội vã tất bật, cúi đầu đi hùng hục, giá có húc phải ông già bà cả đến ngã lăn chiêng cũng phó mặc, chẳng cả quay lại xin lỗi lấy một lời, mà về đến nhà thời tha thiết mời khách, ngâm nga rãi rệ bên chén trà nóng kéo dài đến mấy tiếng đồng-hồ cũng không lấy làm lâu. Lại còn qui-định thành bao lễ lối văn-hoa tôn kém để lưu khách là đẳng khác !

Dưới đây, chúng tôi lần lần lược dẫn những công-phu xây dựng từ hình-thức đến tinh-thần, từ lễ đến pháp của ngành trà-đạo Nhật-Bản theo tài-liệu trích dịch trong bộ Nihon-Shi Shô Jiten — (Nhật Bản Sử Tiểu Từ-Điển) do Sơn-Xuyên Xã ở Đông-Kinh xuất-bản.

TRÀ-ĐẠO KHỞI PHÁT SINH

Cây trà từ Trung-Quốc, do các nhà Sư mang sang trồng ở Nhật-Bản từ thế-kỷ thứ VIII d.l.. Đến thượng-khoảng thế-kỷ thứ XIV, vào những năm đầu của chế-độ Tướng-Quân

gọi là Thất-Đinh Mạc-Phủ (Muro Machi Bakufu, 1336 — 1573) thời sự thịnh dụng chén trà đã tiến lên thành quy-pháp và lễ-nghi của trà-đạo. Trà-đạo lại khởi diễn và bột phát mau lẹ thành phong-trào tự giới gian lao chiến-đấu là vũ-gia các cấp ở Quan-Đông trước hơn hết rồi mới lan xuống Tây-Kinh (Kinh-Đô) sau, chứ không đâu do giới nhàn hạ dong chơi là quý-tộc công-gia tại triều-đình chế-định nên.

Từ giới vũ-gia khởi diễn-hành nên qui-thức trà-đạo, là bởi từ đời Chấp-Quyền Bắc-Điều-thị, 1205, trở lại, mỗi ngày loạn li chỉ mỗi gia-tăng, các vũ-gia lãnh-tụ đua nhau cắt nước Nhật ra nhiều mảnh con con tự-trị rồi xúm vào đánh nhau lộn mù, khiến đời người vũ-sỹ sớm còn tối mất, vất vả quá lắm. Chịu đựng vất vả xông pha chiến-đấu ở mặt trận, tất phải có đôi lúc nhàn hạ nghỉ ngơi, nên sang đầu thế-kỷ thứ XIV, các vũ-gia tướng-lĩnh tại Quan-Đông, chân tay của vũ-gia thủ-lãnh Túc-Lợi Tôn-Thị (Ashikaga Taka U-ji, 1305-1358 hễ được rảnh rang lại họp nhau lại, mỗi người cùng đem góp một loại trà ngon thết đãi lẫn nhau, với điều kiện là hội-diện càng lâu càng hay, nhưng không ai được làm ồn ào hoặc đả động đến chiến-trận chém giết mà chỉ thi đua nhau nếm vị trà để đoán loại trà. Ai đoán đúng nhiều nhất thời có thưởng, nhưng đem thưởng ấy biếu các ca-nương (uta-hime), cũng làm giải bình-văn để gây hứng cao-thượng và thú vị thanh tao cho buổi hưởng hương vị của chén trà sau những ngày ngây lên vì mùi máu chiến trận. Những buổi hội-diện chỉ độc-hưởng hương trà ở buổi đầu khởi sinh này, tuy đã mang lại những giờ phút thanh nhã để pha loãng bớt cái tâm hồn cứng rắn và khắc khổ của người vũ-sỹ nhưng vẫn chưa thành trà-đạo mà mới chỉ gọi là những buổi Trà-Kí Hợp (Cha Yori Ai).

Tuy nhiên, chẳng mấy chốc mà trà-kí-hợp thành phong-trào, lan mạnh từ Quan-Đông xuống mạn Tây-Nam, vô-luận là vũ-gia, công-gia (quan-lại) vũ-sỹ các đẳng cùng ào ạt tổ-chức đến độ hỗn-tạp, làm mất vẻ cao-thượng khiến Tướng-Quân Tức-Lợi Tôn-Thị phải

hạ lệnh cấm không cho tổ-chức trong một thời-gian để chấn chỉnh.

trà-đạo với trà nhân

Tướng-Quân Túc-Lợi Tôn-Thị mệnh chung vào năm 1358 Cuộc chấn chỉnh, từ trà-kí-hợp tiến lên thành hình-thức trà đạo là vào độ văn-niên của ông, có thể là vào đúng trung khoảng của thế-kỷ thứ XIV này. Dưới đây là từ hình thức đến tinh-thần, từ lễ đến pháp của trà đạo.

TRÀ ĐẠO CỤ (Cha-dô-gu)— Tức bộ đồ trà, từ ấm chén đến khay nắp, đều là những loại cổ kim mắc giá của Trung-Quốc, Triều-Tiên hay của bản quốc. Tuy nhiên, phải nói rộng hơn mới đủ nghĩa của trà-đạo-cụ trong trà đạo, là kể cả từ chiếc siêu đến hỏa lò cũng là những thứ tốt đẹp, giữ gìn sạch sẽ bóng bẩy chứ không được bụi đen khói ám. Rồi cuối cùng là nước nấu cũng tùy hứng, tùy thích mà hoặc là nước mưa trong hay nước suối đầu ghềnh ngọt mát, đánh thuyền đi kể mấy ngày trời múc về tích chứa vào những ang sứ, men bóng lộn.

PHẨM CHẤT CỦA TRÀ (Cha Na Hin-Shitsu) Ở thế-kỷ thứ XIV, khi ngành trà-đạo đã khởi thành nghiệp thời cây trà đã được trồng trên khắp nước Nhật, nhưng loại trà có giá trị ở đương thời là ở các xứ Giáp-Phì, Tam-Hà, Đãn-Mã, Vũ-Trị, Đại-Hòa, Y-Hạ, Y-Thế, Tuấn-Hà, Vũ-Tàng và Phú-Sỹ (*Xin xem từ Trang 184, NBSL Quyển 1 để rõ nguyên-danh và vị-trí những Xứ này*). Trà ngon đã đành là mỗi Xứ mỗi hương vị khác nhau, nhưng tại mỗi Xứ lại có nhiều nhà chế-tạo, mỗi nhà là mỗi kỹ-thuật chế trà bột khác nhau, làm thế nào vẫn giữ được giá trị chung của loại trà bản xứ mà lại hàm riêng cái hương vị của hiệu trà mình cho có đông khách tiêu thụ. Đến chủ nhân trà thang, nhà nào cũng có đủ loại trà danh tiếng của mọi nhà chế-tạo bản quốc, trà Triều-Tiên, trà Trung-Quốc, lần lượt đưa ra đãi khách mới là người hào hoa thanh lịch. Về phần khách dự trà thang, sao chỉ ngửi qua hơi hương, nếm sơ chút vị đã nhận thức được xuất-xứ cùng nhà sản-tạo nên trà mới là người phong lưu lịch lãm.

Những công phu của người

TRÀ THẤT với những công trình tạo tác có tính toán tỷ mỉ và thượng xảo khả dĩ đặt cái cực mọi lễ văn khí cao thượng của con người xứng đáng với vẻ sống của thiên nhiên

trồng trà, của nhà chế tạo trà của người chọn mua trà và của người thưởng thức chén trà để xây đắp cho trà đạo chỉ gói ghém trong mấy giòng vắn tắt trên đây, nhưng phải là người chịu học hỏi nhiều và tự xúc tích lấy kinh nghiệm trong cả đời mới đạt tới nghệ thuật trồng chè, chọn, đãi khách và hưởng thụ. Nghề chơi cũng tử công-phu là vậy.

TRÀ-THẤT (Cha-Snitsu) — Trà-thất là căn nhà riêng để tổ chức trà-thang. Phải cất riêng *căn nhà chè* để tiếp đãi khách cao-thượng là cốt tránh cái cảnh bê bối chăn, màn, chiếu, gối, hoặc những tiếng ỉ eo vòi vĩnh của đàn trẻ thơ trong căn nhà ở, nó làm mất cái không khí thanh tao tĩnh mịch của trà-thang và nó làm vẩn đục lòng khách đến thưởng hương trà.

Trà-thất làm riêng ra ngoài vườn cây trái sum-suê, dưới bóng mấy gốc ngọc-lan rậm lá hay bên lũy tre đàng-ngà nhiều mầu sắc, xây lưng lại căn nhà

6. Nếu chủ-nhân là bực hòa-thượng tự-lĩnh, là đại vũ-gia, là đại-quan-chức, là đại-thương-gia thời đưa biệt trà-thất ra hẳn lâm-viên, bên bờ suối chảy. Trà-thất là phải làm theo : « *Zai-ryô mo, shizen no mama no moku-zai, take, tsuchi, wara nadô wo mochi iru* : Tài-liệu cất nên trà-thất là phải cứ nguyên vẻ tự-nhiên của cây gỗ, cây tre, rơm rạ hoặc vách đất » của cốt cách « *Sô-an Fu* : Thảo-am phong », và nội-tâm là phải « *Shô-in fu de aru* : có cái văn-phong của thư-viện ». Tuy nhiên, trong cái văn-phong của thư-viện ấy, không phải chủ-nhân nào cũng rập theo một khuôn mẫu mà mỗi giá sách, mỗi bộ kỷ, mỗi ống bút là mỗi kiểu tỉ mỉ khác nhau, tùy thích của chủ-nhân và tùy tài của thợ mà ghép bằng tre, bằng cành cây hay bằng các loại cỏ cứng.

Trà-thất bao giờ cũng nương dưới bóng cây, nhưng cất thì cao nóc và hẹp lòng cốt để buông hiên rộng, vách trổ nhiều cửa sổ con triện (shôji) để tùy lúc mà buông lên, đóng xuống, cốt sao cho bên trong, dầu sáng, trưa hay chiều, lúc nào cũng có vẻ mờ mờ am ám.

Từ hậu bán thế-kỷ thứ XIV đến văn thời của dòng Tướng-Quân Đức-Xuyên, vào trung khoảng thế-kỷ thứ XIX, là thời-gian toàn thịnh của phong-trào thi đua làm trà-thất giữa các cấp quyền-quý và phú-hào. Những trà-thất, tuy trông xa xa bên ngoài chỉ là chiếc thảo-lư ẩn dưới bóng cây hay đứng dựng nhìn xuống ven suối, nhưng vào đến bên trong mới là cả một giá-trị của những công-trình tính toán tỉ mỉ và thượng xảo về tạo-tác khả dĩ đặt cái *cực mọi lẽ* văn-khí cao-thượng của con người xứng đáng với vẻ sống của thiên-nhiên.

TRÀ QUẢ (Cha-ka) — Là chung cả bánh, kẹo, trái cây, đưa ra thết đãi trong cuộc trà thang. Tuy nhiên, trà quả rất ít khi dùng, nhất là trong những buổi có trà tuyệt-hảo đưa ra hội-ẩm thời không một ai muốn ăn thêm thứ gì khác để khỏi làm giảm mất cái cực thái nồng hậu của hương, của vị chén trà.

TRÀ-NHÂN VỚI LỊCH-SỬ MẤY TÔNG-PHÁI PHA TRÀ

Trong 5 thế-kỷ, 1350-1850, vừa đại loạn thời Chiến-Quốc đói khát thảm hại dưới thời Đức-Xuyên Mạc-Phủ tại Nhật-Bản, chỉ có một giới luôn luôn được hưởng thanh bình, chẳng biết gì đến mùi vị tao khổ của loạn lị và cũng chẳng rõ thế nào là đói rét bần hàn, ấy là giới trà-nhân tại các trà-thất của vũ-gia công-gia, tự-lĩnh hay đại phú-thương. Giới trà-nhân gồm có :

a — trà-phường-chủ (cha (bô-zu)

b — trà-phiên (cha-ban)

c — trà-phiên cuống-ngôn (cha-ban kyô-gen)

d — ca-nương (uta hime).

Giới này đều được : « *Izure mo, Dai-Myô nadô kara no hô-shu ga oku, seikatsu wa shashi ni nagarete ita* : Tất cả, do các cấp vũ-gia chu cấp hậu hĩ nên đều sống đời xa xỉ ».

(còn tiếp)

VỢ HỎI CHỒNG

Vợ nũng nịu hỏi chồng : Mình ơi người ta thường nói tuổi thanh niên, tuổi trung-niên và tuổi quá-niên là sao hở mình ?

Chồng là một nhà giáo, thường muốn cắt nghĩa cái gì cũng phải rõ ràng minh bạch và có dẫn ví dụ, trả lời :

— Thanh niên là tuổi xanh, tức là những người đang trẻ, thường ưa nhìn về đàng trước nghĩa là hướng về tương lai. Quá niên là tuổi đã quá, đã già tức là mấy ông già, thường hay nhìn về đàng sau nghĩa là hay nhìn lại dĩ-vãng, còn trung-niên là tuổi ở giữa, tức là không trẻ, không già, nghĩa là những người... sồn sồn và họ ưa nhìn...

Đến đây bí quá, ông tằng hắng hoài mà nói không ra. Bà vợ thúc :

— Họ ưa nhìn ở đâu hả mình ?

Ông giáo ấp úng một hồi, vùng nói đại :

— Họ chỉ trợn tròn con mắt mà không... nhìn sao cả.

lá thư gởi mẹ

★ **MỘNG-THÔN**
(Chương-Thiện)

Ngày nào Mẹ tiễn con, đôi mắt buồn rưng rưng ngấn lệ,
Nắng ngả màu chia-ly, giòng sông in trắng bóng mây bay.
Giã-từ những con đường mòn, những mái nhà nghèo nhỏ bé...
Mẹ ạ, phương trời cô-đơn, con nhớ ngày đi, đêm nay.

Tâm-hồn nầy bé nhỏ, đôi vai nặng gánh tình dân-tộc,
Những ngày tháng xa quê, rừng sầu thương tím những buổi chiều
Quê-hương bây giờ vẫn là chiến-trường máu xương tang-tóc,
Đời con bốn mùa chiến-đấu, đời Mẹ ngày đêm cô-liêu !

Buồn da-diết trong tim, Mẹ nhắn con mai về thăm Mẹ,
Muôn dặm trường cách xa, ôi đất nước cát bụi mịt-mờ !
Mẹ mơ con về trong sương mai hay giữa chiều nắng xế,
Có con trở về, từng hoàng-hôn Mẹ không thấy bơ-vơ.

Con hẹn tuần sau về thăm Mẹ — Mẹ ơi ! Đừng khóc nữa !
Đêm nay trời trở gió, mùa đông về, mười ngón tay rung.
Nhà mình trống-trải, chao ôi ! Làm sao Mẹ tìm ánh lửa ?
Chiến-tranh kéo dài, chăn áo rách, thân-thể Mẹ lạnh-lùng.

Lạy Trời cho gió rét tan đi, cho mùa đông đừng đến,
Cho Mẹ hiền ánh lửa hồng ấm-áp, giấc ngủ mê-say,
Người Mẹ già lãng quên chuyện đợi-chờ, quên mùa chinh-chiến.
Tuần sau con về, xin Mẹ ngừng giọt nước mắt đắng cay !

ACHILLE

★ *Đàm-quang-Thiện*

TRONG các chiến sĩ Hy-Lạp đi sang Troade, người đẹp nhất, quyến rũ nhất và lại can đảm nhất là Achille. Chàng là con của Pélée và vị Nymphe Thétis. Muốn cho gươm giáo không phạm được vào người con, mẹ chàng lúc chàng còn nhỏ, nhúng chàng vào nước sông Styx. Vì bà cầm một gót chân của con để dúng xuống nên cả người chàng chỉ có chỗ đó là nước không ngập và không cứng rắn bằng các chỗ khác mà thôi.

Về sự giáo dục, cha chàng đem con lên núi Pélion giao cho một người ngựa tên là Chiron. Ông này nuôi chàng bằng tủy lợn rừng và chó sói để cho chàng có sức khỏe. Nhờ thế nên ngay từ lúc nhỏ, Achille đã cầm được những ngọn giáo rất nặng. Mới chưa đầy sáu tuổi, chàng chạy nhanh hơn gió, hươu cũng phải thua, đánh ngã được sư tử vác lên vai đem về dâng thầy. Chiron còn dạy chàng đánh đàn, băng bó các vết thương và nhận biết hiệu năng bí mật của các cây cỏ. Năm Achille lên chín tuổi, Calchas đoán rằng thành Troie sau

này phải có chàng mới chiếm nổi, nhưng chàng sẽ bị chết ở châu thành đó. Mẹ chàng muốn tránh lời tiên tri thực hiện bèn cải trang cho chàng làm con gái và đem đến gửi Lycomède là vua cù lao Scyros. Ông này dấu chàng vào trong cung cho ở với các công chúa. Nhưng những người Hy Lạp trước khi sang Troade khám phá được nơi ẩn trốn của chàng và cử một đoàn đại biểu đến Scyros. Lycomède chối không có Achille ở đấy nhưng cho phép họ vào cung lục soát. Ulysse tinh khôn bèn đem bầy trước các công chúa những đồ nữ trang cùng mọi thứ lụa là quý giá, bên cạnh để một ngọn giáo và một cái mộc, rồi ông cho đánh trống ầm ỹ. Nghe tiếng trống bọn Công chúa sợ hãi chạy trốn, nhưng Achille xé bộ y phục phụ nữ đi và chạy xồ đến những thứ khí giới của Ulysse để đó không khac gì một chiến sĩ nóng lòng muốn ra trận. Bị lộ như vậy, Achille bằng lòng giúp bọn Ulysse và chàng cùng đi với người bạn thân là Patrocle. Trong chín năm đầu chiến đấu, Achille không hề với tên hiệu là cái mộc của đoàn quân Argiens. Chàng hạ được mười hai thành bằng đường bộ và mười một thành bằng đường thủy. Sau khi phá thành Lyrnesse, các vua Hy-Lạp chia nhau chiến lợi phẩm, và một nàng nô lệ trẻ tuổi và xinh đẹp tên là Briséis về phần Achille. Ít lâu sau, lúc thành Chrysa bị hạ, Agamemnon được chia phần một nữ giáo sĩ của đền thờ Apollon tên là Chryséis. Lúc quân đội Hy-Lạp đồ bộ ở Troade, và đóng trại gần thành Ilion, bố Chryséis đem một số tiền lớn đến xin chuộc cho con. Ông kêu nài tất cả các người Hy Lạp và thứ nhất là hai vị chủ : Ménélas và Agamemnon.

Không những không trả người con gái cho bố nàng, Agamemnon còn mắng đuổi ông này. Apollon tức giận muốn báo thù cho người nữ giáo sĩ của mình liền bắn những mũi tên reo rắc bệnh dịch hạch vào quân Hy Lạp

Trong chín ngày liền, quân sỹ chết rất nhiều. Achille bèn kêu gọi anh em hãy hỏi vị đồng xem duyên do sự tức giận của Apollon tự đâu. Calchas trả lời đó là vị thần trả thù cho ông già Chrysès và chỉ khi nào Chryséis được trả cho bố nàng thì quân sỹ mới thoát nạn được. Agamemnon nghe nói trợn mắt mà hét lên : « Nếu Apollon phạt vì ta không chịu trả Chryséis thì được, ta bằng lòng tha nàng, nhưng hãy đền ta một phần thưởng khác ! »

Achille ngắt lời : « Ông còn đòi phần thưởng gì nữa bây giờ? Các chiến lợi phẩm đều chia hết rồi. Nhưng ông hãy cứ trả nàng đi, nếu nhờ Trời chúng ta phá được Troie thì phần của ông sẽ được chia lên gấp ba, bốn lần . »

Agamemnon lại nói : « Achille, dù anh can đảm đến đâu mặc dầu, nếu anh muốn ta trả Chryséis thì hãy đền ta Briséis nếu không ta sẽ đến tại lều của anh mà cướp nàng. »

Achille tức giận trả lời : « Lòng tham của ông thật không có đáy. Ông đã làm nhục tôi trước công chúng và dọa đến cướp phần thưởng của tôi thì tôi sẽ không dự vào cuộc chiến để cứu vãn danh dự cho họ ông nữa. Một ngày kia, khi quân Argiens sẽ chết như rạ trước quân địch, tôi e ông sẽ hối hận về cử chỉ ngày hôm nay mà thôi ! »

Achille, Patrocle cùng với bọn của mình rời cả về lều.

Agamemnon sai dẫn Chryséis về trả cho cha nàng. Apollon cũng nguôi giận và không làm chết quân Argiens nữa.

Sau khi trả Chryséis, Agamemnon sai hai người nhà đến lều của Achille bắt Briséis. Lúc họ tới, Achille đang ngồi trước lều. Trông thấy vẻ tức giận của chàng họ lúng túng mãi không dám tiến lên. Achille thấy thế liền bảo họ :

« — Agamemnon sai các anh đến bắt tên nô lệ của ta thì các anh cứ dẫn nàng đi. Nhưng kể từ hôm nay trở đi ta sẽ không còn liên can chút gì đến cuộc chiến đấu này nữa. Ta thề không bao giờ cứu giúp đoàn quân bạc bẽo này dù nó gặp phải bước cùng khốn đến thế nào đi nữa. » Chàng lại bảo Patrocle vào lều giắt Briséis ra giao cho hai tên người nhà của Agamemnon.

Achille chán nản ra nằm một mình ngoài bãi bể. Nghĩ giận

cho sự đen bạc của loài người, vì anh hùng mặc cho những giọt lệ hờn tủi tuôn rơi. . .

Thấy con ủ rũ, Thétis hiện lên lại gần vuốt ve chàng và hỏi duyên do. Achille kể hết đầu đuôi cho mẹ nghe và xin bà yêu cầu Zeus che chở cho người Troie thắng đến bao giờ người Hy-Lạp phải đến xin lỗi và nói lại với chàng mới thôi. Thétis lên Olympe xin và Zeus nhận lời. Ông liền làm phép cho Agamemnon nằm mộng thấy thần bảo đi đánh thành Troie ngay thì thắng. Sáng giậy Agamemnon nghe theo cho người đi bảo quân sỹ sửa soạn để tấn công thành. Quân Hy-Lạp vui vẻ reo hò vang dậy. Nhưng Zeus đã lại sai sứ xuống báo cho quân Troie biết để đề phòng. Các cổng thành mở và quân sỹ hai bên đều rất hăng hái. Nhưng Pâris đứng ra đề nghị quân hai bên đều hãy ngừng chiến để cho hai vai chủ động là Ménélas và chàng đấu riêng với nhau. Ai thắng sẽ làm chủ Hélène. Hai bên đều bằng lòng như vậy. Cuộc đấu sắp sửa bắt đầu. Họ rút thăm thì Pâris được đánh trước. Chàng phóng ngọn giáo vào Ménélas, nhưng mộc của ông đỡ được và ông vô sự. Ông ném trả ngọn giáo mạnh đến nỗi lưỡi giáo xiên qua mộc của Pâris, đâm thủng áo chàng. Chàng vội cúi xuống thì vừa kịp tránh khỏi bị đâm chết. Ménélas lại lấy lưỡi gươm đập vào đầu Pâris khiến lưỡi gươm gẫy làm đôi. Mất khí giới, Ménélas gầm lên và nhảy xổ vào kẻ thù, vật ngã hắn xuống đất và cầm chỏm mũ của hắn mà kéo đi. Nhưng Aphrodite làm đứt quai mũ đó. Ménélas cầm cái mũ không ném về phía quân Hy-Lạp, rồi lại xấn đến chỗ Pâris. Ngọn giáo của ông sắp đâm trúng kẻ địch thì Aphrodite lại hóa cho một đám mây che kín Pâris và đưa chàng về buồng Hélène. Lúc đó nàng đang đứng trên thành cao xem cuộc đấu thì Aphrodite lên bảo nàng là Pâris đang chờ nàng. Hélène vội vàng đi xuống. Lúc nàng đi qua trước mặt các cụ già của thành Troie vì niên cao nên được miễn nhập ngũ, các cụ bảo nhau : « Nếu chúng ta

PHONG-PHÚ
Dùng NEUROTONIC BỔ ÓC Tăng cường trí nhớ
575 BYT 20-11-63

ngạc nhiên vì dân Hy-Lạp và dân Troie chịu đựng biết bao sự khổ sở vì người đàn bà này thì chúng ta đã nhầm to. Gương mặt và giáng điệu của bà không kém gì một vị nữ thần trên Olympe. »

Trong khi đó Ménélas dữ tợn như một con sư tử vừa bị cướp mất mồi, xông xáo vào các hàng ngũ địch mà tìm kiếm kẻ thù. Nhưng sự lục soát của ông vô hiệu quả. Agamemnon liền nói : « Hỡi dân tộc thành Troie, chính Ménélas đã thắng trận. Vậy các người hãy đưa trả Hélène cho chúng ta. » Ông vừa nói rứt lời thì quân sỹ Hy-Lạp reo hò hoan hô ầm ỹ. Có lẽ người Troie cũng định tâm làm theo như vậy. Nhưng bà Athéna vốn muốn cho thành Troie bị phá nên hóa thành một người Lycien và trà trộn vào quân Lyciens. Bà đến gần người bắn cung đại tài là Pandaros, hứa hẹn với hắn nhiều danh lợi nếu hắn chịu bắn vào Ménélas. Pandaros nghe theo, một mũi tên trúng vào sườn Ménélas làm ông bị thương. Thấy sự vi phạm đó làm cho máu chảy, Agamemnon và quân đội Hy Lạp công phẫn vô cùng. Họ bèn cầm khí giới xông sang đánh quân Troie. Bên thì có Arès, bên thì có Athéna khuyến khích, nên cuộc đấu dữ dội vô cùng. Máu chảy thành sông, xác chất tựa núi. Về phía Hy Lạp, tuy họ chiến đấu rất hăng hái, nhưng không tiến được một tấc đất nào. Bà Athéna bèn hiện thành người chiến sĩ Stentor và kêu gọi : « Hỡi các người Hy-Lạp, các người sắp bị xấu hổ biết bao ! Trong khi Achille còn ở trong hàng ngũ các ngươi thì các con của Priam không dám ra ngoài cổng thành. Họ rất sợ ngọn giáo và lòng can đảm của chàng. Thế mà bây giờ họ đe dọa đến cả những tàu chiến của các ngươi ! »

Mấy lời nói đó làm thức tỉnh lòng can đảm của quân đội Agamemnon, và hàng ngũ Troie càng ngày càng thấy nao núng thêm. Hector sợ quân mình thua bèn khuyến khích các tướng tá và bảo các cụ già đem lễ vật đến đền thờ Pallas kêu cầu bà che chở cho thành Troie. Còn chàng thì vội chạy về nhà thăm vợ con. Chắc đâu mai chàng còn sống mà trở về ? Andromaque khóc lóc xin chàng thận trọng gìn giữ tính mệnh, đừng xông pha quá e có khi nguy

hiểm. Người anh hùng đó bèn an ủi vợ rồi dơ tay bế con. Đứa trẻ thấy cái mũ của bố bóng lộn và thứ nhất là cái chỏm mũ luôn luôn rung động thì sợ hãi khóc hét lên nép vào ngực người vú nuôi. Hector cười, bỏ mũ để xuống đất và bế con. Chàng ôm ấp hôn hít đứa nhỏ và cầu Trời khấn thần phù hộ che chở cho nó. Sau một lúc chàng giao trả đứa bé cho Andromaque, từ biệt nàng, đội mũ vào và đi ra chỗ quân đội của mình. Cuộc đấu lúc đó đang hăng hái vô cùng. Thấy máu chảy nhiều quá, Hector liền ra đứng chặn giữa hai đội quân, lớn tiếng yêu cầu hai bên hãy ngừng tay để cho một tướng ra đấu riêng với chàng thôi. Chín tướng cùng xin xung phong nên theo lời khuyên của Nestor, Agamemnon cho rút thăm. Ajax con của Télamon được chỉ định ra đấu với Hector. Hai người giao chiến cho đến tối mà vẫn không phân thắng bại. Những quân sỹ của hai bên đều thấy chán nản vì cuộc chiến đấu kéo dài mãi như vậy. Về phía Hy-Lạp, Nestor sai đắp thành đào hào để giữ vững dinh trại. Bên quân Troie thấy bọn Argiens xây thành lũy kiên cố như vậy đâm hoảng sợ. Họ hội họp nhau lại để thương nghị, sau nhất định sai sứ sang xin trả Hélène và các của cải nàng đã mang theo, cùng yêu cầu đình chiến để nhặt xác và chôn cất các người xấu số. Nhưng bên Hy Lạp chỉ nhận lời ngừng chiến để chôn cất các người chết thôi, và không bằng lòng kết thúc cuộc đấu. ● ★

★ TỰ ÁI

— Nè, chị biết không ? Tôi tự ái, tôi trọng nhân vị người con gái của tôi lắm. Có lúc nào tôi cho hắn biết tôi là kẻ « si » hắn, chạy theo đuôi hắn đâu ? — Vì bảo tồn danh dự, tự ái của tôi chị biết tôi làm sao không ?

— Không !...

— Tôi phải kêu điện thoại sớm mai giờ gần chục lần đa chi. mà không gặp.

— Kêu làm chi dữ vậy ?

— Để bảo hắn biết là tôi không phải kẻ « si » hắn, chạy theo đuôi hắn như kẻ khác vậy mà ? Và chiều nay tôi sẽ đến nhà hắn để nói rõ cho hắn ta rõ như thế. Kẻo hắn ta lầm coi thường mình tôi...

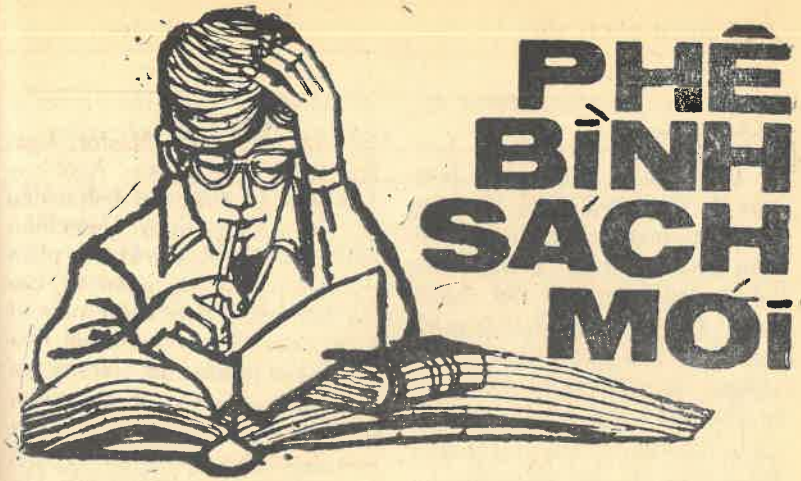

PHÊ BÌNH SÁCH MỚI

nhận định về HOÀNG NGỌC LIÊN qua tập thơ VẪN CÒN THƯƠNG

● Minh-Huy

TRONG lịch-sử loài người, những thời kỳ chiến-tranh giữa các bộ-lạc, giữa các dân-tộc, và gần đây hơn giữa các khối đồng minh liên-kết bao giờ cũng là những thời-kỳ ác-liệt nhất. Chiến-tranh đòi hỏi tinh-thần hiếu-động. Chiến-tranh gợi dậy những sáng-kiến, tinh-thần sáng-tạo cái mới mẻ. Và chiến-sử của loài người đã chứng-minh rằng những bộ-lạc, những dân-tộc, từng chiến-thắng trong chiến tranh là những bộ-lạc, những dân-tộc gồm những phần-tử hiếu-động, nhiều sáng-kiến, nhiều phát-minh mới mẻ mà trong đương thời, đã là tiến-bộ.

Một nhà thơ đã từng sống những ngày đầy máu lửa trong đệ-nhất thế-chiến, một chiến-sĩ kiêm thi-sĩ Pháp là Charles Péguy có viết : « Một linh-hồn chết là một linh-hồn hoàn-toàn quen thuộc » (1). Thật vậy, không có gì đáng ghê sợ hơn là cái tầm thường quen thuộc, cái lối sẵn khuôn mòn, cái tinh-thần bảo-

thủ sẽ đưa dân tộc dần dần đến chỗ suy-vong.

Trong cuộc chiến tranh hôm nay ở Việt-Nam, dân-tộc chúng ta không muốn thấy những linh hồn chết, trái lại dân-tộc đòi hỏi ở thế-hệ hôm nay những cuộc đời trai trẻ, thích xê dịch, bay nhảy ham mê những hiểm-nghèo, những thách đố. Giữa những thanh-niên có năng-khiếu về sự hiếu-động, nhà thơ Hoàng Ngọc-Liên đã cố gắng ghi lại những giây phút nhập cuộc chiến - đấu, những phút giây khinh thường gian nguy lửa đạn,

...Mầu Mũ Đỏ với trời xanh hoa nắng,
Núi rừng nào mừng đón bước chân anh...
...Trong tiếng súng ngỡ ngàng từng bóng giặc,
Đếm vết thù tay nắm chặt bàn tay...
...Lũ giặc trốn bình minh, những ụ tàn trơ-trẽn
Bóng Tự-Do theo nắng mới về đây...

Hình-ảnh của người chiến-sĩ mũ đỏ là biểu-trưng của tinh-thần hy-sinh dũng cảm và thường đồng-hóa với sự chiến - thắng hiên-ngang. Những chiếc dù mở ra, chụp xuống những cánh đồng xanh tươi đẹp, phì nhiêu, nơi có bóng mát, có sân trường, có các em học-sinh ngây thơ đùa giỡn :

Các anh tự trời cao xuống trên đồng lúa,
Bên vườn cây nặng chĩu trái thơm lành,
Hương bát-ngát hoa mùa Xuân chớm nở,
Cạnh sân trường và mái tóc em xanh.

Chiến-tranh bao gồm những gian-nan khổ-cực nhưng bao giờ cũng có những khía cạnh hiên-ngang đầy thẩm-mỹ. Một bộ quân-phục oai-hùng, những chiếc dù muôn sắc, những vòng giây chiến thắng, những huy-chương chói lọi, những ánh mắt nhìn sáng rực, những buổi liên-hoan thân-mật và náo động, tất cả các thứ ấy tạo cho chiến-tranh một bộ mặt đẹp một cách kiêu-hùng :

...Những cụ già dõi bóng dù mê-mải
Những người em khoé mắt long lanh
Chung nụ cười hoan lạc đón mừng anh
Còn nếp áo đọng mây hồ hải.

Lịch-sử chiến-tranh đông tây và kim cổ chứng-minh rằng : Những phút giây hiểm-nghèo của chiến cuộc bao giờ cũng ngắn so với những ngày dài nghỉ ngơi, luyện tập, và nếu những cuộc dụng độ nầy lửa là thời-kỳ của tinh thần căng thẳng thì thời gian nghỉ ngơi là lúc của suy tư, thương nhớ. Và cũng như bao nhiêu chiến-sĩ khác, Hoàng-Ngọc-Liên đã thương, đã nhớ và vẫn còn thương nhớ, dù là ở rừng chiều, ở biên khu, hay ở một nơi thôn bản xa-xôi thuộc miền cao nguyên heo hút :

...Rừng chiều sương trắng khung đời,
Biên-khu vọng gác, nửa trời biền dâng.
Bản xa bụi nắng hoen vàng,
Thiết-tha lời suối cung đàn gợi thương...

Nhà thơ đã thương, đã nhớ rất nhiều đến vóc dáng của người yêu, đến những lời hẹn cũ dưới ánh đèn khuya, đến chiếc áo trắng học trò, như những dư ảnh êm-đềm của một thời tươi đẹp :

Suối tóc huyền mơ, áo trắng học trò
Những hình-ảnh ban đầu còn sống mãi.

Nhưng người em thơ mộng đã xa rồi. Nàng đã lỗi hẹn, cho nên nhà thơ đau đớn đành đem tâm sự của mình gởi vào trong lời thơ chứa đầy những hoài niệm bi đát :

... Hoa thề x n trả lại vườn thơ,
Hình ảnh chờ mong trả dợi chờ;
Nét mực quen mau, trang giấy cũ,
Gói tròn năm tháng trả ngày xưa...

Chiến-tranh tự nó không có gì hấp dẫn. Cảnh giết chóc thê-thảm tự nó không có ma lực nào để lôi kéo con người. Chiến tranh phải cần một cái gì hấp dẫn hơn chính nó, cái đó chính là tình yêu, tình yêu quê hương, tình yêu đôi lứa. Và nếu tình yêu quê hương có thể là nguồn gốc của những thiên anh-hùng ca thì tình yêu đôi lứa có thể là động lực để thúc đẩy tình yêu quê hương đất nước :

... Quân đi dồn tiếng hát,
Trên thép súng, vai sương,
Có tình yêu ký thác,
Gửi người anh chiến trường.
Vẫn từng ô ruộng trắng
Từng lớp muối mặn nồng.
Bên chuyện đời cay đắng,
Còn hình ảnh thương mong...

Qua tập thơ « VẪN CÒN THƯƠNG », chúng ta có thể nhận thấy được hình ảnh của Hoàng-Ngọc-Liên trong cuộc chiến tranh hôm nay : đó là hình ảnh của một người lính chiến hiếu-động nhưng đầy thương mong. Thương mong cho quê hương được thống nhất trong thanh bình thịnh vượng. Thương mong cho được gặp lại người em gái nhỏ xa xưa để sống lại những ngày êm đềm thời thơ-ấu.

● ✶

(1) *Une âme morte est une âme complètement habituée.*

niềm đau đất mẹ

★ TƯỜNG-HUY
(nhóm Sao-Việt, Phan-Thiết)

trên mảnh đất quê hương
xác xơ và khốn khổ
có mấy nhịp Hiền Lương
màu xanh và màu đỏ
có chiến địa sa trường
mặt trời và khói lửa

anh một người đất Bắc
tôi một kẻ miền Nam
cùng là người dân Việt
tình cốt nhục sâu thâm

sao nỡ chém giết nhau
như những loài thú dữ
sao đành thù hận nhau
để hoen mờ lịch sử
ôi xương trắng đầu lâu
ôi da vàng máu đỏ

và xóm làng đổ nát
và vợ góa con côi
sao tương tranh Nam Bắc
hỡi dân tộc đau sầu

sao không dứt lửa binh
để hoa tràn muôn lối
trên đất nước thanh bình
để xua đi bóng tối
trên trang sử liệt oanh
để tình thương mở hội

Nguyên tác của PEARL BUCK
★ **LIÊN-HOÀN dịch**

Cô Nữ-Khán-Hộ quay lại, căn-dặn :

— Ông Nam ạ ! nhất là đêm nay, phải cố gắng ngủ cho được Ông nhé !

Ông Nam mở mắt nhìn ra ngoài trời, lo-lắng :

— Đi đi, cô nên đi ngay, nếu không thì trễ hẹn mất, còn gì ?

— Ông ngoan lắm, ông sẽ ngủ chứ ? đừng nghĩ-ngợi nhiều ảnh hưởng đến bệnh tình.

— Tôi thì lúc nào cũng ngoan-ngoãn, mà chính đó cũng là nhược-điểm của tôi cô ạ. Được rồi, đến giờ thường-lệ tôi sẽ ngủ chứ ai mà nhắm mắt sớm thế, cô ơi, ngoài kia trăng sáng quá, cô thấy không ?

Trăng đẹp, ánh sáng tràn qua khung cửa sổ. Cái mát-dịu của đất trời đủ gầy được không khí hiền hòa cho gian-phòng bệnh-viện.

Cô Nữ-khán-hộ không nỡ rời khỏi bệnh nhân để ra đi. Ông Nam biết nỗi băn-khoăn đó và để ý đến đôi mắt đỏ ngầu của cô Nữ-khán-hộ , ông đoán được biết bao nhiêu là ẩn-khúc của cõi lòng : Cô ta vừa tiếng bắc, tiếng chì với người yêu trước

giờ bước vào Sở. Ông nằm nghe cô ta nói :

— Việc ấy không quan hệ lắm đâu Ông Nam ạ !

— Sao lại không, cô gái đẹp phải sụt-sùi mà lại bảo không quan hệ à !

— Không có chút gì quan-hệ cả.

— Thế thì tại sao Cô khóc ?

— Chỉ tại lúc nãy tôi nói nhiều quá mà không kịp suy nghĩ Ông ơi !

— Cô đã nói những gì nào ?

— Tôi bảo anh ấy nếu bây giờ không còn thấy yêu nhau như trước nữa thì...

Nói chưa dứt lời, nước mắt đã ùa đến. Cô cắn chặt môi như để dằn lại nhưng vô hiệu.

Ông Nam vẫn bình tĩnh :

— Thế thì Ông ta cứ đi tìm một người khác !

— Ông làm sao biết được ?

— Người ta nói theo thường tình ấy mà !

Cô Nữ-khán-hộ lại im lặng, bàn tay tíu-tít với những việc lặt vặt hàng ngày. Chiếc áo trắng tinh đặt một vết sáng lung-linh trên một màu nâu sẫm của bàn ghế.

Ông Nam không muốn mình phải vĩnh-biệt cõi đời trong một gian-phòng bệnh viện. Bao nhiêu năm rồi, ông sống giữa khung cảnh gia-đình, từ khi người vợ kế của Ông mất đi, ông ghi nhớ rất nhiều kỷ-niệm.

Ông đã cảm thấy cái chết đến một bên, trong vòng sáu bảy tháng nữa là nhiều nhất nên Ông sống những ngày cuối cùng rất mãnh-liệt.

Tám tháng trời trôi qua, thêm một giờ nào là Ông ôm lấy như một món quà lạ.

Ông nằm nói, giọng mỏi-mệt :

— Thôi, cô gọi điện thoại cho Ông ấy đi, hẹn gặp nhau ở vườn hoa Đô-Thành, dưới chân pho tượng đồng. Tôi còn nhớ lắm cô ạ, chính nơi ấy chúng tôi đã ngồi lại trong buổi đi chơi cuối cùng hồi tháng sáu vừa qua.

Cô Nữ-khán-hộ có vẻ hơi lo :

— Thôi, tôi không thể rời gian-phòng này được. Lương tâm nhà nghề không cho phép. Nếu Ông...

— Nếu tôi chết trong trường hợp đó ư ?

— Không, tôi không có ý-nghĩ đó đâu. Tôi bảo, nếu Ông cần đến tôi thì làm sao ?

— Tôi không có gì phải phiền đến cô. Chính tôi lại thích nằm yên lặng một mình cơ !

Cô Nữ-khán-hộ vâng lời, đúng y như sự dự-đoán của Ông Nam. Cô bước lại máy điện-thoại, hẹn với người yêu một cuộc gặp-gỡ. Thấy con bệnh của mình vẫn nằm, mắt mở thao láo, thì cô dừng lại ở ngưỡng cửa, nhăn mặt, lo lắng :

— Tôi không ở lâu đâu nhé. Tôi sẽ về ngay.

— Thôi, cần thì cô cứ ở lâu để nói cho Ông ấy hiểu rằng cô vẫn một lòng, một dạ...

Suốt buổi chiều hôm nay, Ông Nam thấy trong người nhẹ-nhõm dễ chịu quá, cơn bệnh như biến mất và thể xác tìm lại được sinh lực của mình.

Thật thế, trước giờ nhắm mắt vĩnh biệt cõi đời, người ta thường thấy khỏe khoắn, thỏai mái với những kỷ niệm của chuỗi ngày qua.

— Công chuyện chắc không lâu lắm đâu ! Cô Nữ khán hộ lại lên tiếng như để làm yên lòng con bệnh.

Cô bước ra đóng nhẹ cửa lại. Ông Nam trông theo loáng thoáng chiếc áo trắng trong hành lang rồi mất hút. Có lẽ cô ta đã rẽ sang dãy nhà lầu để bước ra sân. Ông cố gượng dậy một chút để trông cái bóng trắng lướt dưới rặng cây. Ông đã phí mất sức lực. Không được ! Ông chỉ có thể nằm như thế mà hồi tưởng lại quãng đời trôi qua.

Ông không muốn phung phí

một chút thì giờ nào cả trong những ngày tàn của cuộc sống. Ông níu lấy thời gian, khơi dần những kỷ niệm, những nỗi lòng sầu kín riêng tây mà ông chưa hề san sẻ cho ai, Ông đang nghĩ rằng khi hai tay đã buông xuôi, ông còn để lại bao nhiêu chuyện đời dang dở !

Một khúc phim dĩ vãng. Một dĩ vãng tám mươi năm dằng dặc hiện lên trong khoảnh khắc ! Trước tiên, ông cảm thấy hơi luyến tiếc hối hận.

Ông tiếc rằng lúc thiếu thời bao giờ ông cũng cúi đầu vâng dạ trước một phụ thân nghiêm khắc. Ông trách mình đã bước vào cuộc sống nhu nhược ngay từ buổi đầu. Ông đã sống những ngày thơ ấu dưới một mái nhà thơ mộng có vườn hoa màu sắc bốn mùa, rập rờn bươm bướm có đồng cỏ xanh tắp tận chân trời, có... có bao nhiêu là tươi mát cho tình cảm con người phát triển. Thế mà chuỗi ngày xanh của ông phải héo hắt bên người nghiêm phụ và bên một ông giáo rước về nhà để góp phần vào việc uốn nắn đứa con. Chao ơi, bao nhiêu là buổi sáng đẹp trời, ánh nắng lung linh trên mặt suối, cánh đồng bát ngát tiếng chim kêu, thế mà ông đã phải ngồi ngập giữa chồng sách vở khô đét như đá mùa hè !

Tuổi hoa niên trôi qua thiếu tiếng hát, tiếng cười, thiếu một cánh bướm tung tăng, ôi trời ôi, đau xót. Ông Nam gào lên thathiết giữa gian phòng yên lặng gần như hư vô : Chỉ có ông và thời gian đang ôm chầm lấy nhau để ông đi dần vào hư vô thật :

— Người ta đã cướp mất của tôi rồi. Người ta đã cướp mất mặt trời của tôi, cướp mất một áng mây, một thảm cỏ xanh tươi dưới bàn chân non dại của tôi, ôi ! cướp của tôi tất cả những buổi sáng hiền hòa ấy mất rồi !

Những mẫu sách ngoại ngữ, những bài toán đố, hôm nay đâu có còn dấu vết gì trong cân não, chỉ có... chỉ có nỗi buồn của những buổi mai ấy còn man mác trong lòng tôi !

Ông nằm yên cố tìm lại những xúc cảm triền miên, nhưng làm sao được ! Tâm hồn đã héo hắt dần theo thể xác ! Ông làm sao tưởng tượng lại được những xúc cảm đê-mê của thân thể say say dưới nắng ấm bên bờ suối trong, trên những tảng đá chập chồng giữa lá hoa sắc thắm ! Người ta cướp mất những giờ phút ấy rồi. Ông thấy hắn học quá, và cơn giận như vừa thổi

vào cơ thể của Ông thoáng qua một ít nghị lực nữa. Ông ngẩng đầu nhìn. Ông không thích vặn đèn lên vì ánh trăng đã ngập cả gian phòng ; trăng xanh và êm như một đêm nào đó lúc mười bảy tuổi đầu, hình ảnh cô Hoa len vào tâm trí ông rồi đậm đà trong khoảnh khắc. Ông còn nhớ rõ mớ tóc thơm thơm, thân hình mảnh dẻ của Hoa. Hai người bước song song trên đường làng thoang thoảng mùi rơm và mùi cỏ dại. Tại sao thế à? Vì đêm trước đó hai người gặp nhau trong đám hội xóm làng, cùng say một điệu múa, rồi tay nắm tay bước vào cuộc sống..

Nàng mảnh khảnh và trong trắng lắm. Chàng cũng ca ngợi và quí giá lòng trong trắng của Nàng nên chẳng bao giờ hai người hôn nhau. Trong lúc đó môi Hoa vẫn tươi mọng và lòng chàng vẫn rạo rực ái ân. Sáng ngày hôm sau, Chàng đến thẳng nhà Nàng, tay ôm một bó hoa hồng. Hoa hồng nói hộ cho chàng nỗi lòng tha thiết nhé ! Nàng nâng hoa vào lòng trìu mến rồi lại cắm hoa vào bình yên lặng. Cảnh vườn đầy hoa lá thiếu một tiếng chim kêu cho rộn ràng, khua động !

Chàng ra về, men theo quãng đường làng quen thuộc. Cũng trên quãng đường này, có một đêm sau, hai người đều bước. Chàng mới khẩn khoản đôi lời khi hai người đi khuất sau bờ dậu :

— Hoa ạ, anh hôn em nhé ?

Trăng sáng, khuôn mặt rối loạn của Hoa ngẩng nhìn Chàng. Chàng ngỡ rằng Hoa đã bằng lòng vì ai lại chẳng khát khao ! Chàng nhìn lại đôi mắt ươn ướt sẫm và mớ tóc huyền của Nàng. Chiếc áo trắng phất phơ. Chàng nghiêng xuống định ôm Nàng nhưng Nàng đã quay đi, khước từ yếu ớt :

— Không, đừng làm thế anh !

— Tại sao vậy, em ?

— Bởi vì...

— Bởi vì sao ?

— Em đâu phải thuộc vào loại thiếu-nữ ấy !

— Loại thiếu nữ nào vậy Hoa nhỉ ?

Xúc cảm tràn trề, chàng ôm chầm lấy Nàng không lý-luận nữa.

— Anh biết chứ ! Nàng thoát ra, khẩn-khoản.

— Em là một cánh hoa chứ đâu phải là một thiếu nữ !

Chàng cố làm xiêu lòng Nàng nhưng lễ giáo gia-đình đã giữ Nàng lại, kiên quyết. Nàng còn

nhớ đinh ninh lời to nhỏ của Mẹ Nàng căn dặn : « Nếu con để chúng nó muốn gì cũng được thì không bao giờ chúng nói chuyện cưới xin với con cả ! »

Nàng không thỏa mãn được tình yêu của chàng. Hai người lại ngoan ngoãn nắm tay nhau ra về. Chàng gặp lại Nàng mấy lần sau nữa nhưng không bao giờ đá động đến việc cùng nhau xây tổ ấm. Chàng có thù hằn gì chuyện ấy đâu ! Dù sao chàng cũng hay suy nghĩ liên-miên, không hiểu những bà lão lầm cầm cũ kỹ như ngôi miếu trong làng ấy, nói có đúng không : « Nếu hôm đó Hoa không chối từ, liệu Chàng có cưới Hoa làm vợ ? Đang giữa tuổi ấy người ta thích yêu đương hơn là gầy dựng gia-đình, đó là một điều chắc-chắn. »

Trí nhớ của Ông Nam cô đọng lại trong phút chốc : A, người ta đã đánh cắp của Ông ta nữa rồi ! Đáng lẽ lúc ấy Chàng phải biết kiên quyết một tí, hôn cho được Hoa rồi đâu cũng vào đấy ngay. Đàng này chàng lại giữ gìn bo bo như người ta giữ của cho đến ngày hôm nay. Than ôi, chàng cũng chỉ giữ lại được sự hoang vắng trong tình yêu. Một sự hoang vắng trống trải, lạ lùng thật, mặc dù chàng đã đi lập gia đình với cô Thi. Phải rồi, Thi không phải là cô Hoa. Mà chính cô Hoa không phải là cô Hoa mà chỉ là một thiếu nữ chàng thích ôm chầm lấy để hôn ! Qua những năm sau, chàng sống với yêu đương mà sao thấy mình vẫn thiếu thốn một tí gì. Chàng sống với cô Thi cũng hạnh-phúc lắm, đàn con xinh vẫn tiếp tục ra đời. Thi lại khỏe khoắn, tâm hồn lành mạnh, không vướng một chút thành kiến đối với cuộc đời. Mắt hiền, tóc đen, da dẻ mịn màng, đôi môi thắm đỏ và rộng lượng vô cùng, đôi tay lại nóng hổi...

Ông Nam nằm nhớ lại với muôn vàn khía cạnh rất rõ ràng. Ông tự hỏi như thế ông đã chiếm được hoàn toàn thể xác và tâm hồn của Thi chưa ? Chứ Thi thì chưa giữ được ông hoàn toàn lắm, chắc chắn như vậy !

Hai người ăn ở với nhau được năm con, ba trai và hai gái. Hôm nay tất cả đều nên gia thất và cũng đã sinh con đẻ cháu rồi.

Dường như ông không để ý đến mấy đứa cháu lắm, nhất là từ khi vợ ông qua đời, ông không còn tìm lại cái thi vị gia đình đoàn-tụ, con cháu sum vầy,

Ông cằn cỗi dần trong cô quạnh. và Ông càng cô quạnh khi ông bước đi bước nữa với một người đàn bà khác. Con cháu lại xa dần, hầu như không còn gì để quấn quýt lấy nhau nữa. Người vợ sau tên là Nhàn. Bà Nhàn sinh thêm một mớ con. Chúng nó lớn lên, còn ông thì già thêm, đi dần vào cõi chết.

Người vợ trước của ông — Bà Thi — hay tạo cho Ông những giờ phút vui thú gia đình chung quanh đàn con bụ bẫm. Lúc ấy ông thích cười, cười với vợ, với con mà nhắc đi, nhắc lại rằng :

— Em ơi ! trẻ con đi đến đâu là đem nụ cười đến đấy, đúng như trời đất đã thương chúng mình !

Bà Thi lại tỏ ý ngăn ngừa, giọng trầm lặng :

— Những để chúng nó làm xong bài vở đã anh nhé !

Ông ta phải giả vờ nghiêm nghị với con để cho Bà Thi vui lòng. Nhưng khi bà Thi vắng nhà, đi đến hiệu uốn tóc, hiệu thợ may hay đi nghe hòa nhạc — bà ta thì say mê vấn đề này lắm — mấy cha con ở nhà thả hồ mà đùa cợt và ông tưởng chừng mình đã hòa lẫn vào tuổi hoa niên, say mê kỳ lạ.

Bà Thi từ phòng hòa nhạc bước về, đôi mắt đỏ hoe. Ông nằm nghĩ không biết có phải vợ mình khóc thật ? Bà ngồi khóc giữa những thính giả xa lạ mà gần gũi trong một mối cảm thông !

Rồi những đứa trẻ ấy lớn lên, xa dần ông ta hết đứa này đến đứa khác, tìm cuộc sống ở những phương trời mới lạ. Mỗi lần về thăm nhà, đàn con hay gượng cười, gượng vui cho khuây khỏa cha già, nhưng ông lại thấy ánh mắt của các con sao mà nghiêm nghị thế ! Ông chỉ còn giữ lại hình ảnh hồn nhiên của đứa con lên 10 — thằng Hà — bị chết đuối giữa biển mà không tìm được xác. Có một buổi sáng, chờ anh không được, nó đi tắm bể một mình rồi sóng bể đã cướp mất nó, không bao giờ trả lại.

Hôm ấy sóng to, dựng lên trắng xóa, lồng lộng như nanh vuốt của con thú dữ vồ mồi... khi ông Nam chạy như điên giữa bãi biển thì ông cũng đã biết không bao giờ tìm lại được xác con rồi.

Ông nhớ thằng Hà quá ! Thằng Hà hình vóc thì giống bà Thi mà tâm hồn thì như khuôn đúc với ông vậy. Ông nhớ đến

Hà, hy vọng tìm một đứa khác giống như Hà khi ông bước đi bước nữa.

Ông lại tự trách lúc thằng Hà còn sống, ông không thương nó được nhiều hơn. Có một hôm thằng Hà trốn học đi thả con diều tự tay nó mới làm được. Ông rầy la dữ tợn quá và bắt nó ngồi học lại ! Nhiều buổi tối ông cũng bắt nó làm bài không kém gì bà Thi : toán cộng, toán trừ, tập đọc.... mà thằng bé không hiểu sự cần thiết và giá trị là bao nhiêu !

Có một đêm, Hà ngẩng đầu lên ; trong đôi mắt gợn buồn, ông cảm thấy nó đang chờ đợi một cái gì ấy ! Nó nói lầm bầm một mình :

— Này, con nghe như gió khóc ngoài kia ! nó buồn vì đâu thế ?

— Đã đến giờ ngủ rồi mà còn một mớ bài chưa học con nhé !

Ông Nam nghĩ rằng lúc ấy nếu là một người cha đầy đủ bổn phận thì phải hiểu con bảo con dẹp sách vở đưa con ra ngoài trời để nói cho con nghe rõ nỗi u buồn của cơn gió thỏang. Ông đã thiếu mất nguồn vui ấy rồi. Ông đã la mắng con tức là cũng đã không hài lòng vợ. Ông thương vợ mà không tha thứ được những tình cảm sâu kín trong lòng đã làm cho vợ mất một nguồn vui. Trong tuổi già, ông mới hiểu rõ những thú vui bắt nguồn cho sự hoan hỉ mà tìm ra lẽ sống ở đời. Theo ý ông nỗi buồn vơi dần theo ký ức và chỉ còn có nguồn vui tồn tại.

Và để tạo một nguồn vui, ông đã cưới một người vợ trẻ sau khi bà vợ nữa qua đời. Ông cũng yêu đương tha thiết nhưng người vợ trẻ ấy lại ra đi. Ông biết rằng tuổi tác của hai người chênh lệch nhiều quá. Trong giờ phút nào đây, chắc người đàn bà ấy đã tìm được nguồn vui đầy đủ. Lòng rộng rãi bao dung của ông lại giúp cho người đàn bà ấy thêm sung sướng bên người yêu mới.

Ông lướt qua, không dám nghĩ sâu đến vết thương lòng ...

Trước đây mấy tháng, ông có được tin tức về nàng. Nàng đang sống ở một nơi xa, lộng ánh mặt trời, ông chỉ muốn nghĩ đến nàng với mảnh mặt trời chiếu sáng.

— « Đại-Úy thân mến.... »

Nàng thường gọi ông như thế, nửa nghiêm trang, nửa bông đùa vì nàng coi ông ta như 1 vị chỉ huy của tâm hồn mình. Ông

nghĩ rằng ông đã yêu nàng với bổn phận :

Nàng mất cha từ tấm bé, người Mẹ mất trí không nuôi nấng Nàng được đầy đủ nên tuổi tác của ông có thể đem lại cho Nàng một nương tựa mà giờ đây lại chính cái tuổi tác ấy đã gây nên chia cách !

Ông lo ngại và đoán biết được nỗi lòng từ lúc Nàng bắt đầu quay đi để tránh những cái hôn chồng vợ. Dù sao, trong cuộc sống chung, ông cũng đã tìm được nhiều cảm giác mới lạ. Ông thầm nghĩ tại sao mình lại can đảm dường ấy ? Giờ thì Ông đã trả Nàng lại cho tuổi trẻ, cho mơ mộng rồi ! Ba năm trời điên dại, vừa sung sướng, vừa thất vọng, ông bám chặt lấy đời mình, bám chặt lấy những tia hy vọng vừa lóe lên thì đã tắt phụt mất !

Trong gia đình, ông không còn chịu đựng được vẻ mặt sa sầm của Nàng nên ông đã để cho Nàng ra đi : đó là một sự kết thúc không thể nào tránh được nữa.

Có một hôm, nàng đến ngồi bên ông ta, âu yếm, dúi đầu vào vai chồng thổn-thức.

— Xem nào ! ông ta vừa nói, vừa ôm chầm lấy Nàng. Ông ngẩn ngơ thấy lòng mình không còn chút rung động. Vừa bi thảm, vừa u ẩn ; ông còn hiểu biết được sức truyền cảm của tấm thân Nàng nhưng sao lòng ông lại chán chường dường ấy ! Ông biết rồi, tuổi tác đã phá hủy cái nhạy bén của con người mất rồi.

— Em nói đi, có gì không vừa ý thế ?

— Không có gì cả.

Nàng lay lay mái tóc để rung nhẹ trên má chồng.

— Không, nhất định có một chuyện gì.

— Em yêu anh lắm anh ạ, em biết thế !

Rồi Nàng lại thổn thức :

— Không có người nào ngoài anh ra. Em không thích người đàn ông nào ngoài anh vì anh đứng đắn và khôn ngoan hơn những kẻ em thường gặp hoặc em sẽ gặp sau này. Không có anh, em chết mất. Đối với đời em, anh vừa là tình nhân, vừa là chồng, vừa là bạn, lại vừa là cha.

Một sự biện luận về tình yêu chớp nhoáng quá, nguy-hiểm quá. Lý-trí và tình-cảm chống chọi nhau, tay muốn dang ra mà lòng bảo dừng lại và lòng đã tìm một lối đi, đã cảm rung vì một mục đích khác.

Ông nói lên giọng trầm lặng : — Tôi có thể nhận được tất cả trừ việc làm chồng ra có lẽ ! Em cũng có thể coi tôi không còn là chồng nữa cũng được. Em còn nhớ không ? tôi đã nói trước điều đó khi em muốn về với gia đình tôi. Lúc đó chính em là người đề xướng trước nhất việc hôn nhân. Nếu không, tôi đâu có dám !

Bây giờ nghĩ lại chính tại nàng chứ không phải tại bản thân ông, ông còn yên tâm được một chút !

Ông đã nói : — « Khó coi lắm cô ạ ! Đôi môi héo hắt của ông đã nhiều lần nhắc lại nhắc đi dưới mảnh trăng dĩ vãng.

Nàng lại thiết tha :— Em ghét những người trẻ tuổi lắm anh ạ.

Ông tự hỏi tại sao thế ? Vì những bạn trẻ tân thời không thích mang vào vai mình gánh nặng gia đình ư ?

Cho đến bây giờ, ông ta cũng không hiểu rằng nàng có ghét người trai trẻ rám nắng, mắt một màu xanh sâu thẳm ấy không ?

Trước kia, đã có lần ông nói với nàng :

« Em không nên ghét những chàng trẻ tuổi. Tôi đã già rồi, tôi sẽ chết trước em, em phải ra đi và sẽ có người trai trẻ đón em, chắc chắn thế.

— Chúng ta đã dự đoán được tất cả rồi phải không ?

Người trai trẻ dang tay ra đón nàng thật.

— Em ạ, em biết chứ, thấy được như vậy tôi càng khoan khoái trong lòng vì em sẽ được che chở trong đôi cánh tay rắn chắc vô vàn ấy.

Nàng đã cãi lại : — Không, anh không được nói nhảm.

— Không, tôi chỉ muốn em được cảm thấy tự do không cần chờ đợi đến lúc tôi phải vĩnh-biệt cõi đời.

Lẽ tất nhiên là Nàng không, đồng-ý. Vành môi cong lại và Nàng khóc sướt mướt. Nàng đã thành thực với lòng mình trong cuộc chiến đấu bản thân. Nhưng cửa đã mở rồi, nàng không kiềm giữ mình được nữa.

Nàng chưa ra đi tức khắc. Nàng còn trì hoãn với những bữa cơm kéo dài, với vài cuộc nhàn du và cho đến một cuộc du lịch xa xôi thì Nàng không còn trở về nữa thật !

Không, Nàng có một lần trở về, trong khi Ông ta rên rỉ trên giường bệnh và không còn sinh lực để ngồi dậy. Ông khẽ đưa tay vuốt tóc Nàng. Nàng than phiền không được săn sóc cho ông ta. Ông ta lại lạnh lùng :

— Không cần em ạ ! Đã có hai người Nữ khán-hộ rồi.

Nàng cố nhếch môi cười :

— Trước kia, anh thích cười lắm anh nhỉ !

Không có gì đẹp bằng đôi mắt của người đàn bà ánh lên một niềm vui giữa hàng mi long lanh hạt lệ !

— Anh thì đùa mãi. Chả lẽ anh ghét em và thích sống với hai cô Nữ-khán-hộ ?

— Đúng thế, nhưng tôi giả tiền...

Ông ta còn muốn hỏi người trai trẻ với đôi mắt xanh thẳm ấy có đối đãi với Nàng tử tế không, nhưng câu hỏi nghẹn ngào trong cổ họng. Ông đã tê liệt hết thân mình.

Nàng gọi cô Nữ-khán-hộ lại căn dặn.

Cô Nữ-khán-hộ không có chút gì nhan sắc ấy đáp rằng :

— Vâng, tôi nhớ luôn, thưa Bà ! và nguây nguẩy bước đi.

Nàng lại nói :

— Em không ghen tị với cô nầy đâu.

— Làm như em có quyền ghen tị.

— Em ghen mãi mãi vì anh vẫn còn là viên Đại-úy của lòng em...

Rồi Nàng lại ra đi. Nàng trở về trong nửa tiếng đồng hồ mà mang lại một nguồn vui không bờ bến. Ông giữ lại hình ảnh của nụ cười gòn gọn giữa đôi bờ mi ướt lệ — ông giữ kỹ như kẻ ôm ấp kho tàng. Ông không rung cảm được với tâm hồn Nàng thì ít nhất ông cũng thưởng thức được nhan sắc trẻ trung của Nàng. Chỉ có người đứng tuổi mới hiểu biết sắc đẹp kỳ diệu của trẻ trung và cái cừ hơn của tuổi già là ở đấy...

Ngoài kia, một áng mây che khuất vầng trăng. Bóng tối lại dâng lên trong phòng bệnh viện. Ông cố gắng quay đầu ngó ra. Ông thấy cơ-thể yếu dần rồi quả tim thắt lại, đau nhói. Một cảm giác tê lạnh chạy khắp mình, hình như có muôn nghìn bàn tay giá buốt đang nắm chặt lấy các thớ thịt làn da !

Cánh cửa mở và người Nữ-khán-hộ bước vào mang theo mùi hoa lá, mùi cỏ dại, mùi sương đêm. Cô ta reo lên :

— Sao đấy, ông nằm trong bóng tối thế này, giỏi quá !

Cô tìm nút bấm điện. Ánh sáng ngập cả gian phòng... và người thiếu nữ. Mớ tóc long lanh mấy hạt sương, đôi má ửng hồng và làn da mát rượi. Cô thét lên một tiếng : — Ông Nam ơi !

Ông còn muốn nói với cô Nữ-khán-hộ và trấn tĩnh cô ta một tí. Ông còn muốn nói lòng tri ân của mình đối với cuộc đời : « Cô ngoan lắm. Cô đã cho tôi thấy yêu đời trước khi tôi nhắm mắt ».

Nhưng ông không thể nói được một lời nào nữa rồi !..

● ★

dưới đây là một câu chuyện vui có, đau buồn có, oai hùng có, do nhà bác học Fitzsimons kể lại. Nhà bác học được nhân loại ghi ơn vì đã cứu sống hàng triệu dân Phi châu vì nạn rắn độc. Nhân vật trong truyện là một người dân Phi châu tầm thường từng giúp việc với nhà bác học.

SUỐT MỘT ĐỜI NGƯỜI ƯƠM MỐI THÙ RẮN

● Giang-Tân

Anh ta tên là Johannes. Có lẽ anh là người được các phóng viên nhiếp ảnh thâu hình nhiều nhất ở Nam Phi. Riêng tôi, tôi cũng rất ngạc nhiên trước sự dũng cảm của anh. Đó là một con người không hề sợ rắn. Có lẽ anh chàng có một mối thù truyền kiếp với loài rắn. Con vật đã đóng một vai trò bí thảm trong cuộc đời của anh. Lúc Johannes còn nhỏ đang nằm ngủ một cách yên lành trong túp lều của cha mẹ anh cùng với ba người anh và một đứa em gái bỗng một con rắn mái gấm đen, « bóng đen của tử thần » giăng mình phơi nắng trên mái nhà rơi xuống trúng

một người anh của Johannes. Đứa bé ngóc đầu ngồi dậy la lớn : « Rắn mái gầm ! Rắn mái gầm! ». Cả gia đình lo sợ. Trong bóng tối của căn nhà, con vật chống cự bằng cách đưa đầu cắn bên mặt rồi xoay cắn bên trái.

Cả gia-đình bị rắn cắn chết

Người ta biết rằng chỉ 2 giọt nọc của rắn mái gầm là một người cũng đủ toi mạng rồi và người ta cũng biết rằng một con rắn mái gầm có thể liên tiếp tung ra một lần 13 giọt nọc, thì người ta cũng có thể tưởng tượng con vật gây nên tai họa cho gia đình Johannes như thế nào. Chỉ một mình Johannes thoát khỏi. Gia đình chàng, người nọ đến người kia thở hơi cuối cùng. Mẹ của Johannes tắt thở sau cùng cho đến khi bộ phận hô hấp bị tê liệt hẳn.

Năm đó, Johannes đã lên 10 tuổi. Giữa cảnh sợ hãi đó, Johannes nằm bất động trong chiếc mền.

1000 rắn tự do trong Viện

Viện nuôi rắn Port-Elizabeth luôn luôn chứa từ 500 đến 1000 con rắn. 2 phần 3 trong số đó là rắn có nọc độc. Tôi đã tập trung tại đây tất cả các loại rắn để nghiên cứu về nọc độc của chúng, từ những con rắn hổ mang, rắn lục, đến những con rắn mái gầm. Chánh phủ Phi Châu đã giúp đỡ tôi mọi phương tiện hầu tôi có thể hoàn thành công cuộc nghiên cứu của tôi. Một khoảng đất khá rộng đầy đủ tiện nghi được dành riêng cho rắn ở vì nếu rắn bị nhốt trong lồng sẽ mất sinh khí, linh tính chống cự của chúng bị nhụt, những cuộc thí nghiệm, do đó sẽ không có hiệu lực. Phải tạo cho chúng những điều kiện như lúc chúng sống trong rừng rậm. Phải để chúng được sống tự do. Một cái hào sâu đầy nước, thêm một bức tường cao ngăn rắn với khách du lịch. Rắn bơi trong hào, săn

PHONG-PHÚ
Dùng NEUROTONIC BỔ ÓC
Tăng cường trí nhớ
575 BYT 20-11-65

cá, tôm, cua, thằn lằn, rùa. Cạnh hào lại có một bãi cỏ non.

Bắt rắn sống

Việc khó khăn nhất trong viện là người ta phải bắt rắn đem vào phòng thí nghiệm của tôi. Johannes đã làm công việc đó. Thật ra nhiều người xin việc nhưng tôi chỉ tuyển chọn một vài người vừa ý mà thôi. Ngày Johannes đến xin việc, tôi trình bày cho chàng biết những nguy hiểm trong nghề. Nhưng xem chàng chẳng mấy lưu ý. Chàng nói : «Rắn mái gầm đã tha chết cho tôi một lần rồi thì bây giờ con vật không thể làm gì tôi được ». Tôi bày vẽ cho Johannes cách bắt rắn sống để mang đến phòng thí nghiệm cho tôi. 8 ngày sau, Johannes bước vào chuồng nuôi rắn một cách thản nhiên. Từ đó, Johannes trở thành người giúp việc trong Viện. Người giúp việc ở Viện lúc nầy đã quá 100 nhân viên, Hàng ngày, Viện nhận ít nhất 30 hộp đựng rắn. Một ngày nọ Johannes gọi tôi và chỉ cho tôi xem ở cuối hộp, nằm lẫn trong lớp cỏ một con rắn nước. Johannes bắt rắn ra vuốt ve và cuốn rắn vào cổ. Lúc tôi trở vào phòng giấy tôi bắt gặp một lá thư để trên bàn. Trong thư có mấy giòng chữ : «Tôi xin gửi biếu viện một con rắn mái gầm xanh». Tôi lập tức quay ra vườn thì thấy Johannes đã nằm vật xuống bãi cỏ, đôi mắt choáng váng. Lập tức, chúng tôi tìm cách lau sạch mắt cho Johannes với một thứ nước riêng sau đó chúng tôi quét lên mắt chàng một lớp dầu ô liu. Sau 3 tuần lễ săn sóc chu đáo mắt Johannes sáng tỏ lại.

rắn rất tham ăn

Một ngày khác chúng tôi được một lá thư của một người khách cho biết đã gửi 3 con rắn hổ mang đến biếu viện. Lúc mở hộp chúng tôi chỉ thấy có 2 con. Chúng tôi viết thư hỏi lại. Sau đó chúng tôi mới biết rằng một con trong số đó đã bị bạn nó nuốt trong lúc đi dọc đường.

Rắn nổi tiếng tham ăn Nhưng cũng có loại rắn chịu chết đói bên con mồi ngon của chúng. Bắt rắn phải bắt bằng tay trần vì nếu bắt với găng tay thì rất có thể rắn bị tuột. Một tay nắm cổ rắn, tay kia giữ hàm rắn trong lúc đó

một người khác tiêm thức ăn vào miệng rắn. Có khi người ta nhét chuột vào họng rắn và lấy cây đẩy con mồi chạy xuống dạ dầy của con vật. Có lúc con vật không chịu nhận thức ăn mà con người đã đưa vào dạ dày của nó thì con người lại phải lấy giây buộc khoảng giữa bụng và miệng rắn chỉ vài giờ sau là thức ăn đã tiêu hết.

2 giọt nọc độc đủ chết người

Một ngày nọ, một con rắn mái gầm làm bộ chết. Johannes ngây thơ đưa tay lại gần. Rắn quay đầu mổ vào ngón tay của chàng. Johannes hất mạnh tay nhưng rắn vẫn bám chặt bắn thêm hai ba lần nọc độc. Chỉ 2 giọt nọc độc cũng đủ làm chết người, đằng nầy Johannes phải tiếp nhận đến 6, 7 giọt. Cũng may hôm ấy tôi ở nhà. Tôi tiêm ngay cho Johannes một liều huyết thanh khá mạnh. Johannes nằm bất tỉnh luôn 2 tiếng đồng hồ mới tỉnh lại. Sáng hôm sau, tôi ghé nhà Johannes, không thấy chàng. Tôi hỏi vợ chàng thì vợ chàng cho biết Johannes tới vườn nuôi rắn.

đưa lên màn ảnh

Johannes thường biểu diễn trước công chúng bằng cách cho rắn cắn. Chỉ trong một buổi chiều chàng đã để cho 42 con rắn không nọc độc cắn vào tay chàng. Hãng Gaumont đã phái nhân viên đến quay phim Johannes. Chàng xuất hiện trên màn ảnh một cách vinh dự giữa vườn nuôi rắn của viện, trên cổ chàng có cả chục con rắn trong đó có cả những loại rắn độc.

loại chồn ghét rắn

Johannes có đứa con trai 4 tuổi. Tôi thường dặn vợ chàng đừng cho con lại gần vườn nuôi rắn. Một hôm vợ chàng đi vắng. Johannes cõng con vào vườn rắn chơi.

NEUROTONIC BỔ ÓC

Thằng bé vừa được thả xuống đất là chạy đi chơi. Một con rắn hổ mang đuổi theo. Johannes không chạy tiếp cứu con, lanh trí, chàng mở chuồng thả một giống chồn mà viện nuôi để trừ rắn, ra sân cỏ. Con vật vừa được thả ra phóng đến chận đường con rắn hổ mang. Hai bên chiến đấu với nhau trong 15 phút, cuối cùng con vật cắn được đầu con rắn hổ mang. Con chồn toan vồ mồi nhưng con rắn hổ mang quay đầu lại tiêm nọc độc vào lưỡi con vật. 3 tiếng đồng hồ sau con chồn tắt thở... Đứa con của Johannes được cứu thoát.

Nam Phi là xứ dẫy đầy rắn độc. Trước kia mỗi năm có hàng triệu người bị rắn độc cắn chết, nhưng ngày nay nhờ sự phát minh ra huyết thanh chống nọc độc, số người được cứu thoát tăng 80 phần trăm.

Các nhà bác học góp công rất nhiều trong việc cứu sống các nạn nhân và công đó người ta cũng không thể quên tên Johannes, người lao công ở vườn nuôi rắn Port Elizabeth.

NHIỄM MÁU HÀ TIỆN

Một nhà triệu-phú nọ bị tai-nạn xe hơi ra nhiều máu quá, phải cần được tiếp máu mới sống được. May mắn cho ông ta là thầy Thước, người hàng xóm, có loại máu như ông. Thước là một người rất hà-tiện, có thể nói là biển lận, đã bằng lòng hiến máu mình cho nhà triệu phú.

Sau khi ra khỏi nhà thương, nhà triệu phú nhớ ơn Thước và biếu ông sau nầy một ngân phiếu mười ngàn đồng. Ít lâu sau nhà triệu-phú lại băng huyết trở lại và Thước cũng bằng lòng hiến máu lần thứ hai. Lần nầy nhà triệu phú biếu ân-nhân năm ngàn đồng.

Nửa tháng sau, nhà triệu phú lại bị bệnh phát trở lại và cũng phải nhờ đến Thước cho máu. Nhưng lần nầy khi ra khỏi nhà thương, nhà triệu-phú chỉ viết mấy lời cám ơn Thước mà thôi.

Người ta hỏi tại sao lần nầy ông nhà giàu nọ không cho tiền người hiến máu ?

— Là vì máu của tên hà-tiện Thước đã sang qua nhà triệu phú nhiều quá.

thôi nhé anh !

★ SONG-HOÀI-NGUYÊN
(nhóm thơ 20 Gò-Công)

Thôi nhé anh ! Chuyện đời là thế đó
Đừng than van rồi thức trắng đêm dài
Vì anh yêu nhầm tình yêu chối bỏ
Thì đừng buồn, đừng trách, giận hờn ai.

Thôi nhé anh ! Tình mình còn vụng dại
Mà người ta nay đã lớn khôn rồi
Khóc làm chi chuyện tình người con gái
Cố quên rồi năm tháng sẽ pha phôi

Thôi nhé anh đường này ai nấy bước
Lưu làm chi, luyến nữa để mà chi ?
Đã biết rằng không yêu là từ khước
Rồi mang thêm chữ « nhớ » để làm gì ?

Thôi nhé anh ! Chuyện đời là thế đó
Đừng buồn đau trong kiếp sống lạc loài
Vì tình yêu mang tên đời chối bỏ
Thì đừng buồn, đừng trách, giận hờn ai.

★ Nguyễn-Vỹ

(tiếp theo P.T. 142)

ĐẾN Yên-Bai đã gần khuya, Tuấn và hai người bạn lặng-lẽ đi đến nhà một cô bạn gái, con một công-chức làm Tham-tá ở Phủ Thống-sứ Bắc-Kỳ, ở gần chợ. Đến đây, công việc đầu tiên của tụi trò Tuấn là nghe ngóng dư-luận... Mặc dầu nhà cầm-quyền giấu kín, dân-chúng tại tỉnh-lỵ Yên-Báy cũng đã thầm-thì với nhau rằng « *Những người Quốc Dân Đảng* » sẽ bị hành-hình lúc 6 giờ sáng hôm sau. Nhưng số người tử-tội thì không ai biết rõ. Kẻ bảo là 12 người, kẻ bảo 15 người. Có kẻ làm ra vẻ thông-thạo quả quyết chỉ có 9 người tòng phạm thôi, còn 2 người « chủ-mưu » là Nguyễn-Thái-Học và Ký-Con thì đã bị chém trong nhà Hỏa-Lò ở Hà-Nội ngay sau phiên tòa. Toàn là những lời đồn-đãi trái ngược. những tin-tức nhiều khi mâu-thuẫn mà ai loan truyền ra cũng đảm-bảo tin của mình là chính-thức và đúng hơn cả.

Đêm ấy, Tuấn và hai đứa bạn không ngủ được và không lúc nào thấy buồn ngủ. Ba cậu học sinh nằm trên bộ ván gõ trùm chung một chiếc chăn bông. Họ

nói thầm với nhau những điều ức-đoán theo những câu chuyện nghe lỏm và những lời đồn-đãi ngoài phố.

Yên-Báy đêm ấy có cảnh-tượng như một thành phố chết. Những ngọn đèn điện thưa-thớt và lờ-mờ đổ xuống đường những vũng ánh-sáng leo-lắt hoang-vu. Không một bóng người qua lại. Không có giới-nghiêm, không thiết quân-luật, nhưng dân chúng lặng lẽ ở nhà, không dám ra đường. Mới 8 giờ tối hầu hết các nhà, và các tiệm buôn đều đóng cửa kín mít. Năm ba nhà hàng lớn của Hoa-kiều cũng đề cửa hé-thôi.

Bốn giờ sáng, trời còn mù-mịt, thành phố Yên-Báy như tê-lạnh dưới một vòm sương dầy đặc, trắng lều bều...

Ba cậu học sinh khẽ mở cửa ra đi, cố tình đi sớm một giờ để xem tận mắt tất cả những gì xảy ra trước giờ hành-quyết, tất cả cảnh tượng bi-đát và oai-hùng mà Tuấn và hai người bạn sẽ được chứng kiến trong một tiếng đồng hồ. Không được lại gần chỗ chiếc máy chém đứng lù-lù, bí-mật, nghênh-ngang giữa khu đất trống. Tuấn dòm đăm-đăm cái vật ghê-tởm màu xám-xẫm phủ lên một lớp sương đêm làm tăng thêm màu láng bóng hãi-hùng ghê rợn.

Năm giờ hai-mươi phút, một toán «Lính Khố-xanh» do một viên Giám-binh Pháp dẫn đầu, và «Lính Khố-đỏ» dưới quyền chỉ-huy của một Trung-Uý Pháp lần lượt kéo đến, sắp hàng một, bao vây pháp-trường. Công-chúng hiếu-kỳ đến xem đông độ một trăm người, bị đuổi ra xa. Nhiều người chạy đi tìm chỗ đứng xem cho rõ. Tuấn và hai đứa bạn cũng bị lính đuổi đi, nhưng rồi cả ba cậu học-trò vẫn tìm được một chỗ tạm nấp trong bóng tối nhưng ở đây được trông thấy tường tận.

Sau này, có vài quyển sách và bài báo chép rằng chị Nguyễn-thị-Giang, người vợ đồng-chí của Nguyễn-thái-Học, có đứng trong đám đông người để nhìn thấy mặt của Đảng-trưởng một lần cuối cùng. Nhưng Tuấn quả-quyết rằng chị Giang không có đứng trong đám đông người buổi sáng tinh-sương mà nhà chí-sĩ trẻ tuổi vĩnh biệt cuộc đời để bước vào Lịch-sử. Người ta không thấy chị Giang đâu cả. Sự thực, chị đã cải trang thành một người đàn ông,

và đứng nấp bên một gốc cây chỉ 10 phút thôi, từ lúc chiếc xe sơn đen của nhà Lao Yên-Báy đưa anh Nguyễn-thái-Học ra pháp-trường cho đến lúc anh không còn nữa.

Nguyễn-thái-Học bước lên đoạn-đầu đài có hơi khác Nguyễn-thái-Học lúc hoạt-động cách mạng. Lần nầy đầu anh bị cạo trọc, đôi mắt anh sâu-hóm như hai cái hố thẳm. Má anh cóp, và người anh gầy đi nhiều. Anh không ngó ai cả, đăm-đăm bước rất mau lên bàn máy chém, hai tay bị trói còng ra sau lưng. Anh đứng trên bục sắt đen ngòm, la lên với một giọng run-run mà những kẻ tò-mò được chứng kiến đứng ngoài vòng lính, ít người được nghe rõ. Sương còn buông xuống nhiều, Tuấn cố lắng tai nghe được tiếng anh: «Việt-Nam vạn... vạn... tuế!» Hai tiếng «Việt-Nam» và tiếng «Tuế» sau cùng thì hét lớn lên, còn hai tiếng «vạn... vạn» rất nhỏ, chỉ nghe thoáng như hơi thở cuối cùng. Lưỡi dao sắc bén rơi mạnh xuống cổ anh, kêu một tiếng «Phập!». Đầu anh rơi xuống một cái thùng mạt cưa kê ở dưới bàn chém.

Chính trong phút đó, chị Nguyễn-thị-Giang dưới lớp áo đàn ông, chùm chiếc pardessus đen, biến đi đâu mất.

Tuấn và hai đứa bạn hình như bị nghẹn cổ, không thở được. Tuấn lấy khăn tay lau sương và nước mắt chảy ướt đẫm trên đôi má tái mét rồi nhắm mắt đứng yên, không nhúc-nhích, như một pho tượng, và không trông thấy gì nữa. Tuấn không thấy những người khác lần lượt chết sau anh Học. 6 giờ 20 phút, là xong. Tuấn và hai đứa bạn đi thật nhanh ra bến xe đò về Hà-Nội...

(Còn nữa)

✱ GIÁ RẺ

— Với một căn phố đủ tiện nghi như thế nầy, tôi cho mướn có 6 ngàn đồng một tháng, tiền vô cửa 50 ngàn, thiệt là giá rẻ lắm, thưa ông. Đó là một dịp may ít có cho...

— Cho chủ nhân, thưa bà, chớ chẳng phải cho kẻ mướn nhà đâu ạ.

TRUYỆN NGẮN

★ Tô-Nga

MÙA lạnh năm nay kéo dài lâu quá. Những chiếc áo ấm đủ màu, đủ kiểu lại được dịp khoe tươi trên hè phố, ngoài công-dụng giữ phần nào nhiệt-độ điều-hòa cho cơ thể, còn thâm ngụ một ý phô-bày sự giàu sang của người mặc nó. Vào buổi chiều cận Tết như buổi chiều nay, đứng một mình trên bao lơn, Vân càng thấm thía nỗi đơn độc trong cuộc sống. Cảnh ngựa xe qua lại không đuổi được cơn phiền muộn vì ánh sáng muôn màu chỉ làm tỏ rõ thêm dáng hình thương mến của một người... Hai bác nàng về quê từ sáng và hiệu buôn đã tạm đóng cửa. Chị Hồng, anh Thanh vừa sửa soạn đi chơi. Căn nhà rộng thênh thang bây giờ chỉ còn lại Vân và chị đàn bà giúp việc. Hai người, tuy sự liên hệ với gia đình này khác nhau, tuy nếp sống khác nhau mà vẫn cùng chung một số phận, một hoàn cảnh. Số phận không may của kẻ đem sức lao-động đổi lấy miếng cơm và hoàn cảnh đau buồn phải xa quê hương vì nhà cửa

còn đâu sau thời ly loạn! Nhưng dẫu sao, chị ấy vẫn còn có chồng con, có bà mẹ già làm niềm an ủi. Còn Vân? Một đứa con gái mồ côi từ lúc mười hai, được người bác họ xa đem về nuôi nấng. Lấy gia-đình bác làm gia-đình mình, Vân đã sống và đã quá quen thuộc không khí này. Tuổi đời cho Vân biết chẳng thể quấy rầy hai bác mãi tuy hai bác đối xử rất là tử tế. Người thiếu nữ mới lớn lên, sắc hương chưa tròn mộng đẹp, đã phải xem công việc phụ giúp bán hàng làm một cách thế để tỏ bày sự tri ân với hai kẻ dưỡng nuôi. Tuy chấp nhận kiếp sống hiện tại, Vân chẳng bao giờ quên được dĩ vãng êm đềm giờ chỉ còn trong ảo tưởng...

— Sao Vân đứng đây mãi vậy?

Vân giật mình quay lại, ngạc nhiên:

— À... anh Thanh! Vậy mà Vân cứ tưởng anh đi chơi rồi.

— Trời lạnh quá. Vân uống cà-phê chứ?

— Cảm ơn anh. Vân không quen.

Thanh đặt ly cà-phê lên lan-can. Chàng bẻ cao cổ áo, bâng quơ lập lại:

— Lạnh quá!

Vân mỉm cười:

— Vậy là anh thua Vân rồi đó. Anh xem, Vân có mặc áo ấm đâu?

Thanh nhìn Vân, nửa âu yếm, nửa như trách móc:

— Thua Vân thì anh thua hẳn rồi, nhưng Vân hãy coi chừng kẻo bệnh. À, Vân...

— Dạ?

Thanh xoay nhè nhẹ ly cà-phê, ngập ngừng:

— Ban ngày làm việc như vậy, Vân có mệt lắm không?

Ngó ra những ngọn me trước cửa, Vân hơi cúi đầu:

— Công ơn hai bác, suốt đời Vân chưa biết lấy chi đền đáp, huống hồ...

Thanh ngắt ngang:

— Không biết đây là lần thứ mấy, anh xin Vân câu nói đó

PHONG-PHÚ
Dùng NEUROTONIC Bổ óc
Tăng cường trí nhớ
575 BYT 20-11-65

Vân hay thắc mắc làm cả nhà đều ngại.

Lòng Vân tự nhiên cảm động. Nàng đan hai bàn tay vào nhau, dịu dàng :

— Vân xin lỗi anh...

— Vậy... Vân xem anh thề nào ? — Giọng Thanh trầm hẳn xuống.

Vân cảm thấy hối hộp lạ dù biết sớm muộn cũng có phút giây này và nàng đã tự dặn lòng hãy thản nhiên chờ đón. Cô giữ bình tĩnh, Vân nhẹ đáp :

— Anh rất tốt đối với Vân. Chị Hồng cũng vậy. Ba má Vân nếu biết đứa con côi cút của mình được thương mến như vầy có lẽ rất hài lòng...

Động mối thương tâm, tiếng Vân nghẹn lại. Nước mắt nàng ứa ra rồi lặng lẽ chảy dài xuống má. Không dằn lòng được, Thanh vụt nắm chặt lấy tay Vân. Chàng run rủn :

— Anh yêu Vân !

Thảng thốt, Vân rút nhanh tay lại khiến Thanh khẽ bàng hoàng. Chàng nhìn Vân như nhìn một hình ảnh xa xôi vừa mất. Ánh đèn đường soi mờ ảo một khuôn mặt thật u buồn. Vân nhẹ thở dài :

— Nhưng Vân chỉ thương anh như người anh ruột !

Thanh cắn môi, im lặng nhìn xuống đường. Một lát sau, chàng mới hỏi, giọng yếu ớt :

— Thế, Vân đã... đã yêu ai chưa ?

— Anh Giang !

— Anh Giang ?

Vân chưa kịp gật đầu, ly cà phê đã theo đà xúc động của Thanh rơi dưới nền gạch hoa vỡ tan từng mảnh vụn. Chất nước đen loang loáng. Những miếng thủy tinh trong và sắc. Hình như có ai đang tay vò nát trái tim Thanh.

— Anh xin lỗi...

Rồi quay nhanh vào nhà như trốn chạy. Vân thở dài. Sương đêm thấm lạnh. Nàng cũng thẫn thờ đi về phòng, nặng trĩu ưu-tư. Vân cố gắng quên để tìm giấc ngủ. Giấc ngủ không đến mà những ý-nghĩ cứ từ đâu lần-lượt ùa về...

Giang ơi ! Hiện giờ anh làm gì ? Miền cao nguyên đất đỏ với những hàng cao-su xa thẳm chắc đang ngập tràn rét mướt của núi rừng. Chỉ nghĩ đến bấy nhiêu, lòng em đã vô cùng đau đớn. Bao ngày hoa mộng cũ, anh còn nhớ không Giang ? Quê-hương chúng ta là một làng rất nhiều cửa.

Chiếc cầu tre bắc ngang con rạch nhỏ không làm trở - ngại chút nào sự thân thiết của mình mà trái lại. Em đã chẳng một lần té cầu suýt chết nếu không có anh thấy và la cầu cứu đó sao ?. Tưởng lại vẻ mặt tái xanh của anh hồi đó, em xúc cảm vô cùng. Duy có một chuyện hơi buồn là sao ba má vẫn cầm em thân với anh. Phải chăng vì nhà em giàu mà anh chỉ là con một gia-đình nghèo khổ ? Tuy vậy, em cũng lén chơi với anh luôn. Có lẽ vì tính anh hiền lành và hay chiều-chuộng. Anh còn nhớ không Giang ? Mỗi buổi học, anh đều phải đi trước và đứng đợi ở gốc mận gần bến đò để một lát sau em mới chạy đến. Anh xách cặp cho em rồi hai đứa hồn-nhiên vui-vẻ đến trường. Khi tới chiếc cầu khỉ bắc chênh vênh làm chóng mặt mỗi lúc nhìn xuống đáy sông vào mùa nước cạn, anh còn chịu khó nhọc vừa năn-nỉ vừa dẫn em qua. Tội-nghiệp anh quá, Giang ơi ! Em lại có tật thích câu cá nhưng ngồi cả buổi chẳng được con nào trong lúc tiếng cá nhảy trong lon anh càng lúc càng nghe vui tai lạ. Em thấy tức và đòi đổi cần với anh. «Tình-trạng »vẫn không hơn. Sao kỳ thế, anh Giang ? Vậy mà em luôn được dịp khoe với ba má rằng em câu giỏi khi anh mãi xách cái lon không về nhà!

Thế rồi, năm tháng trôi qua... Vào một buổi chiều mùa thu tám năm về trước, trong lúc chúng ta đang học ở trường thì khói lửa tràn lan... Bom đạn phá tan hoang nhà cửa ruộng vườn. Trong phút chốc từ một đứa con được nâng niu chiều chuộng, em biến thành một trẻ bơ vơ. Từ một cánh chim non bé nhỏ, em bị vứt ra đời qua tiếng hót đau buồn. Chiến tranh đã phủ lên cánh chim một lượt hai vành khăn trắng. Mất mẹ cha, em mất luôn tình bạn với anh vì người bác họ đã đem em lên đây dạy dỗ. Đó là công ơn tái tạo mà em chỉ biết lấy công việc hôm nay đền đáp phần nào.

Ngày lên đô-thành, tuy còn nhỏ tuổi, em cũng luyến-lưu quê cha đất tổ, nước mắt thấm cả tay áo trái. Anh đứng yên nhìn người em nhỏ lên đường mà mắt buồn thăm thẳm. Hình ảnh người anh với chiếc quần cụt đen mộc-mạc, cánh áo thung trắng ngã màu vàng đã cùng với chuyến xe vượt hàng trăm cây số lên đây và in sâu đến tận bây giờ. Nếp sống hiện tại tuy có rộn-ràng hơn hồi trước, đứa con gái mồ côi đã trở thành cô thiếu nữ mỹ-miều, nhưng thâm tâm em, anh vẫn mãi là một kỷ-niệm không đời nào quên được.

Những tưởng dòng đời xuôi chảy mãi, nhớ tới anh chỉ là nhớ lại những hình ảnh mền thương xa cũ đã qua rồi... Ai ngờ... chúng ta còn gặp lại nhau. Thoạt trông anh mới bước vào nhà, em phải sững-sờ nhìn anh không chớp trong khi tiềm thức nổi lên bao buồn vui lẫn lộn. Ta đang mơ hay tỉnh ? Anh nhìn em một lát rồi cười nhỏ nhẹ :

— Vân còn nhớ tôi không ?

Giang ơi ! Tuy tám năm cách biệt đã biến Anh thành người lớn hẳn hòi, nhưng làm sao em quên được ? Em tiếc chẳng còn nhỏ để chạy lại nắm tay anh đó thôi. Vì em chợt nhận ra sự xúc-động này không chỉ thuần tình cách vô tư. Nếu ngày xưa sự giàu nghèo làm anh đôi lúc tủi thân thì bây giờ cảnh ngộ của em đã thắt chặt thêm mối thâm tình sẵn có. Em là người con gái thiếu tình thương chân thật. Anh vẫn là một chàng trai nghèo rời bỏ làng mạc để mưu sinh. Gặp nơi đây, kể chuyện nhau nghe một buổi rồi anh lại tiếp tục lên đường. Dù chưa hề nói, nhưng trong tâm tưởng, hai ta đã cùng nhau ngầm chung một lời ước hẹn.

Em không thể nào yên giấc được sau ngày cùng chị Hồng lên Xuân Lộc thăm anh. Nhìn mặt anh nửa mừng nửa ngại, em thương xót vô ngần. Anh bối rối mời chị Hồng vào quán uống nước. Ly nước chưa vơi, hàn huyên chưa cạn, anh đã hấp tấp xin lỗi ra đi. Một xe cây đang chờ anh lái về sở. Gương mặt lầm lì dễ ghét của chú « cặp rằn ». Chị Hồng nhẹ lắc đầu. Quen sống trong đưa đón, hẳn chị không ngờ có thể xảy ra sự thật phũ phàng như vậy. Mắt đỏ hoe, em nhìn theo vai áo bạc màu của anh mà lòng quặn thắt.

Một chiếc xe du-lịch bóng lộn chạy qua, bỏ lại sau dư-âm những tiếng cười dòn dã. Hai bộ mặt trái ngược của cuộc sống hiện ra cùng lúc khiến em mênh mang buồn tủi. Không phải buồn tủi vì so sánh để thấy anh nghèo khổ. Thật ra, em chỉ hận vì cảnh nghèo đã cướp mất hạnh phúc này nhiều quá. Một cái nắm tay nhè-nhẹ cũng chưa có hoàn cảnh thực hiện. Đừng nói chi là những chiếc hôn, những lời ân ái. Ngày xuân, đáng lẽ gợi cho kẻ yêu nhau nhiều cuộc hẹn-hò thì trái lại, càng khiến hai ta cảm thấy ngàn trùng xa cách. Bởi vậy khi nghe ai lý luận tiền bạc không đem lại hạnh phúc, em bật cười buồn. Cũng có thể đúng như trường hợp của anh Thanh Học-thức, giàu sang chỉ chiếm sự cảm mến của một cô gái nghèo chứ chưa thể nắm được trái tim em. Song em tin Thanh buồn chẳng bao lâu vì xã-hội của chàng vốn là một xã-hội đầy bạc tiền và bóng sắc.

PHONG-PHÚ
Dùng NEUROTONIC Bổ óc Tăng cường trí nhớ
575 BYT ZO-11-65

Anh Giang của em! Anh chớ lo ngại vì thấy em đôi lúc tươi cười, dễ dãi với khách hàng. Nghề-nghiệp bắt buộc thôi anh à. Có hạng đàn ông đi mua hàng cốt để nhìn kẻ bán hàng. Và kẻ bán hàng nếu phải trao cho họ nụ cười thì chỉ là những nụ cười vô nghĩa.

Anh cũng đừng mặc-cảm mình yếu kém. Một tình yêu. Một ý chí. Hai đôi tay mạnh khỏe. Bấy nhiêu đó chưa đủ điều kiện tạo mái gia-đình êm-ấm ngày mai sao?

Khoảng đời đau thương rồi sẽ qua và chúng ta hy-vọng tiếp-tục lại những ngày vui bỏ dở. Anh hãy tin-tưởng mà làm việc. Hạnh-phúc chúng ta chắc cần phải phấn đấu nhiều.

Thôi, đêm đã khuya quá rồi em ngủ đây, anh Giang nhé. Chúc anh yên giấc và cầu xin mỗi hình ảnh hai ta sẽ luôn rực-rỡ đi vào trong giấc mộng của nhau để suốt đời chúng mình vẫn còn yêu nhau mãi-mãi...

★ ●

★ LÒNG TỐT

Một văn sĩ thất nghiệp, hết tiền, đến một bạn đồng nghiệp tạm vay đỡ vài chục xài đỡ...

Ngươi bạn vẫn còn trùm mền nằm ngủ. Vừa lay lay bạn vừa kêu:

— Ê, mầy ơi! mầy cho tao vay vài chục xài đỡ, về cho má thằng Tèo nó mua vài lon gạo, đi chợ, vài bữa tao có, tao trả lại cho.

— Được, được... mầy kéo trong ngăn tủ đó, lấy cái bóp, cần mấy chục mầy cứ lấy đi, tự tiện mà bạn...

— Mầy thật là một thằng bạn tốt, bao giờ cũng thương, giúp anh em cả...

Mà không có cái bốp mầy...

— Thì kéo từng dưới, tao buồn ngủ quá, dậy không nổi.

— Không có

— Ngăn kế đó...

— Cũng không...

Thì tất cả ngăn kia, hay trong túi quần, túi áo tao coi...

— Cũng không thấy.

— Lạ không? Hay là bốp bị ai đánh cắp rồi. Thôi chịu phiền đợi chiều tao chạy kiếm được cái bốp, sẽ ghé nhà cho mượn.

linh hồn

★ TRẦN-TUẤN-KIỆT
(trong Tao-đàn Bạch-Nga)

biển ơi đừng vỗ nữa
tiếng lòng ta thì thầm
sao ơi đừng sáng nữa
bước ta sầu nghìn năm

bài kim hoa

★ DU-TỬ-LÊ

tóc em chảy suốt phố dài
hương giang thân thể mất ngài NGỰ xa
em nghiêng hồn nặng trăng hoa
dấu son du mục âm ba đáy hồn
cho anh hơi thở thật buồn
cho anh tiếng hát trên cồn đi âm

FREUD

(Tiếp theo P.T. số 142)

★ Thái-Dương

MỘT đặc tính đáng chú ý nhất, đặc tính của kẻ tự cho mình là một nhân vật « phi thường ». Có những trường hợp nhà bác sĩ phân tâm học yêu cầu họ hy sinh một chút thỏa mãn, hoặc chịu khó đau đớn tí xíu để chữa cho bệnh được chóng hết. Họ đã từ chối không chịu nghe theo viện cớ rằng họ là những kẻ phi thường, không phải như những người khác. Họ bảo rằng quá khứ họ đã khổ rồi nên ngày nay họ có quyền từ chối không muốn hành hạ thân xác họ bắt phải chịu đau khổ nữa. Những kẻ ấy thường muốn được tận hưởng những ưu thế, ăn trên ngồi trước kẻ khác vì họ là nhân vật phi thường. Nhưng phần đông họ đều không tìm thấy cái kết quả mà họ chờ đợi mong muốn.

Nhà tâm phân học đặt họ vào hàng ngũ những người bệnh, thuở bé đã phải chịu những sự bất công. Bệnh cuồng loạn của họ có liên quan với một biến cố hoặc một chuyện khổ tâm nào cũng ở vào loại ấy. Những ưu thế họ cố đòi hỏi cũng như sự không tuân kỷ luật đều càng giúp cho bệnh phát triển thêm mà thôi.

Thí dụ có một nữ bệnh nhân đã kiên nhẫn chịu đựng một

chứng bệnh trong cơ thể vì bà ta ngỡ rằng tình cờ bị mắc phải. Khi bà ấy dò biết rằng đó là một chứng bệnh có từ thuở sơ sinh, từ đấy bà đâm ra tức bực với cái phần gia tài quái ác mà bố me đã dành cho mình đó.

Một cậu trai, nạn nhân của một bệnh lở lói do bà vú nuôi truyền cho, cậu ấy không ngờ biết nên suốt cuộc sống cứ đòi hỏi đời phải đền cho mình cái chỗ thiệt thòi mà định mệnh đã bắt mình phải chịu đựng ấy.

Trong văn chương Freud đã tìm ra một nhân vật điển hình mà nhà đại thi hào Shakespeare đã cấu tạo lên. Đó là Richard III. Freud bàn luận về cái đoạn độc thoại mở đầu cho vở kịch : « Tạo hóa đã bất công, từ chối không cho tôi một hình thể xinh đẹp để được loài người yêu chiều. Thế thì đời phải đền lại cho tôi mà tôi sẽ tự ban thưởng lấy. Tôi có quyền là một nhân vật phi thường vượt lên trên sự e dè của con người. Tôi có thể làm những việc bất công vì đã có những sự bất công đến với tôi ».

Như thế thì chúng ta có thể cũng trở nên giống Richard vì sự thật trong mỗi người chúng ta đều đã có sẵn chút ít mầm mống ấy. Richard là một bức ảnh phóng đại của chúng ta ở bên cạnh là những tấm ảnh bé. Chúng ta cũng đã có lần oán trách định mệnh và tạo hóa đã bắt chúng ta chịu đựng những sự bất công từ thuở sơ sinh. Và chúng ta cũng đòi hỏi những gì đền bù lại.

Freud còn đặt câu hỏi có phải người đàn bà vẫn tự thấy mình có quyền tận hưởng những ưu thế và tránh khỏi nhiều bổn phận ở đời là vì họ tự thấy họ đã bị một sự thiệt thòi lớn từ tấm bé, nào họ có lỗi lầm gì... mà trời bắt làm đàn bà... điểm này chúng ta sẽ bàn thêm sau.

Freud lại còn đặt một câu hỏi nữa mà ông không giải quyết cũng không giảng rõ. « Tôi chẳng muốn luận thuyết về chỗ giống nhau ở giữa hai phần, một phần là sự cấu tạo đặc tính sau những năm tháng bệnh hoạn từ thuở bé thơ và một phần nữa là lối xử thế của cả một dân tộc đã mang một quá khứ nặng niềm đau khổ ».

★

Một trường hợp nữa đáng chú ý là những kẻ thất bại trước mọi ưu thắng. Lệ thường thì sự túng quẫn, sự thiếu niềm thỏa mãn trong thực tế, tuy không phải là

một lý do độc nhất mà là một lý do thứ nhất đưa đến bệnh cuồng loạn. Vì thế các bác sĩ vẫn ngạc nhiên, lạc hướng, khi nhận thấy rằng: « Có người bị mắc bệnh vì mối khao khát thèm muốn ăn rễ ở trong lòng mình, sắp đạt đến kết quả, thế mà bỗng người ấy nổi bệnh, hình như không chịu nổi sự sung sướng quá sức đó. Thí dụ một cô gái yêu một cậu trai từ lâu, ngờ rằng chỉ là vô vọng thế mà bỗng nghe cậu trai ngỏ ý muốn cưới mình. Cô gái sung sướng quá trở nên cuồng loạn, như thế chúng ta mới thấy rằng mối tương giao giữa sự ưu thắng và bệnh hoạn là sự không thể ngờ vực được nữa.

Thí dụ một giáo sư đại học mơ mãi trong bao nhiêu năm được kế vị ông thầy đã hướng dẫn mình trên bước đường khoa học. Khi ông thầy về hưu trí, vị giáo sư được chọn làm người thay thế. Nhưng vị giáo sư đã tuyên bố là mình không xứng đáng với chức vị đó rồi đâm ra buồn rầu đến phải ngừng giảng dạy trong một thời gian dài.

Làm sao cắt nghĩa những sự kiện ấy ? Cần phải giải thích rõ rệt sự thiếu thốn bên trong và sự thiếu thốn bên ngoài. Bình thường ta vẫn thấy sự thiếu thốn bên ngoài lôi cuốn và gây ra sự thiếu thốn bên trong. Ở những trường hợp đặc biệt mà con người nổi bệnh trước sự ưu thắng thì chỉ có sự thiếu thốn bên trong tức là mặt tinh thần đã nổi dậy mà thôi. Có khi được rồi mới điên.

Lắm lúc cái tôi đã dung túng cho một sự thèm khát, loại mộng mị xa hẳn với thực tế, tức là không quan trọng, không có gì đáng lo sợ. Nhưng cũng cái tôi ấy đã cố sức giữ gìn khi mà sự thèm muốn có thể thực hiện được. Ở đây chúng ta nên bảo rằng có những sức lực xuất hiện từ trong ý thức luân lý đã ngăn cấm con người không được tìm đến sự thành công mà từ lâu con người hằng ước mơ. Khuynh ý xử đoán và hình phạt hiện lên làm cho chúng ta phải ngạc nhiên vì không hề chờ đợi.

Chúng ta tìm thấy những hiện trạng nầy ở trong nhà đại thi hào Shakespeare, người đã hiểu rất rõ những sự sâu sắc về mặt tâm hồn của nhân loại. Một thí dụ «Bà Macbeth đã ngất đi sau khi đạt tới mục đích, cái mục đích mà bà cố tâm quyết chí đi đến. Bà không hề ngần ngại do dự trước khi hành động, không có một dấu hiệu nào tỏ sự tranh đấu ở nội tâm. Nhưng

sau đấy, khi biến cố xảy đến, cái đặc tính, tưởng như hun đúc bằng thứ kim khí cứng rắn nhất đã tan ra thành khói. Có phải là một sự giác ngộ, tỉnh mộng, hay vì bà Macbeth cũng chỉ là một tâm hồn yếu đuối như tất cả những người đàn bà khác mà thôi. Đó chỉ là một sự cố gắng nhất thời, không thể kéo dài ra hơn nữa, sau khi hành động đã kết liễu. « Bà Macbeth sau khi xúi xiểm chồng giết Duncan đệ nhất rồi, thấy chồng yếu đuối bà đã lẻn vào tìm thi hài người chết nhúng hai bàn tay mình vào máu và sang bôi lên mặt của hai người cận thần để cố ý đổ tội cho hai người ấy. Chồng bà còn giết luôn cả ông bạn Banquo nhưng bị sự hối hận dày vò, hối hận đã trở nên truyền nhiễm, bà Macbeth cũng bị dày vò như chồng, trong giấc mơ mà hai tay cũng cứ xoa vào nhau tưởng như còn vấy máu. Bà đã tự tử vì quá hối hận, chồng bà cũng bị con trai của Duncan giết chết ». Cốt chuyện đại khái là thế, chúng ta cần phải tìm hiểu những gì đã gây lên sự gục ngã đó sau khi đã thực hiện xong cái mộng giết vua để chiếm ngôi vua của Macbeth và vợ. Hình như chỉ có sự hối hận mới thắng nổi tấm lòng gỗ đá của những kẻ không hề biết hối hận mà thôi.

Freud lại còn phân tách rất kỹ càng một trường hợp nữa đó là hoàn cảnh Rébecca Gamvik ở trong tác phẩm Rosmersholm của Ibsen: « Sau khi đã xúi dục cho bà vợ của mục sư Rosmer phải tự tử rồi nàng Rébecca mừng rỡ khi nghe tin ông mục sư ngỏ ý muốn hỏi mình làm vợ, nhưng rồi nàng lại tuyên bố rằng không thể được vì bị cái quá khứ của mình làm chướng ngại vật. Thuở xưa nàng đã là nhân tình của người bố nuôi, mà cũng hình như là bố ruột, đấy lại một mối phức tạp œdipe được phơi bày. Ở Rosmersholm nàng lại cũng tạo nên một hoàn cảnh tương tự, dẹp chỗ của người vợ và mẹ để chiếm địa vị bên cạnh người đàn ông và cha đó. Nhưng vì cái khung cảnh luân lý đạo đức của Rosmersholm mà nàng không muốn hưởng thụ cái kết quả của tội lỗi mình đã tạo ra tức là làm vợ của vị mục sư Rosmers.

Cái kết thúc ấy cho ta nhận thức rõ qua sự dẫn chứng của phép tâm phân. Những sự tìm tòi về tâm phân vạch lên rõ ràng sức mạnh của ý thức luân lý, con người có thể trở nên bệnh hoạn trước sự

ưu thắng, chứ không phải chỉ đau ốm như thường lệ vì bệnh hoạn vì thiếu thốn. Sự bệnh hoạn của Rebecca lại còn liên lạc cả với mối phức tạp Oedipe, quan hệ đến cha và mẹ. Cũng có thể đó là trường hợp thông thường trong những tội lỗi của con người chăng ?

✱

Có những kẻ trở nên tội lỗi sát nhân chỉ vì cứ phải sống trong những ý nghĩ tiên hữu về tội lỗi. Lắm người rất đạo mạo đáng kính đã đến kề lể với nhà bác sĩ tâm phân về cái quá khứ của họ, nhất là thuở trẻ trước khi đến tuổi vị thành niên. Họ đã thú nhận đã làm những sự bất chính, phạm pháp như lừa dối, ăn cắp, đốt nhà v.v... Có người đã lớn cũng mắc vào những thứ tội lỗi ấy ngay cả lúc đến nhà bác sĩ, họ ăn cắp vì sự ăn cắp hay dối trá là một sự cấm. Họ làm cho thỏa mãn tâm linh. Nếu không ăn cắp hay lừa đảo được thì họ khổ sở, và khi làm xong họ mới bớt bực bội.

Ở đây ý nghĩ tội lỗi không phải là sự chém giết nhưng nó có thể thúc đẩy đến về sau nầy. Vì cái phức tạp Oedipe. Phản ứng của hai ý định tội lỗi lớn, một là giết cha để sống với mẹ, hai là có những sự giao hợp với mẹ. Sau khi hành động xong, tội nhân tuy bị hành phạt mà cảm thấy người được nhẹ nhõm hơn. Cũng như những đứa trẻ cứ thích làm xằng bậy cho bao giờ bị đánh đập mới chịu ngồi yên.

Trong lúc tìm tòi nghiên cứu quá khứ chúng ta hay tìm được những ý nghĩ sợ tội lỗi đã thúc đẩy con người đến chỗ bị trừng phạt.

Chúng ta có thể đặt một câu hỏi có phải những lý do tội lỗi ấy đã đến với con người, những con người gian ác và do điểm nầy chúng ta đã tìm được một chút ánh sáng trong tâm lý của những kẻ sát nhân chăng ?

✱ ●

Hồi ký của NGUYỄN-VỸ ★ Hồi ký của NGUYỄN-VỸ

(tiếp theo P.T. 142)

BÂY giờ xin phác-họa vị-trí của Trại An-Trí Trà khê, lúc bấy giờ quen gọi theo tiếng Pháp là « *Camp de Concentration des Travailleurs Spéciaux* ». Đáng lẽ phải dịch đúng tiếng Việt là « Trại Tập-trung những Lao-công đặc-biệt », danh-từ « Lao-công đặc-biệt » dùng để tránh chữ « Tù-nhơn », có ngụ-ý là bọn tù dùng làm các việc lao-động đặc biệt. Không biết ai dịch ra là « Trại An-trí », thành danh-từ chính thức, nghe tưởng đâu là chỗ nghỉ mát của công-chức chính-phủ !

Trại Tập-trung Trà-khê ở trên một ngọn đồi bằng phẳng, cao-ráo, bao-bọc chung quanh bởi những rừng rậm núi cao, thường thường có nhiều cọp.

Cách trại 50 thước về phía Đông là Đồn-lính, nơi viên Đồn-trưởng Bazia ở, và trại lính Raddhés. Cách 100 thước về phía Tây, là nghĩa địa T.S. nằm dưới một thung-lũng thấp, nơi đây chôn những T.S. vô phước bị chết ở Trà-Khê. Hôm tôi đến, ở đó đã có 3 nấm mộ, hai anh chết vì bệnh ho-lao, một anh đã treo cổ tự-tử trong đêm khuya cũng vì bệnh lao thâm-niên. Sau nầy, có một anh chết vì bệnh scorbut, đái ra máu.

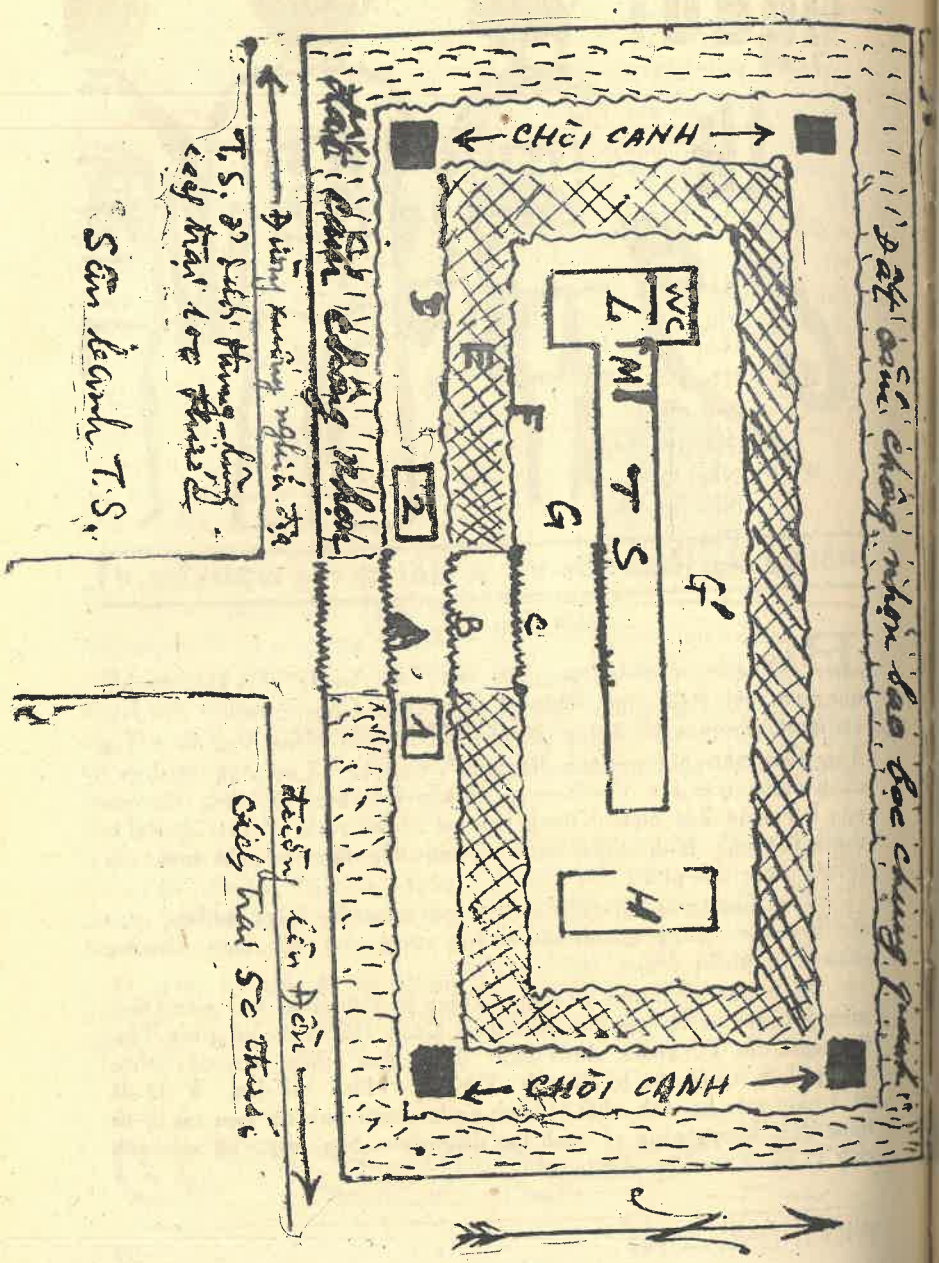

◀ *BẢN ĐỒ CỦA « TRẠI AN-TRÍ » TRÀ-KHÊ*
ở trên một ngọn đồi bằng phẳng,
chung quanh là rừng rậm núi cao...

1 : Trại lính gác, luôn luôn thường trực nơi đây 5 người lính và 1 người cai, tất cả đều là người Raddhés. Không có lính Việt.
2 : Kho lương-thực của T.S.
A.B.C. : 3 cửa lớn khóa cả ngày bằng ổ khóa bự
D : Rào giây kẽm gai vòng ngoài
E : Hố sâu 2 thước, rộng 2 thước cắm chông thật nhọn và mẻ chai ở đáy hố.
F : Rào giây kẽm gai vòng trong
G : Sân trước. G' : sân sau.
T.S. : Xà-lim nhốt tù (150 T.S.)
L : Nhốt riêng mấy người bị bệnh lao phổi
H : Nhà bếp và nhà ăn
M : Phòng đọc sách
WC : Cầu tiêu.

Cách xa trại và đồn Trà-Khê độ một cây số có một làng Việt-nam, tên là Tân-Hội. Tôi ngạc nhiên thấy tên làng nầy trùng với tên làng sinh-quán của tôi lúc tôi còn nhỏ. Làng *Tân Hội* (新會) của tôi ở Huyện Đức-Phổ, tỉnh Quảng Ngãi. Sau vụ bạo-động Cộng-sản Quảng-Ngãi năm 1932 khởi phát tại làng tôi, do người anh con ông bác ruột của tôi là Nguyễn-Nghiêm cầm đầu, làng Tân-Hội bị chánh quyền Bảo hộ Pháp đổi ra *Tân Phong* (新豐). Tháng 8 năm 1945, Việt-Minh nổi dậy nắm chánh quyền, thì làng tôi lại bị đổi tên một lần nữa thành ra *Phổ-Phong*, và Huyện Đức-Phổ thành ra Huyện Nguyễn-Nghiêm.

Nhưng tôi vẫn thích tên làng *Tân-Hội* có từ thuở xa xưa, cái tên quen thuộc và yêu-dấu của tôi từ lúc tôi còn để chỏm tóc trên đầu. Cho nên tôi rất thích-thú khi biết làng sở-tại nơi tôi bị tập-trung ở trại giam Trà-Khê, lại ngẫu-nhiên trùng tên với làng tôi là *Tân Hội!* Tôi cho đó là một tiền-định lý-thú vậy.

Xa xa hơn nữa, cách chừng 20 cây số, có hai làng Việt-Nam khác là *Tân-An* và *Tân-Lương*. Tội nghiệp cho 3 làng Việt-

Nam nầy ở lẻ-tẻ nơi miền rừng núi Phú-Yên, bị bắt buộc phải thay phiên cung-cấp các vật-thực cho T.S. Trà-Khê, nhất là bò để làm thịt mà mỗi làng phải bán cho T.S. Trà-Khê mỗi tháng 6 con, theo thời giá từ 25 đồng đến 45 đồng một con. (phải bán bò nghé, vì anh em T.S. từ chối tiếp nhận những con bò già, hoặc bò ốm yếu bệnh hoạn không ăn thịt được).

Nói là một làng ở quanh trại Trà-Khê, như làng Tân-Hội, nhưng về thực-tế hành chánh thì làng ấy chỉ có độ mười nóc nhà tranh ở rải-rác cách nhau hàng một cây số trong các rừng núi mênh mông, thuộc về địa phận Huyện Củng-Sơn, tỉnh Phú-Yên.

Cách trại Tập trung Trà-Khê chừng 100 thước có một Nhà thờ Thiên-chúa giáo do một Linh-mục Việt-nam điều khiển. Ông nầy đã đứng tuổi và có rất nhiều cảm tình với anh em T.S. mặc dầu chúng tôi không có ai theo đạo Thiên-chúa. Thỉnh thoảng anh em chúng tôi có nhờ Cha mua giùm cho một vài vật dụng bị cấm trong tù, và Cha cũng sẵn sàng giúp đỡ lén lút anh em T.S. do tôi làm trung gian. Cha cũng giao thiệp khá thân-thiện với vợ chồng viên đồn trưởng Bazia là những tín đồ rất sùng đạo.

Cô Cai Vân-thị-Kim-Yến chủ tiệm tạp-hóa duy nhất ở cách Đồn và trại chừng 50 thước, nhà thầu độc quyền cung cấp vật-dụng và lương thực cho T.S. và cho dân làng Tân-Hội, là người theo Phật giáo, nhưng sau ba năm ăn ở với ông Đồn Bazia thành cô tình nhơn chính thức, Cô bị ông Đồn ép buộc theo đạo Thiên-Chúa, và Noël 1944 ông bà Bazia làm cha mẹ đỡ đầu cho cô chịu phép Rửa tội, nhận tên thánh là Marie Kim-Yến. Để tỏ cho anh em T.S. thấy rằng cô không bằng lòng theo Đạo Thiên Chúa, đêm Noël 1944 sau khi đã chịu lễ Baptême buổi sáng, cô ngồi ẩn núp ở hàng ghế cuối cùng trong nhà thờ, thay vì ngồi hàng ghế danh dự ở giữa đầu mà Cha đã để dành sẵn cho hai vợ chồng Bazia và Cô. Ngày Tết cô vẫn lễ Phật, cúng Ông Bà, và hôm Trung Nguyên, Rằm tháng Bảy, cô làm lễ cúng cô-hồn rất lớn và dài tất cả lính và vợ lính Radhés. Giãy nhà sàn của gia-đình binh-sĩ Raddhés, — vợ chồng Đội-nhứt Y Blil cũng ở đấy, — dựng nơi ven rừng ở phía Đông, cách trại T.S. độ 100 thước.

Bây giờ tôi xin trở về bản-đồ của «Trại Tập-trung» Trà-khê, như

tôi đã vẽ ra ở trang đầu. Trại dựng giữa một khu đất hình chữ nhật bề dài trên 40 mét, bề ngang 20 mét. Chung quanh trại có một hàng rào gỗ vọt nhọn trồng sát nhau kín-mít, rồi đến một khu đất rộng chừng 2 mét cắm chông tre lồ-ô cũng vót rất nhọn. Đến một hàng rào kẽm gai thật chắc bọc vòng ngoài, dựng trên bờ một cái hố rộng 2 mét, sâu 2 mét, cũng cắm chông lồ-ô thật nhọn và mé chai thật sắc bén ở nơi đáy hố. Đến một hàng rào kẽm gai vòng trong, làm giới-hạn cho sân tù. Sau cùng là sân tù, sân trước bề ngang độ 5 mét, sân sau cũng rộng 5 mét.

Rồi đến trại giam. Từ ngoài vô Trại giam phải đi qua 3 lớp cửa gỗ lớn đóng kín lại bằng những ổ khóa sắt to-tướng và một giây xích sắt nặng-nề. Mỗi lần cửa mở cho Tù T.S. ra vô, thì có một tiếng kêu kẹt-kẹt và tiếng giây xích sắt kêu rồn-rảng nghe ớn lạnh. Vách trại tô bằng đất quét vôi, có trổ nhiều cửa sổ bọc lưới kẽm gai, chằng-chịt không thể thò một bàn tay ra được.

(còn tiếp)

Các bạn xem mỗi ngày trong nhật báo

★ XÃ THUYẾT CHÍNH TRỊ. *của N.V*
★ **THẠCH-BÍCH-SƠN**, *truyện bằng tranh của NGUYỄN-VỸ*
★ NHẬT KÝ *của DIỆU-HUYỀN*

Chủ nhiệm, Chủ bút: NGUYỄN-VỸ

HỌA THƠ

XUÂN NHẬT SẦU NGÂM

của NGUYỄN-VỸ

TRONG số Tất-Niên có bài thơ « *Xuân Nhật Sầu Ngâm* » mà tác giả thân ái mời các bạn làng Thơ bốn phương « họa chơi... cho đỡ buồn ». Tòa soạn đã nhận được rất nhiều bài họa, chúng tôi xin lựa những bài xuất sắc nhất, đăng lần lượt trong mục nầy.

1

Ất Tỵ chào xuân gượng với đời
Lửa binh còn rộn khắp đôi nơi
Chạy cơm kẻ chợ mồ-hôi đổ,
Lo sống dân làng máu lệ rơi.
Xôi oản tranh giành ngao ngán tệ,
Thịt da xào-xáo thảm thương ôi !
Mỗi Xuân mỗi đợi thanh bình lại,
Rồng Rắn lộn Mèo mãi thế ? Thôi ! !

★ **TRƯƠNG-TỬ-LANG**
(Thừa Phát Lại. — Saigon)

2

Xuân đến vương mang mối hận đời !
Tấc lòng chua xót gởi đôi nơi.
Bắc Nam mấy nhịp cầu chưa nối,
Chinh-chiến bao năm lệ mãi rơi.
Đủ chuyện não-nùng, trông chán nhỉ,
Lắm trò trâng-tráo, nghĩ than ôi !
Đổi thay buổi chợ bao người ấy.
Danh lợi một phường cũng thế thôi !

★ **HẢI - LINH**
(Nha-Trang)

3

Tết đến như vầy thật khác đời,
Xuống đường tranh đấu một vài nơi
Non sông u uất thời tao loạn
Đất nước khuynh nguy huyết lệ rơi
Ba tháng chẳng liền nhiều hiểm họa
Trọn năm dầy khổ lắm ai ôi !
Giáp Thìn bão lụt đang hàn gắn
Ất Tỵ sang đây lại thế thôi !

★ **LÝ TỶ**
(189/531 Trần-nhân-Tôn, Cholon)

4

Tết đến mà chi giữa cái đời
Nhiễu nhương, tang tóc diễn nơi nơi ?
Thiên tai tàn phá, người người đói,
Ma quỷ tung hoành, máu máu rơi.
Non nước điêu linh đau xót quá
Dân tình thống khổ ngậm ngùi ôi !
Biết bao giờ nhỉ xuân tươi sáng ?
Nếu mãi thế này chết hết thôi !

★ **SONG THANH**
(nhóm Hoài Vọng — Phan-Rí)

5

Đau thương chồng chất trút lên đời
Tết nhứt trêu người lại đến nơi
Hương sắc không phai mùi máu chảy
Tình Xuân khó cản lệ sầu rơi
Vũ, ca thành-thị, « mê hồn » nhỉ ?
Tai, ách thôn quê, « khốn kiếp » ôi !
Năm mới về đây may đổi mới
Hay là cũng vẫn thế này thôi ?

★ **KHÊ GIANG**
(Qui-Nhơn)

★ Nguyễn-văn-Cổn
(Paris)

ĐÊM ĐẦU NĂM

BẠN thân mến,
« Bức Thư Paris » này khi đến tay bạn, thì năm Ất-Tỵ đã già non một tháng và số Phổ Thông đầu năm sẽ đem lại các bạn lời chào mừng ấm-cúng của nắng Tân Xuân.

Một năm nữa — tôi mong như thế — chúng ta tay cầm tay, ý liền ý sẽ cùng nhau gắng bước trên đường văn-nghệ.

Dù ở Đông hay ở Tây, dù sống tại quốc nội hay hải ngoại, chúng ta lúc nào cũng là con dân của một Mẹ, của Tổ-quốc Việt-Nam.

Bạn đã hỏi (theo những thư tôi nhận được) mấy ngày Tết tôi ở Paris làm gì? Kiều bào ăn Tết ra thế nào?

Lẽ tự nhiên năm nào các giới kiều bào ở bên này, tùy theo khuynh hướng, đều có tổ chức các buổi dạ hội Tết. Các sinh-viên và các nghệ-sĩ nhà nghề đều có dịp cho nghe những bài hát cảm xúc, những bản đàn gây nhớ.

Ngày mùng một, mùng hai, họ tụ năm, tụ bầy, cạn chén xuân ở các tiệm cà-phê, (nhiều nhứt ở xóm La-tinh) hay họp nhau « ăn » Tết ở nhà một bạn nào, với những món quà Tết do mỗi gia đình gửi qua.

Trả lời như vậy, chắc các bạn chưa hài lòng, vì câu hỏi: « Anh ăn Tết thế nào? » vẫn chưa được trả lời!

Trước hết xin nói thật là tôi nằm nhà, trừ một hôm uống trà Tết ở nhà một người bạn.

Mấy năm trước, khi gia-đình anh bạn Nguyễn-H-H... còn ở bên này, thì ngày Mùng hai tôi thường lại ăn Tết ở đường anh ấy.

Anh bạn nầy rất tốt, giầu có mà không kiêu hãnh, an-nhàn mà không ngại nhọc, và đối với các bạn rất niềm nở. Bữa cơm Tết ở nhà anh chẳng thiếu thức gì, và nhắc lại những bửa cơm Tết ở Hanoi, hay ở Saigon, chỉ thiếu có một vài cành thủy-tiên,

Chúng tôi, tức là những bạn thân, ăn uống trò chuyện vui vẻ, có khi anh vận cho nghe vài câu sa mạc. Rồi hết chuyện này đến chuyện khác, chúng tôi thức đến hai ba giờ khuya.

Có vài gia đình cũng cho trẻ con tới họp vui. Nghe chúng nó líu lo nói tiếng Việt-Nam pha lẫn tiếng Pháp rất ngộ-nghĩnh. Tôi còn nhớ một cháu bé 3 tuổi, giống hệt như con poupée Nhật bản, lại thêm nó nói rất tức cười trông bộ « chó » ghê, nên ai ai cũng thích. Nhưng muốn được nó « thơm », phải có kẹo, thành thử món kẹo hôm ấy « đắt hàng » lắm, nhưng chỉ sợ tối nó về đau bụng! Nay gia đình anh H... đã trở về quê hương, nên tôi như thiếu một nơi họp mặt thân mến Thế là ba ngày Tết, tôi nằm ở nhà, nghe radio, đọc sách báo, thư từ bển nhà, và ngồi viết « Bức Thư Paris » đầu năm gửi về bạn.

Tôi muốn để hồn tôi chìm đắm trong lặng lẽ, cô-liêu để hòa hợp với tâm hồn phân vân của đồng-bào Miền Nam Việt-Nam.

Trong lúc một mình ngồi trước bàn giấy đọc thư từ, báo chí tôi đã đọc vài câu đặc biệt; chẳng hạn như một người

Câu nói ấy đã tỏ ra nỗi bực tức và chán nản.

Một người « em » khác đã viết cho tôi một bài thơ rất cảm

động « Anh đâu thấu rõ ». Và khi dở tập thơ «*Không Bờ Bến*» của *Tuệ Mai* tôi thấy bốn câu thơ rất hay, rất hợp với tâm hồn tôi lúc này :

Tiếng muôn phương, ôi ! nhạc hờn nhưng nhức đó.
Cách đất trời không cách biệt nhịp ưu tư
Nẻo hôm nay... xa rồi đường trăng hướng gió
Nẻo hôm nay... lên gay gắt chuyện bây giờ

(Không Bờ Bến. — Thế là người — trang 36)

(Tập thơ này tôi sẽ có dịp bàn luận với các bạn)

Đọc mấy câu thơ này, tuy lời đẹp, nhạc trong, nhưng tôi nghiệm thấy — chẳng biết có đúng không — Tuệ Mai khi viết có lẽ buồn bực trước thời cuộc, và làm cho tôi nhớ lại mấy câu trong bài «*Tỳ-Bà-Hành*» của *Bạch-Cư-Dị*, mà Phạm-huy-Vịnh đã dịch sang thơ mình.

Nghe não ruột mấy giây buồn bực
Dường than niềm tấm tức bấy lâu
Mày chau tay gẩy khúc sầu
Giãi bày hết nỗi trước sau muộn vần

Thế rồi trên giòng thơ, hồn tôi chơi vơi, khiến tôi cầm bút tìm vần, vì đã lâu tôi chưa gặp lại Nàng Thơ.

Không biết đêm nay, trong gian phòng im lặng ở ngoại ô thành Paris, Nàng Thơ sẽ hiện hình là một thiếu nữ Việt-Nam mặt hoa hiền hậu, hay là một cô gái Âu phương, tóc vàng mắt xanh.

Sự tượng-trưng của người Hy-Lạp đêm nay không linh-nghiệm chút nào, vì « phòng văn vẫn lặng ngắt như tờ ». Tuy vậy ý tưởng của tôi vẫn liên hệ với ý tưởng trong thư các bạn và kết thành một bài nôm na mà tôi đề tựa là « *Đêm Đầu Năm* »

Trời trong xanh
Những mắt đẹp long lanh nguồn say mới,

Siết tay lại
Họp muôn nghìn xây dựng nước vinh quang
Ruộng vườn tươi thắm tình thương
Trái cây chín đỏ qua hàng rào xanh
Núi già phơi áng mây lành
Nụ cười hoa phượng nối cành hương thơm
Nhựa căng hi vọng nảy mầm
Cần chung một trái đồng tâm ngọt ngào,

Ưa duyên má thẹn hồng hào
Đẹp như sắc mộng đêm nào chưa phai.
Chớ để gió lạnh
Lọt giữa chúng mình
Đợi trời quang tạnh
Hẹn đời thêm xanh
Đêm nay thức tỉnh với Tình
Để nghe hồn nước nhắc mình chuyện xưa :
Từ khi sông núi hẹn hò
Biết bao tuyệt mỹ dưới cờ chiêu binh
Biết bao thế hệ hi sinh
Để dân có Nước để mình có nhau

✱

Ngửng lên ! Chân-Lý trên đầu
Siết tay huynh đệ bắc cầu phong quang !
« Nghìn hôn » xin gửi Quê-Hương »

Viết xong bài thơ này, ngửng đầu lên, thì ngoài trời, màn đen của đêm đã lợt lạt. Những tia sáng mầu sữa đã để những vệt trắng giữa chỗ tối của lan-can, và lọt qua tấm màn tergal, dọi vào bàn giấy. Ô ! thế ra đêm nay mình đã thức trọn đêm !

« *Đêm nay là trắng bao đêm ?* »

Tôi muốn sua đuổi những ý nghĩ não nề trong đêm đầu năm. Tôi nhớ lung tung : « Tuấn, chàng trai nước Việt » đi xe đò thổ tả, khi xe lùi hụi lên đèo, thì đã có chú cọp quen mồi ngồi đợi khách.

Tôi lại nhớ đến anh bạn Mai, khi còn ở bên này. Có khi chúng tôi làm « đuôi » ở Champs-Elysées để vào xem ciné. « Đuôi » dài lắm, nhưng đến lượt chúng tôi vào, thì anh gác cửa cho biết là « đuôi » đến đó là hết, và không còn chỗ nữa. Thế là hai anh em ra về, nhưng để đêm thứ bảy khỏi «suông», chúng tôi đi nghe các tài tử văn hoa kể chuyện khôi hài.

Tôi còn nhớ, trước một ngày anh về nước, chúng tôi đi nghe nhạc ở một «Hộp đêm». Một anh bạn, không nói cho ai hay, lại nói nhỏ với « chef » dàn nhạc. Rồi, vào lối 2 giờ khuya, nhạc trỗi bài hướng dạo « *Ce n' est qu' un au-revoir* » làm cho ai nấy đều cảm động. Nay anh bạn đã về quốc nội nhưng lòng bằng hữu vẫn thủy chung như nhứt, và lòng thương yêu đất nước của anh vẫn không phai !

Tôi lại sức nhớ đến bao nhiêu người còn ở lại quê người đất khách, đêm nay hướng về Tổ-quốc, chắc cõi lòng không khỏi se lại.

Nhớ vô cùng Tổ-Quốc ta ơi!
Nơi xa-xôi xin gửi đôi lời,
Lời nặng chĩu u-sầu và nước mắt
Lời nhớ thương đến khi đời ngừng tắt!
Đêm nay xin gửi về niềm Hy-vọng của ngày mai

Thôi viết đến đây xin tạm ngừng bạn nhé! Kẻo bể sầu sẽ tràn ngập nghìn phương!

● ★

CẢM TẠ

— Trung-Tướng Tư-Lệnh, Sĩ-quan, Hạ-sĩ-quan và Binh-sĩ Bộ Tư Lệnh Đ. P. Q.
— Nha Tuyên-úy Phật-Giáo.
— Ông Bà Trung-Tá Tỉnh-Trưởng Long-An.
— Thiếu-Tá Tỉnh-Trưởng cùng toàn thể Quân-Dân-Chính các Ty-sở Tỉnh An-Xuyên.
— Thiếu-Tá Chỉ Huy Trưởng Hỏa-Xa
— Đại-Úy Tỉnh-Đoàn-Trưởng, Sĩ-quan, Hạ-sĩ-quan và Binh-sĩ ĐPQ Tỉnh An-Xuyên.
— Ông Bà Trưởng-Ty cùng nhân viên Ty Thanh-niên An-Xuyên.
— Đại Đội Mai táng Quân-y-viện Cộng-Hòa
— Nam-Nữ Huấn-luyện-viên Phủ Đặc-Ủy Thanh-Niên
— Bà Hiệu-Trưởng và Nữ-Sinh Trường Nữ Trung-học Gia-Long Saigon
— Cùng toàn thể thân bằng quyến thuộc đã đến chia buồn, phúng điếu giúp đỡ mọi phương diện và đưa linh cữu con, em chúng tôi là :

Thiếu-Úy **Đặng hữu Hy** đã tử trận ngày 20-1-1965 tại An-Xuyên, đến nơi an nghỉ cuối cùng.

Trong lúc tang gia bối rối có điều gì sơ xuất xin lượng tình tha thứ.

Cha : ĐẶNG-HỮU-KÝ
Anh : ĐẶNG-HỮU-TIẾN vợ và các con
ĐẶNG-HỮU-HIỀN
ĐẶNG-HỮU-LIỄU và vợ
Chị : ĐẶNG-THỊ NHƯ-NGỘ chồng và các con
ĐẶNG-THỊ NHƯ-MAI
ĐẶNG-THỊ NHƯ-LAN
— Cùng tang gia đồng bái tạ

nguồn thơ

● MỘNG-TỐ-NGA
(Quảng-Ngãi)

Tôi mua Thơ từ lòng tim huyền nhiệm
Và trồng thơ trong khối óc thương đau
Thơ tôi vướng bận trăng sao
Lung linh ánh ngọc tỏa hào quang châu
Nẻo trần tôi gieo vận
Đường thơ bay qua mấy vạn nhịp cầu
Khổ đau là phân tốt
Tưới vườn thơ bằng vạn lớp mưa ngâu
Thơ tôi không mua bằng vàng bạc
Thơ tôi toàn ngọc lệ hoa sầu
Thơ tôi người mua rất đắt
Bằng tình thương qua bốn bể năm châu
Êm êm làn hương dịu
Sáng sáng ngọc hào quang
Thơm thơm mùa xuân ý
Cây thơ nở cành hoa vàng
Ngàn âm thanh kết lá
Ngàn màu sắc kết hoa
Ngàn con tim kết trái
Cây thơ tủa ngọn thái hòa
Ngàn đời sau, vạn đời sau
Lệ thơ còn yên ủi
Dòng thơ bay chưa trọn xứ mê sầu
Ngàn đời sau, vạn đời sau
Nhựa thơ còn rào rạt
Xin gởi về biếu trọn những hồn đau.

nhân-sinh-quan của

NHÀ NHO VIỆT-NAM

từ cuối thế-kỷ XIX qua thi-ca

(tiếp theo P.T. 142)

★ Phạm-văn-Sơn

Sĩ-phong sĩ-khí đã mất, nhưng đến lòng ham danh ham lợi, ham các cuộc ăn chơi lãng-mạn họ không thua kém ai. Động-cơ thúc đẩy họ đến xu-hướng cầu an hưởng lạc, có lẽ bởi họ tự thấy họ hèn không dám cầm gươm cùng nhân dân tranh đấu với quân xâm-lược, họ lại không có can-đảm khước-từ miếng đỉnh-trung và nhiều kẻ đã dối mình bằng nhiều lý-lẽ giả-tạo, mua vui trong rượu chè, hoa nguyệt để khỏi nhìn thấy những nỗi lầm than của dân chúng, để quên cái nhục vong nô v.v...

Chúng ta hãy đi vào quan-điểm sống của nho-phái trên đây mà đại-diện đáng kể là Dương-Lâm, Dương-Khuê, Chu-Mạnh-Trinh được biểu-lộ trong các thi ca của họ.

Dương-Khuê hiệu là Vân-Trì (sinh năm 1839, chết năm 1902, đỗ tiến-sĩ năm 1868) viết :

Trời đã sinh ra kiếp làm người,
Chả chơi người cười ra chú vích,
Được ngày nào ta chơi cho thích,

Có phong lưu thanh lịch mới là trai,
Thấy ai ai, ta cũng ai ai,
Ai ai ấy thì ta cũng ấy,
Chớ có quở chữ dâm là chữ bậy,
Nếu không dâm sao nảy ra hiền ?
. . . . . .
Sao con tạo trêu người không chán
Mà xui nhau cái dại vô chừng.
Chơi cho phờ râu, cho trắng mắt,
cho long giải yếm, cho bục giây lưng,
Còn tham tiếc chen chân vào cõi dại !

Đối với thú nguyệt-hoa hay Vệ-nữ-thần quả Ông Nghè Vân Trì đã hết lòng phục vụ, siêng năng và trung-thành. Có lẽ rằng suốt đời Ông, thú này đã được kể là số một, nghĩa là ông chỉ luôn luôn bận-bịu vì nó chẳng vậy vào những năm lụt lội, người ta thường lo đến dân tình nheo nhóc, người mất của tan mà họ Dương vịnh lụt chỉ đưa ra ý kiến dưới đây :

Cá tôm là bạn, nước là nhà
Sen nhặt bên sân mấy đóa hoa.
Chạy lụt, chị em về đó chửa ?
Gió thu dạo lại khúc tỳ bà !

Kể cũng nhẫn tâm thật nhưng hậu tình đối với chị em đến thế là hết chỗ nói. Thì ra, tâm hồn của con người ấy quanh năm ngày, tháng đã bị ám ảnh vì tiếng đàn nhịp hát hay đê mê trong vòng tay hay sóng mắt của các đào-nương : các cô đào Tĩnh, đào Phẩm, đào Cần, đào Ngọ v.v...

Rồi một buổi tái ngộ với cô đào Tuyết, Dương-Khuê đã than tiếc :

Ngày xưa Tuyết muốn lấy Ông,
Ông chê Tuyết bé, Tuyết không biết gì.
Bây giờ Tuyết đã đến thì,
Ông muốn lấy Tuyết, Tuyết chê ông già...

Thảm hại hơn nữa, ông đem cả đạo Nho, cả tình thầy trò ra đùa cợt với ca-nhi trong những cuộc tình duyên vụn-vặt :

Hỏi nàng đã mấy mươi tuổi lẻ ?
Chốn học-xá lấy gì là vui vẻ,
Dịch lại đây ta xẻ túi thơ cho !
Họa may nên nghĩa thày trò (!)

Họ Dương còn chưa chịu buông tha cả những cô đào đã hoàn lương bằng cách kết duyên với một ông già, tỉ-dụ cô đào Phẩm, đáng lẽ phải mừng cho cô đã được trở về với cuộc đời trong sạch :

Ngoài bốn mươi xuân sắc liễu mai chi ?
Mà tâm đảm tương kỳ còn bắt ngát !

Còn sênh phách, còn đàn còn hát,
Còn tơduyên với bác Thanh Nhàn!
Ế đâu đến xóm Bình-Khang ?

Tại đây ta cũng có thể phê : Tàn nhẫn thật ! Ích kỷ đến thế này là cùng ! Nhưng Dương-Khuê còn dám phũ phàng đùa bỡn cả với nỗi đau khổ của một ca-nhi góa chồng phải tiếp tục đi hát để kiếm ăn :

Nghe đàn nhớ lão Chung-Kỳ,
Vợ mi ở đó, mi đi mô chừ ?
Sớm khuya xe tẩu phụng thờ,
Góa chồng cũng thể như chưa có chồng...

Và tới lúc đêm lặn canh tàn, người sĩ-phu đất Vân-Trì đã có cử-chỉ gì qua câu thơ dưới đây :

Gượng ngồi lại hát chơi khúc nữa,
Ai trách chi tang chở xóm Bình Khang.

Xưa nay nghề nghiệp thế thường.

Dĩ-nhiên trước những hành động trâng-tráo, ít đạo-đức, ít luân-lý ấy dư-luận đã xì-xào, ông ta đã dám trả lời :

Ngoài tai ấy tha hồ ai gọi,
Rằng ngựa trâu, vâng cũng ngựa trâu !
Nào ai đã hẳn hơn đâu (!)

Ta hãy tạm chấm dứt với cái thú hành lạc của Vân-Trì tiên-sinh nó đã gây nên một sự phóng-túng cùng-cực về thể-xác cũng như tâm hồn, nó còn làm đọa-lạc cả lễ-giáo của nhà Nho. Điều này khác hẳn với cái quan-niệm sống của Nguyễn-Công-Trứ luôn luôn nhắc đến sự nghiệp của con người qua « *Nợ tang bồng... Chí nam nhi* » điều mà Hi-Văn[1] tiên sinh thường suốt đời thắc-mắc. Liên-hệ đến vấn-đề này ta chỉ thấy ông nghè họ Dương, ngoài thú hành-lạc còn lo cấu-kết với các chủ mới trong đám Nam-triều, kiếm vây cánh trong đám người đắc thời với Thực-dân Pháp, tỉ-dụ Hoàng-Cao-Khải(2) một đại Việt-gian và anh em họ Dương cũng đã từng phen ở dưới trướng Nguyễn Hữu Độ cũng là một công-thần bậc nhất của Nhà-Nước Bảo-Hộ thì còn nói gì nữa. Nhờ được nhiều thế lực và ân-sủng của tân-trào chứa chan như nước chảy họ Dương đã khoe gia-thế nhà mình trong một bài *Hát nói* vào dịp các cụ cố được tặng phong :

... Đầy một sân vừa huệ, vừa quế, vừa cúc vừa lan,
Màu son phấn chứa chan đều đủ cả.

Giọt vũ lộ nghiêng bầu tạo-hóa,
Gương tuyết ti treo giá cầm thư.
Muốn sao trời đất cũng ừ.

1) Hi-Văn là biệt hiệu của Nguyễn-công-Trứ.

(2) Họ Dương là xui gia của họ Hoàng.

Đong phúc trạch đã dư thăng đấu lẻ.
Mượn bút thiên tào ta thử vẽ,
Về ra long, ra lỵ, ra loan, nghê, phụng, thế cũng là xinh,
Một nhà riêng một triều đình (!)

Để trả ơn Nguyễn-tướng-Công (!) đã hết lòng nâng đỡ anh em mình, họ Dương ca tụng công đức của quan thày trong khi họ Nguyễn dựng sinh-từ như sau :

Thừa-tướng đại danh thùy vũ-trụ,
Sinh-từ trường dữ thử giang-san (!)

hoặc :

Công ai tái tạo sơn-hà,
Ơn ai như Phật mnôn nhà tựa nương (!)

. . . . . .

Hỏi ai cỏ hoa đà biết chửa,
Nước non nhà còn đó bởi vì ai ?
Còn sông Tô, Nhị còn dài,
Còn bia Nùng, Khán còn lời niệm ân (!)

Sau này cụ Tam Nguyên Yên-Đổ đi qua Sinh-từ này đã đọc đôi câu đối trên đây thấy nó quá nặng mùi, nên mặc dầu Yên-Đổ với Vân-Trì tình bạn rất thắm thiết mà vẫn phải hạ 4 câu mai mỉa như sau :

Công khứ quan đới bất phục tập.
Hương hỏa tịch tịch, hòa li li.
Dân kiến đệ nhị vô danh công
Triêu tịch huê trương lai vu ti..,

(Quá Quận Công Nguyễn Hữu Độ sinh từ hữu cảm)

Tạm dịch :

«Ngài «về» đai mũ cũng lui
«Khói hương lạnh ngắt, lúa thời tốt thay !
Sớm chiều một lão ăn mày,
Lôi thôi bị gậy nơi đây ra vào,,.

(Cảm tác khi đi qua đền Sinh Từ của Quận công Nguyễn-Hữu-Độ)

Ông già làng Yên-đổ còn chơi ác hơn nữa là đã diễu cợt Việt-gian họ Nguyễn bằng hai câu thơ nữa :

Khí nghiệp thùy như Tống Quận Công
Y quan thử khứ tiện thành không..:

(Văn Tống Quận Công Nguyễn Hữu-Độ phó hữu cảm)

Tạm dịch :

«Nghiệp lớn ai bằng Tống Quận Công
«Chết đi áo mão cũng...ra đồng!..

Như vậy khen đúng hay chê đúng ? Nhìn vào thân-thế sự-nghiệp của hai họ Nguyễn, Dương ta đã thấy có lời giải đáp rõ ràng.

(còn tiếp)

CHÚ THÍCH : Nguyễn Hữu Độ được Thực dân Pháp phong cho tước Tống Khê Quận Công

ĐẮC - KỶ

CÓ CÔNG HAY CÓ TỘI TRƯỚC LỊCH - SỬ

★ Thiếu - Sơn

ĐẮC KỶ không những là một nhân vật lịch-sử mà còn là một nhân vật điển hình. Điển hình cho một hạng phụ nữ có sắc đẹp nhưng lại dâm loàn và độc ác phá-hoại gia-đình, phá-hoại kỷ-cương và có thế làm điên đảo thiên-hạ. Đắc-Kỷ thật, Đắc-Kỷ lịch-sử đã phá-nát triều đình vua Trụ và làm tiêu-diệt luôn nhà Thương vào khoảng 1100 trước Tây lịch.

Nhà Thương trị vì từ năm 1783 tới năm 1135 trước Tây lịch tính ra được trên 600 năm.

Ba nhà Hạ, Thương, Châu ở đời Tam-Đại đều sản xuất được 3 người đàn-bà lịch-sử có nhan - sắc khuynh thành, khuynh quốc và cũng khuynh-đảo luôn sự-nghiệp của ba nhà. Nhà Hạ có nàng Muội-Hỷ làm say đắm vua Kiệt để chấm dứt sự-nghiệp của nhà Hạ. Nhà Thương có nàng Đắc-Kỷ làm say đắm vua Trụ để phá nát sự nghiệp của nhà Thương. Nhà Châu có nàng Bao-Tự làm say đắm U-Vương để rợ

Tây-Nhung xâm phạm triều đình làm cho vua kế-nghiệp phải bỏ Trường An dời đô qua Lạc-Ấp tạo nên thời-đại Xuân-Thu là một thời đại-loạn mà Thiên-tử nhà Châu chỉ còn hư-vị chứ thực-quyền đã vào tay ngũ-bá.

Sách sử, truyện đều lên án ba người đàn bà nói trên. Thậm-chí người ta còn thêu dệt ra những huyền-thoại cho rằng họ không phải là người, họ là hồ-ly quỉ-quái tu luyện thành người mới có đủ ác tâm và sức-lực để phá-hoại cả những triều đại đã được củng cố lâu đời mà những ông vua khai sáng đều là những minh quân, thánh chúa.

Óc khoa học không cho phép ta tin những huyền thoại mà người xưa đã bịa đặt ra để biến thành nên những con người phi thường những nhân-vật lịch-sử có những sự nghiệp phi thường, mặc dầu là những sự-nghiệp phá-hoại.

Dầu không phải là Hồ-ly quỉ-quái những người đàn bà bằng xương vàbằng thịt cũng vẫn làm được những việc phi thường hay hay dở.

Mới đây Tinh-Hoa Điện-Ảnh đã trình bày tại Saigon một cuốn phim Đắc-Kỷ không có những huyền thoại nói trên. Hơn thế nữa, nhà đạo diễn dường như sửa lại lịch sử biến Đắc-Kỷ thành nên một kỳ nữ đã cố tình hãm hại Trụ-Vương để cứu thiên hạ thoát khỏi một chế độ độc-tài khát máu, phản nước, hại dân.

Sự thật lịch-sử có lẽ không phải thế nhưng tất cả những sự kiện chung ra làm cho ta có thể tin tưởng là thế.

Nữ minh tinh Lâm-Đại đóng vai Đắc-Kỷ đã giúp cho đạo diễn thực hiện được ý muốn của mình. ★

Mở màn cuốn phim là những hình ảnh chiến-tranh tàn khốc và cảnh triều đình của Trụ-Vương một ông vua độc-tài đa-sát. Ông ham cảnh chém giết để thị-oai và trừng-phạt chư hầu không chiều theo ý muốn của ông. Triều đình của ông có lẫn lộn trung-thần và gian thần. Nhưng ông không thích trung thần và hay nghe gian-thần vì gian-thần khéo nịnh và thường khuyến-khích những việc làm theo ý thích của ông, nhiều khi còn quá ý muốn của ông nữa.

Hai gian-thần được tin cậy nhứt là Du-Hồn và Phí-Trọng. Công-khố khánh-kiệt vì chiến tranh. Trụ-vương bắt các nước chư hầu phải triều cống. Trong

số các chư-hầu có Tô-Hộ ở Dịch-Châu trễ nải trong việc đóng góp vì nước ông mắc thiên-tai bão lụt. Dân tình đã sơ-sác ông không muốn cho họ phải đóng góp thêm để triều-cống Thiên-Tử Du-Hồn được lịnh qua Dịch-Châu đốc thúc và là một cơ hội cho hắn hạch sách đủ điều. Hắn đòi hối-lộ và còn muốn luôn con gái của Tô-Hộ là Đắc-Kỷ. Đắc-Kỷ là một trang quốc sắc lại có thi-tài và sành âm-nhạc. Nàng đã có ýtrung-nhân là công tử Cơ-Phát, con Cơ-Xương là Tây-Bá-Hầu, một vua chư-hầu cường-thịnh và có uy-tín vào bực nhứt hồi bấy giờ. Bị Đắc-Kỷ cự tuyệt và làm nhục Du-Hồn liền tức tốc về Triều tâu với Trụ-Vương là Tô-Hộ khinh-mạn Thiên-Tử và có ýphản loạn. Thế là vua Trụ liền ra binh chinh phạt giết Tô-Hộ và cướp con gái người ta về hậu cung. Đắc-Kỷ có ý muốn quyên sinh nhưng người tỳ nữ khuyên nên sống để trả thù cho cha và để có ngày còn gặp lại ý-trung-nhân là Cơ-Phát.

Quả nhiên Trụ-Vương đã rước họa vào mình từ ngày có người đẹp ở hậu cung. Sắc đẹp của giai nhân làm ông say đắm và chi-phối trong mọi hành động của ông. Ông phong cho nàng làm thứ phi rồi truất phế luôn ngôi Hoàng-hậu để cho nàng lên thay thế.

Nàng gài bẫy cho Du-Hồn mon men tới hậu cung rồi la lên cho Du-Hồn mắc bẫy để lãnh một nhát gươm của Trụ-Vương. Thế là nàng đã tiêu diệt được một kẻ thù của gia-đình. Còn lại kẻ thù chính là Trụ-Vương, nàng còn phải mất nhiều công phu mới thanh toán được. Kẻ thù nầy còn cả một chế độ vững mạnh, một ngôi Thiên-Tử có chư-hầu phò trợ, có trung thần và quân đội tin theo một cách mù quáng. Muốn hạ nó phải làm nhân dân oán-ghét, phải hãm hại trung thần, phải khiến cho chư-hầu càng ngày càng ly tán.

*

Đắc-Kỷ chiều vua Trụ rồi bắt vua Trụ chiều nàng với bất cứ giá nào. Những thú vui ở hạ giới không đủ làm cho nàng thỏa-mãn, nàng đòi nhà vua phải hái Sao trên trời cho nàng và nhà vua cũng ưng theo. Nhà vua sai cất một lâu đài nhiều tầng như kiểu nhà chọc Trời ở bên Mỹ. Nhưng hồi đó người ta không gọi là đài chọc Trời mà gọi là đài « Hái Sao » và tức là « Bá-lạc-đài » như trong sách sử đã ghi. Muốn làm một lâu

đài như thế phải có những danh mộc do các nơi cung cấp, phải cần nhiều vật liệu, nhiều vàng, nhiều bạc, nhiều nhân công. Chư-hầu ta thán, nhân dân rên siết, nhưng tất cả đều phải khuất phục trước kẻ bạo chúa. Trái lại, bạo chúa lại khuất phục trước một người đàn bà. Nhà đạo diễn cho trình bày một cảnh người đẹp tắm. Khi ở hồ tắm bước lên Đắc-Kỷ khoác một áo choàng tắm thì vua Trụ đã lật đật tới cung nghinh. Nàng mở khăn choàng cho nhà vua chiêm ngưỡng tấm thân ngà ngọc thì ông liền thủ phục để tán thưởng cũng như thiên-hạ đã thủ phục trước uy-quyền và uy-lực của ông. Đoạn phim này chứng tỏ sáng kiến của nhà đạo diễn muốn chứng tỏ cái uy lực của mỹ nhân, một uy lực khuynh-quốc, khuynh thành đã làm cho Trụ-vương phải khuất phục và sẽ phá nát sự nghiệp của nhà Thương.

Trước mỹ-nhân vị Thiên-Tử độc tài đã biến thành một tên nô lệ chỉ nhắm mắt vâng lời để làm vừa lòng người đẹp. Trung thần như Tỉ-Can mà phải moi gan giữa Triều đình vì những lời can gián không làm đẹp lòng kẻ hôn quân.

Tây-Bá-hầu Cơ-Xương bị giam nơi Dữu-Lý. Con Tây-bá-hầu là Cơ-Phát đem lễ vật tó, để gỡ tội cho cha cũng bị bắt giam luôn. Phí-Trọng dèm pha khiến Trụ-vương cho lính thủ tiêu cả hai người. Nhưng hay kịp, Đắc-Kỷ đã đem tiền bạc hối lộ cứu thoát cả hai người. Phí-Trọng đem hai tên tù khác đánh tráo và giết đi để lừa dối vua Trụ.

Cơ-Xương tức là Văn-Vương. Cơ-Phát tức là Võ-Vương. Văn Vương còn nghĩ tình vua tôi không nỡ phản. Nhưng Võ-Vương cương quyết diệt Trụ để đem thái bình lại cho thiên hạ.

Ông hội 800 nước chư hầu kéo quân vào đánh Vua Trụ. Quân nhà vua cũng mở đường cho quân Võ-Vượng tiến. Quân địch chạy vào thành mà Trụ vương còn say mê trên lầu cao cùng Đắc-Kỷ. Biết là không chạy thoát nhà vua chỉ mong được chết trên tay người đẹp. Nhưng người đẹp chỉ trông đợi gặp lại ý-trung-nhân. Khi chàng đến thì cung điện đã bốc cháy tứ bề. Người yêu cũng chết cháy nhưng trước khi chết nàng đã sung sướng được thấy kẻ thù đương làm mồi

cho ngọn lửa và sự nghiệp của hắn đã sụp đổ tan tành

★

Truyện phim trên đây nhứt định là không đúng với những điều đã ghi trong sử sách, nhưng chắc gì sử sách đã ghi đúng sự thực vì là những truyện đã xảy ra trên ngàn năm trước Tây-lịch, trong một thời đại mà nhân loại mới thoát khỏi chế độ bộ-lạc mà sống dưới chế độ phong kiến ? Cả ngàn nước chư hầu họp lại để bầu nên một vị Thiên Tử. Đáng lẽ Thiên-Tử chỉ là một nhà trọng tài, một người anh cả, hơn nữa thì là một người trưởng tộc, một ông cha hiền từ. Nhưng khi Thiên-Tử coi mình là độc-tôn, coi chư hầu là tôi mọi thì vị Thiên-Tử đó đã làm sai sứ mạng của mình và các nước chư hầu bắt buộc phải có thái độ.

Vua Nghiêu truyền ngôi cho vua Thuấn, Vua Thuấn truyền ngôi cho vua Võ là làm theo sứ-mạng đối với các nước chư hầu cần có người hiền để lãnh đạo thiên hạ. Nhưng truyền thống truyền-hiền không duy trì được lâu vì Thiên Tử cũng là người và cũng có những tham vọng của con người là nghĩ tới mình trước đã. Mình không kéo dài sự sống được thì truyền lại cho con cháu dòng họ của mình. Vì thế mà minh-quân thường chỉ là những ông vua khai sáng đã cùng nhân dân tranh đấu nên còn nghĩ tới lợi quyền của nhân dân. Con cái các ông tọa hưởng kỳ thành đâu có nghĩ gì tới chư hầu và thiên hạ ? Vì thế mới nẩy sanh hạng hôn quân vô đạo mà Kiệt, Trụ là điển hình.

Nói riêng về vua Trụ thì ông đã là một kẻ bạo chúa thích nịnh bợ và không thích trung-thần, ham việc binh đao mà không cho dân được an cư lạc-nghiệp. Ông đã hư sẵn rồi chứ không phải Đắc-Kỷ đã làm cho ông hư. Nhưng Đắc-Kỷ chỉ làm cho ông hư thêm để thúc đẩy cho ông làm bậy thêm nữa để mau đi đến chỗ sụp đổ hoàn toàn. Đắc-Kỷ có tội thì chỉ có tội với nhà Thương nhưng đối với một kẻ thù đã giết cha nàng như vua Trụ thì nàng vẫn có quyền trả thù mà không có tội gì cả. Trái lại nàng đã có công làm suy sụp một triều đại đã thối nát để thiên hạ lựa người hiền đưa lên lãnh đạo mình. Người hiền đó chính là vua Võ-Vương, người đã khai sáng ra nhà Châu. Võ-Vương quả là bậc minh quân, nhưng nếu con cháu ông về sau lại bê-tha hủ-hóa thì rồi cũng phải chịu

luật đào thải nghiêm khốc của lịch sử.

Cho rằng nhà đạo diễn đã bịa ra chuyện ái ân giữa Đắc-Kỷ và Cơ-Phát, điều đó không lấy gì là quan trọng, nhà văn nghệ có quyền tiểu thuyết hóa tất cả. Lịch sử cũng vẫn bị tiểu thuyết hóa như thường.

Phim Đắc Kỷ bị tiểu thuyết hóa rất nhiều, nhưng chính nhờ đó mà biểu lộ một quan niệm chính xác của lịch-sử là không tôn trọng riêng một triều đại nào và luôn luôn lấy quyền lợi của nhân dân làm gốc.

Vua Trụ đã chà đạp lên quyền lợi của nhân dân thì nhân-dân có quyền hạ ông xuống để cho người xứng đáng thay thế. Người xứng đáng đó là Tây-bá-hầu Cơ Phát.

Dầu Đắc-Kỷ không phải là người tình của Cơ-Phát, nàng cũng đã góp công rất nhiều để làm sụp đổ Trụ-Vương.

Nàng không phải là Hồ-ly, là quỷ cái, nàng đã hữu ý hay vô-tình nhúng tay vào một cuộc cách mạng lớn lao trong lịch-sử.

Nàng không có tội, nàng chỉ có công với lịch-sử.

● ★

BẠN ĐỌC THÂN MẾN

Vì một lý do đặc biệt bài « Mình ơi ! » của Diệu Huyền không thể in được trong số báo Tân Niên này. Xin trân trọng cáo lỗi cùng bạn đọc.

PHỔ - THÔNG

K.N. số 25 BYTBQCD 18-10-62

BA MƯƠI ! BA MƯƠI !

Lòng người trai BA MƯƠI
Vui như trẻ lên mười
Yêu như trẻ mười bảy
Buồn như sắc năm mươi

Các bạn thanh niên học-sinh nam nữ !
Các bạn sinh viên Đại-Học Saigon, Đalat, Huế !

Tìm đọc

BA MƯƠI của TRẦN-CHÂU-HỒ
đã phát hành toàn quốc !!!

●

Linh mục CAO-VĂN-LUẬN
Nguyên Viện-Trưởng Viện Đại-Học Huế
phê bình BA MƯƠI :

« Bạn CHÂU-HỒ !

« ... Tôi rất thích tập truyện ấy. Tôi chắc tập BA MƯƠI sẽ giúp ích nhiều cho các bạn học-sinh và sinh-viên, những người đang gặp những hoàn cảnh khó khăn mà bạn đã gặp. Đọc tập BA MƯƠI của bạn, chắc họ cũng được phấn khởi hơn lên một phần nào trong cố gắng thành NGƯỜI của họ...»

— Bà H. T. A. Saigon :

« ... Tôi yêu những mối tình Nguyễn-Kính !
Những mối tình thơ mộng như DÒNG SÔNG XANH.
não nùng như DẠ-KHÚC, và đẹp như TIẾNG THƠ THẾ-LỮ... »

255 trang. Giá 63đ

K.N. số 260 ngày 20-6-63

KINH - LÝ VĂN - PHÒNG
110, đại lộ Nguyễn-Huệ — Saigon
Điện-thoại 23.187

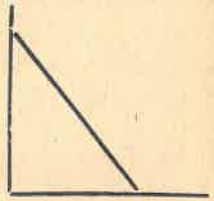

Phạm - văn - Lạng
Giám-Định Trắc-địa-sư
Géomètre — Expert

373, Phan-thanh-Giản SAIGON

K.D. số 07 ngày 9 - 2 - 65

CARDIOCORINE

CARDIOCORINE

Nước Ngọt « CON COP »

Nguồn mạch Sức Khỏe và Vui Tươi

Nước Ngọt « CON COP » mỗi chai
Là nguồn Vui Mạnh kéo dài Tuổi Xuân

LE SECOURS

Công-Ty Bảo-Hiểm và tái Bảo-Hiểm những tai nạn, hỏa-hoạn, hàng-hóa, trộm cắp và tất cả các rủi ro

Trụ sở chánh :
30-32, đường Laffite — Paris (9ème)

Chi-Cuộc Viễn-Đông
16, đại-lộ Nguyễn-Huệ — Saigon
Điện-Thoại : 20.461

- **Bồi thường mau lẹ**
- **Nghi thức giản tiện**

Khi hữu sự hãy hỏi thăm liền chớ ngần ngại — Mọi sự dễ dãi và tiếp rước niềm nở sẽ dành cho khách bảo-hiểm.

Xổ Số Kiến-Thiết Quốc-Gia
Giúp nước thêm nhà ta thêm của
3 LÔ ĐỘC ĐẮC
mỗi lô
1.000.000$
XỔ THỨ BA HÀNG TUẦN, MỖI VÉ 10$
THẦN-TÀI CHẲNG VỊ RIÊNG AI
CỨ MUA VÉ SỐ
THÌ THẦN-TÀI SẼ ĐẾN THĂM

CÙ-LÀ

AJI

古那油

VIỆN BÀO CHẾ
NGUYỄN-CHÍ
KN. 697.BYT/QCDP. 21/2/64

GLUCOCÉ
TÉVÉTÉ
KẸO SINH TỐ
CHỐNG MỆT-MỎI THỂ XÁC và TRÍ-ÓC
NGỪA NHIỄM-ĐỘC VI-TRÙNG
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY và TIỆM TRỮ ÂU-DƯỢC

Số 252 BYT/QCDP/18-10-62

Kính Chúc Quý Vị
Hạnh Phúc
Thịnh Vượng
An Khương
trong Năm Mới

Nhà Thuốc MẠC PHSU
205 LÊ-THÁNH-TÔN SAIGON — Điện thoại : 22,256

Giấy phép số 292 CDV/TT/NĐ ngày 9-10-1961
Quản nhiệm : **NGUYỄN-VỸ**
In tại THƯ LÂM ÁN THƯ QUÁN
231-233, *Phạm Ngũ-Lão — Saigon*